

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

KHOA LUẬT

NGÔ NGỌC PHƯƠNG

**BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ TẠI VIỆT NAM
VỚI VIỆC VIỆT NAM GIA NHẬP CÔNG ƯỚC
BERNE**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2006

MỤC LỤC

	Trang
<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: LÝ LUẬN VỀ QUYỀN TÁC GIẢ. NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH CỦA CÔNG ƯỚC BERNE. KINH NGHIỆM LẬP PHÁP VÀ BẢO VỆ QUYỀN TÁC GIẢ Ở TRUNG QUỐC KHI GIA NHẬP CÔNG ƯỚC BERNE	6
1.1. Khái quát chung về quyền tác giả	6
1.1.1. Khái niệm quyền tác giả	6
1.1.2. Đặc trưng của quyền tác giả	8
1.2. Phân biệt quyền tác giả với quyền sở hữu công nghiệp	12
1.3. Lịch sử hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật về bảo hộ quyền tác giả và sự ra đời của Công ước Berne	15
1.3.1. Lịch sử hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật về bảo hộ quyền tác giả	15
1.3.2. Sự ra đời của Công ước Berne	17
1.3.3. Nội dung cơ bản của Công ước Berne	20
1.3.3.1. Nguyên tắc đối xử bình đẳng: tác phẩm có nguồn gốc từ các nước thành viên đều được bảo hộ như nhau	20
1.3.3.2. Nguyên tắc bảo hộ đương nhiên: khi tác phẩm được định hình dưới một hình thức vật chất nhất định thì quyền tác giả cũng lập tức phát sinh mà không phụ thuộc vào bất kỳ thủ tục nào	22
1.3.3.3. Nguyên tắc bảo hộ độc lập: việc thực thi và hưởng các quyền theo Công ước là độc lập với những quyền đang được hưởng tại nước xuất xứ tác phẩm	24
1.3.4. Đối tượng được bảo hộ	24
1.3.5. Các quyền được bảo hộ	26
1.3.6. Thời hạn bảo hộ	28

1.3.7.	Những ngoại lệ của Công ước	29
1.3.8.	Những điều lệ giới hạn sự bảo hộ	30
1.3.9.	Thực thi Công ước và chế tài	31
1.4.	Sự hình thành của hệ thống pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền tác giả	32
1.5.	Kinh nghiệm lập pháp và bảo vệ quyền tác giả ở Trung Quốc khi gia nhập Công ước Berne	34
1.5.1.	Khái quát chung về hệ thống pháp luật Trung Quốc trong lĩnh vực quyền tác giả	34
1.5.2.	Bảo vệ quyền tác giả ở Trung Quốc	37
1.5.2.1.	Các biện pháp hành chính	41
1.5.2.2.	Các biện pháp dân sự	42
1.5.2.3.	Các biện pháp hình sự	42
1.5.2.4.	Những biện pháp đặc biệt về hải quan và biên giới	44
1.5.3.	Thực tiễn bảo vệ quyền tác giả ở Trung Quốc khi gia nhập Công ước Berne	48
	Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ KHI THAM GIA CÔNG ƯỚC BERNE	51
2.1.	Điều kiện bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học nghệ thuật	51
2.2.	Chủ thể của quyền tác giả	52
2.2.1.	Tác giả	52
2.2.2.	Chủ sở hữu quyền tác giả	54
2.3.	Nội dung quyền tác giả	56
2.3.1.	Quyền nhân thân	56
2.3.1.1.	Quyền đặt tên cho tác phẩm	58
2.3.1.2.	Quyền đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, phổ biến, sử dụng	58
2.3.1.3.	Quyền công bố, phổ biến hoặc cho người khác công bố, phổ biến tác phẩm của mình	59
2.3.1.4.	Quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, cho phép hoặc không cho phép người khác sửa đổi nội dung tác phẩm	60

2.3.2.	Quyền tài sản	60
2.4.	Giới hạn quyền tác giả	63
2.4.1.	Thời hạn bảo hộ	64
2.4.2.	Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao	66
2.4.3.	Trường hợp sử dụng tác phẩm không phải xin phép nhưng phải trả thù lao	69
2.5.	Bảo vệ quyền tác giả	70
2.5.1.	Những quy định chung	70
2.5.2.	Xác định hành vi xâm phạm	72
2.5.3.	Xử lý vi phạm	74
2.5.3.1.	Biện pháp dân sự	74
2.5.3.2.	Biện pháp hành chính	76
2.5.3.3.	Biện pháp hình sự	78
2.5.3.4.	Các biện pháp kiểm soát xuất nhập khẩu	78
2.6.	Bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian	80
2.7.	Bảo hộ quyền tác giả đối với một số loại hình tác phẩm văn học nghệ thuật đặc thù trước cuộc cách mạng kỹ thuật số hiện nay	82
	Chương 3: CƠ HỘI; THÁCH THỨC VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI HỆ THỐNG BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ Ở VIỆT NAM KHI GIA NHẬP CÔNG ƯỚC BERNE	92
3.1	Thực trạng về bảo vệ quyền tác giả ở Việt Nam hiện nay	92
3.1.1.	Thị trường sách	92
3.1.2.	Thị trường âm nhạc	94
3.2	Cơ hội và thách thức khi Việt Nam gia nhập Công ước Berne	98
3.3	Những giải pháp đối với Việt Nam khi gia nhập Công ước Berne trong tiến trình hội nhập	108
	KẾT LUẬN	111
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	112

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Tháng Mười năm 2004 là thời điểm Việt Nam gia nhập công ước Berne về Bảo hộ quyền tác giả. Đây cũng là một trong những động thái của Việt Nam chuẩn bị cho quá trình gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Khi trở thành thành viên thứ 156 của Công ước, Nhà nước Việt Nam phải bảo hộ quyền tác giả cho các tác giả và chủ sở hữu tác phẩm trong nước cũng như các quốc gia là thành viên Công ước, đồng thời, các quốc gia thành viên Công ước cũng sẽ có nghĩa vụ bảo hộ quyền cho các tác giả và chủ sở hữu tác phẩm thuộc Việt Nam. Trước hết cần phải khẳng định, việc tham gia Công ước Berne là một bước tiến trong quá trình hội nhập của Việt Nam. Trở thành thành viên của Công ước, Việt Nam đã hòa nhập trong sân chơi mới, mà ở đó có những luật chơi có tác dụng làm lành mạnh môi trường văn hóa của các quốc gia thành viên.

Trong quan hệ quốc tế, văn hóa luôn được coi là một trong những yếu tố quan trọng để đánh giá đối tác, vì thế, đây sẽ là một cơ hội cho sự đầu tư và phát triển của Việt Nam.

Có mặt trong sân chơi này, cũng có nghĩa là môi trường văn hóa Việt Nam sẽ được thanh lọc, tình trạng vi phạm bản quyền, dùng tác phẩm của người khác để khai thác lợi nhuận sẽ bị loại trừ. Khi công sức của mình được công nhận, quyền lợi chính đáng được bảo hộ một cách nghiêm túc, các tác giả sẽ có nhiều động lực để thúc đẩy sự sáng tạo. Người Việt Nam sẽ được thưởng thức nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật hay hơn không chỉ vì nguồn lực sáng tạo trong nước được thúc đẩy, mà còn vì chất lượng nguồn tác phẩm nước ngoài vào Việt Nam sẽ được chọn lọc kỹ càng hơn. Bởi từ ngày 26-10-2004, muốn dịch một tác phẩm của các nước thành viên Công ước sang tiếng Việt để sử dụng ở Việt Nam, người sử dụng phải được sự đồng ý và trả phí sử

dụng cho người giữ bản quyền tác phẩm, vì thế, họ sẽ phải nghiên cứu kỹ hơn, cân nhắc chi phí và hiệu quả kinh doanh trước khi quyết định.

Trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay, sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ, việc bảo vệ quyền tác giả nói riêng, quyền sở hữu trí tuệ nói chung đang là một vấn đề ngày càng trở nên nóng bỏng. Đứng trước yêu cầu đó và thực tế phát triển kinh tế xã hội của nước ta, việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (bao gồm quyền tác giả, các quyền liên quan và quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng) đang được Nhà nước ta quan tâm, đặc biệt sau khi Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa kỳ được ký kết và Quốc hội phê chuẩn, ngày 7 tháng 11 năm nay, 2006, Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) trong đó quyền sở hữu trí tuệ là một bộ phận quan trọng trong các nội dung được đem ra đàm phán và Việt Nam ta cần phải cam kết thực hiện.

Bên cạnh đó, hiện nay tình trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng đang tiếp tục gia tăng, gây ra những hậu quả xấu đối với phát triển xã hội, ngược lại nếu thực thi quá chặt chẽ các điều ước quốc tế thì tất yếu sẽ dẫn tới việc các doanh nghiệp trong nước lâm vào tình thế khó khăn, người tiêu dùng trong nước sẽ không được hưởng thụ các tác phẩm văn học nghệ thuật với giá cả hợp túi tiền. Chính vì những yêu cầu bức xúc đó mà tác giả chọn đề tài: "***Bảo hộ quyền tác giả ở Việt Nam với việc Việt Nam gia nhập Công ước Berne***".

Do những vấn đề tác giả quan tâm đến khá nhiều, nên không thể tránh khỏi việc bản luận văn đôi chỗ loãng, không đi vào trọng tâm, không tránh khỏi những khiếm khuyết. Tác giả rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo và các đồng nghiệp để hoàn thiện vấn đề này trong tương lai.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Vấn đề quyền tác giả và bảo hộ quyền tác giả không phải đến bây giờ, tức là khi Việt Nam gia nhập Công ước Berne, rồi trở thành thành viên chính

thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) mới là vấn đề nóng hổi. Bộ Văn hóa thông tin, mà đầu mối là Cục bản quyền tác giả văn học nghệ thuật Việt Nam đã có nhiều cố gắng nghiên cứu, tổ chức nhiều cuộc hội thảo về vấn đề bảo hộ quyền tác giả, về hội nhập, về thực thi Công ước Berne, về các Luật mới như Luật xuất bản, Luật sở hữu trí tuệ... Các nhà xuất bản cũng rất quan tâm đến các vấn đề như mua bản quyền như thế nào, ở đâu, bao nhiêu tiền, thời hạn bao lâu, quyền và nghĩa vụ ra sao...

Ngày 27 và 28 tháng 1 năm 2005, nghĩa là chỉ vài tháng sau khi Việt Nam gia nhập Công ước Berne, có một cuộc hội thảo được tổ chức ở thành phố Hồ Chí Minh "Về vai trò quyền tác giả trong ngành công nghiệp xuất bản", do Cục bản quyền tác giả văn học nghệ thuật Việt Nam tổ chức. Tham gia hội thảo có tiến sĩ Vũ Mạnh Chu, Cục trưởng Cục bản quyền, bà Geidy Lung, chuyên gia của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), đại diện các nhà xuất bản và các tổ chức đại diện sở hữu trí tuệ. Có thể nói, đây là hội thảo quy mô nhất về vấn đề này từ trước đến nay. Năm 2005 cũng là năm Quốc hội xây dựng Luật sở hữu trí tuệ, nên việc nghiên cứu những vấn đề về quyền tác giả và bảo hộ quyền tác giả cũng được đề cao. Trong quá trình thực hiện bản luận văn này, tác giả đã đi tìm, sưu tầm tài liệu nhưng hầu như, rất ít.

Về những vấn đề mới như bảo vệ quyền tác giả trên internet, về bản quyền phần mềm, về hệ điều hành và phần mềm mã nguồn mở, bảo vệ tác quyền đối với các tác phẩm văn học nghệ thuật được số hóa ... hầu như chưa có công trình nghiên cứu nào về các vấn đề này ở cấp độ luận văn thạc sỹ luật học.

3. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

Bản luận văn này tác giả tập trung vào vấn đề bảo hộ quyền tác giả ở Việt Nam theo những quy định của pháp luật trong nước trong mối tương quan về nội dung pháp lý với Công ước Berne và một số văn bản liên quan. Trong quá trình nghiên cứu, do được tiếp xúc với một số giáo sư Hoa Kỳ và Trung Quốc đang giảng dạy ở trường Đại học Luật Quảng Đông, đại học Thân Hoa (Trung Quốc) nên tác giả tập trung nghiên cứu về pháp luật Trung

Quốc đã quy định như thế nào về vấn đề này, thực tiễn thực thi ở Trung Quốc ra sao và hiện nay những tồn tại trong xã hội Trung Quốc về vấn đề bản quyền tác giả như thế nào. Trên thực tế, giữa Việt Nam và Trung Quốc có rất nhiều điểm tương đồng về chính sách và hệ thống luật pháp. Việc nghiên cứu trên cơ sở phân tích và so sánh thực sự là rất có ích, nhất là hiện nay Trung Quốc đang thi hành một chính sách rất tốt trong mục tiêu cân bằng được giữa hội nhập và quyền lợi trong nước về vấn đề bảo vệ quyền tác giả.

Mặt khác, do vừa hoàn thành chương trình cử nhân công nghệ thông tin nên tác giả cũng quan tâm nhiều đến khía cạnh bản quyền tác giả đối với phần mềm, của hệ điều hành... nhất là việc giải quyết về bản quyền ngay từ khía cạnh kỹ thuật. Chính vì thế mà tác giả quan tâm đến vấn đề bảo vệ bản quyền của các sản phẩm trí tuệ trong kỷ nguyên kỹ thuật số.

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả cũng thu thập các thông tin về tình hình thị trường văn hóa phẩm trong nước, việc các cá nhân, tổ chức đang có những phản ứng ra sao với việc dần dần phải quen với việc sử dụng sản phẩm có bản quyền... Do đó tác giả đã dành một phần để quan tâm đến tình hình thực tiễn Việt Nam hiện nay, cố gắng nhìn nhận vấn đề và đưa ra các giải pháp...

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu tác giả lựa chọn xuất phát từ nguyên tắc chung của chủ nghĩa duy vật biện chứng, và cố gắng "tập" kết hợp thêm những phương pháp của lo-gic hình thức như so sánh, tổng hợp, phân tích, loại trừ...

Về việc tìm tài liệu, ngoài các tài liệu được giáo viên hướng dẫn cung cấp, tác giả dựa vào một nguồn quan trọng là internet, và một phương pháp thu thập nữa là đi đến tận nơi, xem tận mắt (Trung Quốc). Đây là một phương pháp mất nhiều thời gian và công sức, nhiều khi lại không có được những kết quả ưng ý về mặt pháp lý nhưng là những số liệu thực tiễn rất quý giá.

5. Những điểm mới của luận văn

Như tác giả đã trình bày ở trên, điểm mới của bản luận văn này là việc tác giả muốn nhìn nhận vấn đề bảo hộ quyền tác giả từ góc độ các tác phẩm đó được số hóa và phổ biến trên mạng internet. Sau đó là việc phát triển công nghệ của nước láng giềng Trung Quốc đã ảnh hưởng như thế nào đến công nghiệp sản xuất băng đĩa, từ đó ảnh hưởng đến vấn đề bảo vệ quyền tác giả ra sao... đây là một địa bàn có nhiều điểm tương đồng với thị trường văn hóa Việt Nam, nên tác giả cũng tập trung nghiên cứu như là một điểm nhấn của bản luận văn. Việc tác giả cố gắng sáng tạo để tìm một phương pháp tiếp cận mới - từ khía cạnh kỹ thuật có thể sẽ không được đánh giá cao về chuyên môn luật học, nhưng tác giả hy vọng Hội đồng sẽ bỏ qua những khiếm khuyết của bản luận văn này.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

***Chương 1:** Lý luận về quyền tác giả. Những nội dung chính của công ước Berne. Kinh nghiệm lập pháp và bảo vệ quyền tác giả ở Trung Quốc khi gia nhập công ước Berne*

***Chương 2:** Thực trạng pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền tác giả khi tham gia công ước Berne trước cuộc cách mạng kỹ thuật số hiện nay*

***Chương 3:** Cơ hội; thách thức và những giải pháp đối với Việt Nam khi gia nhập công ước Berne*

Chương 1

LÝ LUẬN VỀ QUYỀN TÁC GIẢ. NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH CỦA CÔNG ƯỚC BERNE. KINH NGHIỆM LẬP PHÁP VÀ BẢO VỆ QUYỀN TÁC GIẢ Ở TRUNG QUỐC KHI GIA NHẬP CÔNG ƯỚC BERNE

1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QUYỀN TÁC GIẢ

1.1.1. Khái niệm quyền tác giả

Quyền tác giả bao gồm một tập hợp quyền dành cho người sáng tạo đối với các tác phẩm văn học và nghệ thuật của họ. Các tác giả, và người thừa kế của họ, nắm giữ các độc quyền để sử dụng hoặc cấp li-xăng cho người khác sử dụng tác phẩm theo các điều kiện thỏa thuận. Người sáng tạo ra một tác phẩm có thể ngăn cấm hoặc cho phép, ví dụ:

- Sao chép lại tác phẩm dưới hình thức khác nhau, chẳng hạn như ấn phẩm hoặc bản ghi âm;
- Biểu diễn tác phẩm cho công chúng, như trong trường hợp một vở diễn hoặc tác phẩm âm nhạc
- Phát sóng tác phẩm, bao gồm phát thanh, truyền hình hoặc phát qua vệ tinh;
- Dịch tác phẩm sang ngôn ngữ khác, hoặc phóng tác tác phẩm, chẳng hạn như chuyển thể một tiểu thuyết thành phim.

Quyền tác giả áp dụng cho nhiều loại hình khác nhau của tác phẩm nghệ thuật, bao gồm hội họa, âm nhạc, thơ, vở diễn, sách, kiến trúc và múa, đồng thời áp dụng cho những tác phẩm thường không được coi là nghệ thuật như phần mềm máy tính, bản đồ và bản vẽ kỹ thuật.

Các quyền liên quan đến quyền tác giả: là những quyền đã phát triển trong khoảng chừng 50 năm gần đây, "xung quanh" quyền tác giả và bao gồm

quyền của người biểu diễn đối với cuộc biểu diễn của người đó, quyền của người chế tạo bản ghi âm đối với bản ghi âm đó và quyền của tổ chức phát sóng đối với cuộc phát sóng.

Để phổ biến chúng (ví dụ dưới hình thức xuất bản phẩm, bản ghi âm và phim), nhiều tác phẩm sáng tạo được bảo hộ theo quyền tác giả thường đòi hỏi sự phân phối, truyền đạt đại chúng cũng như đầu tư về tài chính. Vì lẽ đó, người sáng tạo thường chuyển nhượng các quyền của mình đối với tác phẩm cho những cá nhân hoặc công ty có khả năng tập hợp, đưa ra thị trường và phân phối tác phẩm, đổi lại họ được trả tiền (trả một lần hoặc nhuận bút). Các quyền kinh tế này có giới hạn về thời gian mà theo điều ước WIPO có liên quan thì là cuộc đời của tác giả và 50 năm sau khi tác giả chết. Ở một số nước, thời hạn trên đã được kéo dài tới 70 năm. Quyền tác giả cũng có thể bao gồm quyền tinh thần, liên quan đến quyền nhận danh nghĩa tác giả đối với một tác phẩm và quyền phản đối sự thay đổi tác phẩm có thể gây hại cho uy tín của tác giả.

Quyền tác giả cùng với quyền sở hữu công nghiệp tạo thành hai bộ phận chính của chế định quyền sở hữu trí tuệ là một chế định pháp luật quan trọng quy định về các vấn đề thiết lập và bảo hộ quyền của những người sáng tạo ra các sản phẩm trí tuệ, các sản phẩm vô hình, phi vật thể của con người. Sản phẩm trí tuệ của con người có thể được chia thành hai loại: Sản phẩm phục vụ nhu cầu tinh thần, giải trí (tác phẩm văn học, nghệ thuật, hội họa, sân khấu, điện ảnh...) và sản phẩm có tác dụng về mặt công nghiệp, thương mại (phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp...). Loại sản phẩm đầu tiên được bảo hộ theo pháp luật về quyền tác giả, còn loại sản phẩm thứ hai được bảo hộ theo pháp luật về quyền sở hữu công nghiệp. Hai chế định pháp luật này là hai bộ phận chính cấu thành chế định Quyền sở hữu trí tuệ.

Giữa hai quyền tác giả và sở hữu trí tuệ không có và không thể có ranh giới tuyệt đối, bởi có những sản phẩm trí tuệ vừa có tác dụng về mặt công nghiệp, thương mại nhưng vẫn có tác dụng phục vụ nhu cầu giải trí, tinh thần của con người.

Đồng thời, có những sản phẩm trí tuệ không hoàn toàn mang tính giải trí hay phục vụ nhu cầu tinh thần của con người cũng được bảo hộ theo luật về quyền tác giả như các phần mềm máy tính. Cũng cần phải giải quyết mối quan hệ giữa quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp đối với một số loại sản phẩm trí tuệ nhất định.

Như vậy, khái niệm "Quyền tác giả" được hiểu dưới hai góc độ:

- Theo nghĩa rộng: Quyền tác giả là một chế định pháp luật là tổng thể các quy phạm pháp luật xác định và bảo hộ các quyền nhân thân, quyền tài sản của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; quy định việc bảo vệ, khôi phục các quyền đó khi có hành vi xâm phạm. Như vậy, theo nghĩa rộng quyền tác giả không chỉ quy định các quyền năng tác giả, người sáng tạo tác phẩm mà còn mở rộng ra các vấn đề khác như đối tượng quyền tác giả, giới hạn quyền tác giả, thừa kế quyền tác giả, hợp đồng sử dụng tác phẩm...

- Theo nghĩa hẹp: Quyền tác giả bao gồm tổng thể các quyền của tác giả đối với tác phẩm mà mình đã sáng tạo ra.

Bản thân quyền tác giả cũng chứa đựng hai quyền: Quyền nhân thân và quyền tài sản. Theo quy định tại Điều 738, Bộ luật dân sự Việt Nam 2005 (Phần thứ sáu: Quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ - Chương XXXIV: Quyền tác giả và quyền liên quan - Mục 1: Quyền tác giả), tác giả có các quyền nhân thân như: Đặt tên cho tác phẩm; đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; công bố, phổ biến tác phẩm; cho hoặc không cho người khác sử dụng tác phẩm của mình; bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm. Các quyền tài sản của tác giả bao gồm: Được hưởng nhuận bút; được hưởng thù lao khi tác phẩm được sử dụng; được hưởng các lợi ích vật chất từ việc cho người khác sử dụng tác phẩm dưới các hình thức như xuất bản, tái bản, trưng bày, triển lãm, dịch, phóng tác, cải biên, chuyển thể, cho thuê...

1.1.2. Đặc trưng của quyền tác giả

Quyền tác giả là một bộ phận của quyền sở hữu trí tuệ, do vậy, quyền tác giả có đầy đủ các đặc trưng của quyền sở hữu trí tuệ. Quyền sở hữu trí tuệ

là một lĩnh vực sở hữu đặc thù có đối tượng là các tài sản vô hình, tài sản phi vật thể hình thành từ hoạt động sáng tạo của con người. Chính điều này cho phép phân biệt giữa sở hữu trí tuệ (sở hữu tài sản vô hình) và sở hữu tài sản thông thường (sở hữu tài sản hữu hình).

Sự khác biệt lớn nhất giữa hai loại sở hữu nói trên thể hiện ở chính đối tượng sở hữu. Nếu như đối tượng của sở hữu tài sản thông thường là các tài sản vật chất, hữu hình có thể tiếp cận về cơ học được, thì đối tượng của sở hữu trí tuệ là các tài sản vô hình, phi vật thể, là kết quả của hoạt động sáng tạo của con người, con người không thể tiếp cận cơ học vào chúng, ví dụ như một phát minh, một giải pháp hữu ích hay một bài thơ, một tác phẩm hội họa, một tác phẩm kiến trúc, mà chỉ có thể tiếp cận được với chúng khi và chỉ khi chúng được thể hiện ra dưới một hình thức vật chất nào đó: được in, vẽ trên giấy.

Chính sự khác biệt cơ bản đó đã dẫn đến sự khác nhau về khả năng chiếm hữu đối tượng. Nếu như tài sản vật thể không được đặc định hóa thì việc chiếm hữu có thể bằng cách khoanh vùng, cách ly nó khỏi những người khác thì với loại đối tượng của quyền tác giả lại khác. Nếu tác giả sáng tác ra một tác phẩm và giữ tuyệt đối bí mật không cho người khác biết, thì không nói làm gì. Nhưng một tác phẩm cần phải đến được với công chúng, thì nó mới có sức sống. Khi mà nó đến được với công chúng thì đây là một điểm khác biệt: ai cũng có thể được tiếp cận với nó. Một bài ca, bất kỳ ai yêu thích nó cũng có thể ngân nga lên những giai điệu của nó. Khi mà có hai bài "Tình ca", thì tiêu chí quan trọng để phân biệt giữa "Tình ca" của Phạm Duy và "Tình ca" của Hoàng Việt chính là tác giả, người đã sáng tác ra nó. Trong thời đại bùng nổ công nghệ hiện nay, việc sao chép tác phẩm đã trở nên quá dễ dàng. Một thể chế pháp luật để xác lập và bảo vệ quyền lợi của tác giả đối với tác phẩm văn học nghệ thuật càng trở nên cần thiết và cấp bách hơn bao giờ hết. Với quyền tác giả, không thể dùng phương pháp khoanh vùng, cách ly như đối với tài sản vật thể. Chúng ta có thể thấy rằng vấn đề quan trọng nhất đặt ra trong quyền sở hữu trí tuệ không còn là vấn đề chiếm hữu nữa, mà chính là vấn đề xác định ai là người có quyền khai thác, sử dụng đối tượng sở hữu.

Việc khai thác những đặc tính của đối tượng sở hữu do đó cũng khác nhau. Với tài sản là vật thể, người ta có thể đánh giá được giá trị kinh tế của nó qua một số tiêu chí như khả năng sinh lợi của nó trong tương lai do giá cả thị trường lên xuống, do công năng của nó có thể vận hành để ra lợi nhuận... tương đối chính xác thì với quyền tác giả thì khía cạnh vật chất của nó không dễ dàng gì đánh giá được. Nó có thể đem lại rất nhiều tiền, nhưng đồng thời có thể không mang lại được đồng nào. Về khía cạnh này thì giữa hai loại đối tượng vật thể và phi vật thể có sự tương đồng: hàng hóa nào cũng có nhóm đối tượng nhắm đến và khu vực địa lý của mình, do có sự tương đồng trong mục đích thương mại của việc sử dụng. Với quyền tác giả, ranh giới giữa người tiêu dùng và "tên kẻ cắp" tương đối mong manh và còn phải có nhiều tranh cãi. Việc khai thác khía cạnh thương mại của quyền tác giả nếu được sự cho phép của tác giả thì là hợp pháp, nhưng không được cho phép là "ăn cắp".

Quyền tác giả, với tư cách là một bộ phận của quyền sở hữu trí tuệ mang đầy đủ hai đặc trưng: Có đối tượng sở hữu là các tài sản vô hình và quyền sử dụng, khai thác đối tượng sở hữu có đặc tính thương mại. Đối tượng bảo hộ của quyền tác giả chính là tác phẩm. Các tác phẩm này tồn tại dưới nhiều hình thức, thể loại khác nhau: Tác phẩm viết, tác phẩm hội họa, tác phẩm sân khấu, tác phẩm âm nhạc...

Pháp luật không bảo hộ quyền tác giả tác phẩm khi nó mới chỉ là ý tưởng sáng tạo. Để được bảo hộ, ý tưởng sáng tạo đó phải được thể hiện ra ngoài bằng một hình thức cụ thể, bằng âm thanh, lời nói, chữ viết, hình khối, đường nét, màu sắc, ký hiệu... hoặc bất kỳ một phương tiện nào khác.

Ngoài ra, với tư cách là quyền dân sự, quyền tác giả có đặc trưng là một quyền nhân thân gắn liền với tài sản. Là quyền nhân thân, quyền tác giả mang đầy đủ các đặc tính pháp lý của các quyền nhân thân khác: Quyền dân sự gắn liền với mỗi cá nhân, không thể chuyển giao cho người khác. Bên cạnh đó, với đặc tính gắn liền với tài sản, chủ thể quyền tác giả được hưởng các lợi ích vật chất phát sinh từ đối tượng sở hữu của mình. Ở đây, quyền nhân thân

chính là tiền đề, là cơ sở để chủ thể hưởng quyền tài sản. Nói cách khác, quyền tài sản chính là hệ quả pháp lý của quyền nhân thân. Thật vậy, nếu tác giả không sáng tạo ra tác phẩm của mình, không có các quyền nhân thân đối với tác phẩm như quyền đặt tên cho tác phẩm, quyền cho phép hay không cho phép người khác sử dụng tác phẩm của mình... thì tác giả không thể có quyền hưởng nhuận bút, hưởng các lợi ích vật chất từ việc khai thác, sử dụng tác phẩm. Các quyền tài sản của tác giả có thể được chuyển giao cho người khác theo hợp đồng hoặc dưới hình thức thừa kế. Còn các quyền nhân thân thì gắn bó vĩnh viễn với tác giả, không thể chuyển giao cho người khác.

Quyền tác giả là lĩnh vực pháp luật quy định sự bảo hộ đối với "tác phẩm nguyên gốc do tác giả sáng tạo", bao gồm hội họa, điêu khắc, âm nhạc, tiểu thuyết, thơ, kịch, kiến trúc, múa, tài liệu hướng dẫn, tư liệu kỹ thuật, phần mềm máy tính và những tác phẩm khác. Sự bảo hộ pháp lý bắt nguồn từ việc một tác giả độc lập sáng tạo ra tác phẩm và "sự thể hiện" của tác giả về một ý tưởng là sự thể hiện nguyên gốc, thay vì nó được sao chép từ một người khác. Quyền tác giả có một tiêu chuẩn khác với tiêu chuẩn tính mới trong bằng độc quyền sáng chế, tức là lĩnh vực tập trung vào tính mới của ý tưởng hoặc khái niệm hữu ích, không tập trung vào sự thể hiện ý tưởng. Khác với sáng chế, tác phẩm do tác giả sáng tạo không cần mang tính hữu ích. Quyền tác giả chỉ dành cho sự thể hiện về ý tưởng hoặc khái niệm, không dành cho bản thân ý tưởng hoặc khái niệm. Sự khác biệt giữa quyền tác giả và bằng độc quyền sáng chế là "sự đối lập thể giữa sự hiện - ý tưởng". Ví dụ nổi tiếng là tuy vở kịch Romeo và Juliet của Shakespeare đã là một sự thể hiện sáng tạo, một tác phẩm được bảo hộ theo quyền tác giả (nếu như đã tồn tại một học thuyết như vậy lúc đó), nhưng tất cả các câu chuyện trai gái yêu nhau bất chấp sự cản trở về gia đình và đẳng cấp đều không xâm phạm vở kịch đó.

Không có một định nghĩa chung thể nào là tác phẩm thuộc phạm vi bảo hộ của quyền tác giả. Thay thế người ta dùng một khái niệm bao quát là các "tác phẩm văn học và nghệ thuật" - một tiêu chuẩn linh hoạt. Trên thực tế,

bảo hộ quyền tác giả đã được mở rộng tới cả những tác phẩm mà có thể người bình thường không coi là tác phẩm văn học cũng không coi là tác phẩm nghệ thuật, chẳng hạn như phần mềm máy tính hoặc tài liệu kỹ thuật.

Trên thực tế, cũng khó có được ranh giới rõ rệt giữa bảo hộ quyền tác giả và bảo hộ các quyền khác thuộc lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Bảo hộ quyền tác giả có thể phát sinh đối với cùng một sản phẩm hoặc công nghệ, đồng thời với những hình thức khác của sở hữu trí tuệ; ví dụ, một sáng chế liên quan đến phần mềm máy tính có thể được bảo hộ theo bằng độc quyền sáng chế, đồng thời mã phần mềm có thể được bảo hộ theo quyền tác giả. Tương tự như vậy, quyền tác giả có thể bảo hộ một tác phẩm nghệ thuật trong khi tác phẩm nghệ thuật đó cũng được bảo hộ dưới danh nghĩa một kiểu dáng công nghiệp, cũng như quyền tác giả có thể bảo hộ một văn bản trong khi văn bản đó còn là một bí mật thương mại.

1.2. PHÂN BIỆT QUYỀN TÁC GIẢ VỚI QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Các đặc trưng của "quyền sở hữu công nghiệp" khi đem đối chiếu với quyền sở hữu tài sản thông thường, với quyền tác giả thì sự khác biệt gần như chỉ có tính chất tương đối. Chẳng hạn như: không phải tất cả các đối tượng sở hữu công nghiệp đều được bảo hộ thông qua cơ chế cấp văn bằng bảo hộ. Một số đối tượng theo luật Việt Nam hiện hành như: tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật thương mại; đối với các đối tượng này chỉ cần đáp ứng được các tiêu chuẩn chặt chẽ về nội dung mà luật quy định thì mặc nhiên được bảo hộ. Có thể nhận thấy cơ chế này gần như cơ chế bảo hộ tự động, chủ sở hữu không phải tiến hành xác lập quyền theo thủ tục hành chính.

Dẫu sao việc chỉ ra đặc trưng của "quyền sở hữu công nghiệp" không chỉ có ý nghĩa lý luận. Giá trị thực tiễn ít nhất của việc nêu lên các đặc trưng riêng của "quyền sở hữu công nghiệp" mà mọi người có thể nhận thấy: đối với một đối tượng là sản phẩm trí tuệ của con người nó sẽ được hưởng cơ chế bảo hộ nào: cơ chế bảo hộ quyền tác giả hay cơ chế bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp dựa trên chính các đặc điểm của nó.

Sự khác biệt giữa hai lĩnh vực này thể hiện ở một số khía cạnh:

- Bảo hộ tác phẩm hướng tới sự bảo hộ hình thức sáng tạo chứa đựng nội dung tác phẩm thông qua các phương thức biểu hiện ngôn ngữ, màu sắc, hình ảnh.. Do đó nội dung bảo hộ là việc cấm người khác nhân bản tác phẩm, không được thay đổi nội dung tác phẩm nếu không được phép của tác giả. Còn bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp hướng tới bảo hộ nội dung đối tượng, bảo hộ ý tưởng bằng quy định cấm người khác sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa... để sản xuất, kinh doanh thương mại.

- Bảo hộ quyền tác giả phát sinh tự động, không đòi hỏi tác giả phải thực hiện một thủ tục nào. Đăng ký bản quyền tại cơ quan nhà nước không phải để xác lập quyền, mà chỉ là chế độ củng cố quyền lợi của tác giả mà thôi. Nếu mà có tranh chấp thì không phải chứng minh bằng chứng về quyền sở hữu đối với tác phẩm nữa. Quyền tác giả tự động phát sinh khi tác phẩm được thể hiện dưới một hình thức nhất định chính là chế độ "bảo hộ tự động". Do nguyên tắc bảo hộ tự động, nên trên lý thuyết có thể có hai tác phẩm tương tự nhau, được sáng tạo một cách độc lập đều cùng được bảo hộ. Đối lập với chế độ bảo hộ tự động, việc bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp phải tuân theo thủ tục hành chính, phải nộp đơn yêu cầu bảo hộ tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quyền sở hữu công nghiệp phát sinh trên cơ sở văn bằng bảo hộ, nếu không có yêu cầu bảo hộ thì quyền lợi không tự động phát sinh. Các đối tượng được bảo hộ thường phải đáp ứng được các tiêu chuẩn cao, phải có sự khác biệt so với các đối tượng cùng loại tức là không được trùng với các đối tượng cùng loại.

- Một sự khác biệt nữa cũng cần được nhắc đến: do quyền tác giả được bảo hộ tự động nên quyền tác giả được bảo hộ mà tác giả không phải chi trả các khoản tiền cho việc bảo hộ, còn trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp tồn tại quan hệ giữa chủ sở hữu và cơ quan nhà nước thông qua việc yêu cầu và cấp văn bằng bảo hộ nên dẫn đến khoản lệ phí bảo hộ mà chủ sở hữu phải thực hiện.

Sự khác biệt đó xuất phát từ một số lý do sau:

- Việc sáng tạo ra các tác phẩm văn học, nghệ thuật... nói chung để đáp ứng nhu cầu về tinh thần, văn hóa, tình cảm của con người. Còn việc sáng tạo ra các đối tượng sở hữu công nghiệp là nhằm để giải quyết các vấn đề đặt ra đối với khoa học - kỹ thuật, thương mại phục vụ cho sản xuất sản phẩm bằng máy móc (sản xuất hàng loạt), cho hoạt động kinh doanh. Do vậy các đối tượng sở hữu công nghiệp được con người sáng tạo ra nó phản ánh trình độ công nghệ của xã hội, phản ánh mức độ phát triển của nền kinh tế thị trường.

- Các tác phẩm văn học nghệ thuật... trong lĩnh vực quyền tác giả luôn thể hiện dấu ấn cá nhân của tác giả trên tác phẩm đó. Tất nhiên không phải trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp người ta không quan tâm đến quyền của tác giả của sáng chế, giải pháp hữu ích... Nhưng do tính ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh thương mại đòi hỏi quá trình áp dụng này phải đầu tư nhiều công sức, chi phí vật chất rất lớn từ phía nhà sản xuất, từ phía chủ sở hữu. Không phải ngẫu nhiên mà đặc điểm cơ bản của nền kinh tế tri thức lại là sự đầu tư lớn cho những ngành, lĩnh vực kỹ thuật cao để thu lợi lớn nhưng mặt trái của nó là tính rủi ro cao. Nhiều khi để áp dụng các sản phẩm sáng tạo của con người vào sản xuất, kinh doanh phải trải qua rất nhiều công đoạn, nhà sản xuất không biết chắc chắn liệu việc áp dụng này có đem lại thành công cho họ hay không. Lấy ví dụ: một hãng dược phẩm, khi nghiên cứu để tạo ra một loại thuốc mới thông thường họ sẽ viết các công thức hóa học ra, thực hiện nó trong phòng thí nghiệm. Và rồi sau đó họ tìm ra công thức chế tạo loại thuốc mới, nhưng để có thể tung ra thị trường, họ bắt buộc phải thử nghiệm trên động vật, trên người bệnh, trên cơ thể người khỏe mạnh để có thể kiểm chứng được tác động của thuốc. Quá trình kiểm chứng này thường rất lâu và tốn kém, có thể sau đó họ nhận thấy loại thuốc mới này không có chức năng như họ mong muốn. Cho nên họ sẽ không tung ra thị trường, và tất nhiên họ không thu hồi được chi phí họ đã bỏ ra.

- Trong việc xâm phạm quyền tác giả, gây thiệt hại về tinh thần quan trọng hơn rất nhiều so với việc xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, bởi vì

xâm phạm quyền tác giả còn là sự xâm phạm đến uy tín sáng tạo nghệ thuật của tác giả. Như vậy xâm phạm quyền tác giả thì người thực hiện hành vi xâm phạm phải bồi thường cả về vật chất và tinh thần. Thiệt hại về tinh thần: thì không thể đưa ra được các phương pháp toán học để đánh giá mức độ thiệt hại về uy tín sáng tạo nghệ thuật. Ngược lại, trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp có thể tính toán được mức độ thiệt hại: bằng cách xem xét lợi nhuận mà người thực hiện hành vi xâm phạm thu được do sử dụng trái phép các đối tượng sở hữu công nghiệp của chủ sở hữu được nhà nước bảo hộ.

1.3. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA CÔNG ƯỚC BERNE

1.3.1. Lịch sử hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật về bảo hộ quyền tác giả

Nhìn từ góc độ lịch sử, phải nhắc đến phát minh thiên tài của Guy-ten-berg (*Johannes Gutenberg*): máy in dùng con chữ vào khoảng năm 1440. Thực ra, phát minh ra "công nghệ" in ấn có lẽ phải thuộc về người Trung Hoa với những bản in khắc cả trang, mà những bản in mộc dạng này ngày nay ta vẫn có thể được thấy trong chùa Dâu - cả một bản khắc đồ sộ bộ Kinh Đại thừa. Những bản khắc này còn được trưng bày ở chùa Thiếu Lâm - tỉnh Hà Nam (Trung Quốc). Nhưng chỉ có Guy-ten-béc mới là người làm ra cuộc cách mạng về in ấn. Máy in con chữ của ông đã làm cho việc "nhân bản" tác phẩm văn học trở nên đạt được số lượng bản in "khủng khiếp". Chính sự ra đời của máy in đã kích thích nhu cầu đối với luật quyền tác giả.

Trong thiên niên kỷ đầu tiên, "nhân bản" sách là công việc nhàm chán và chậm chạp. Những người chép sách đã viết và sao chép sách bằng tay, trong đó một số có kỹ năng nghệ thuật hơn những người khác. Tác phẩm viết chỉ dành cho tầng lớp quan trọng trong xã hội. Tôn giáo có tổ chức là lực lượng chính thúc đẩy việc bảo tồn tri thức thông qua sách cũng như làm tăng nhanh số lượng bản sao sách. Máy in của Guy-ten-béc là một trong các sự kiện lịch sử đã góp phần cho ra đời Luật quyền tác giả đầu tiên trên thế giới. Nhưng

việc ra đời của máy in mới chỉ là điều kiện cần, mà còn phải có điều kiện đủ là sự ra đời của các nhà xuất bản. Các nhà xuất bản thời đó không chỉ là cầu nối giữa nhu cầu của độc giả với khả năng của các nhà văn mà còn là các vị Mạnh Thường Quân cho văn học phát triển. Chính cơ chế đặt mua đứt tác phẩm của các nhà xuất bản, thậm chí các tác giả ăn khách còn được trả tiền trước để sáng tác, đã trở nên một sức kích thích cho sự phát triển của văn học.

Năm 1474, ở Vơ-ni-dơ đã ra đời "Luật" có tính hệ thống đầu tiên đối với bảo hộ sáng chế dưới một hình thức của bằng độc quyền sáng chế, bởi vì đây là lần đầu tiên luật này đã quy định một loại độc quyền của một cá nhân mà độc quyền này hạn chế lợi ích của công chúng. Giống như trong bảo hộ sáng chế, cũng chính ở Vơ-ni-dơ nhà cầm quyền đã cấp cho **John of Speyer**, nhà in đầu tiên, độc quyền "in chữ" vào năm 1469.

Nửa sau của thế kỷ 18 là thời hoàng kim của thương mại và công nghiệp đối với nhiều nước và cũng là thời của sáng tạo nghệ thuật, đổi mới khoa học và cách mạng chính trị. Chính trong Thời Khai sáng này, một số nước đã thiết lập hệ thống bằng độc quyền sáng chế đầu tiên của họ. Ví dụ, luật về bằng độc quyền sáng chế đầu tiên của Pháp, quy định về bảo hộ quyền của người sáng chế, đã được ban hành năm 1791, sau Cách mạng Pháp và Tuyên ngôn về Quyền con người và quyền công dân. ở Hoa Kỳ, Năm 1788 Hiến pháp đã quy định rõ về bằng độc quyền sáng chế và sự bảo hộ đối với sáng chế thông qua việc cấp độc quyền cho người sáng chế.

Sáng chế của Guy-ten-béc đã đặt Giáo hội châu Âu vào một tình thế đáng lo lắng vào nửa sau thế kỷ 15. Giáo hội thiên chúa bắt đầu cấm đoán các sách vở do các nhà cải cách, các nhà khoa học, các nhà tư tưởng - triết học nhất là các nhà tư tưởng Khai sáng. Chính do lẽ đó mà đặc quyền về in ấn đã xuất hiện tại Anh và Pháp. Trong thế kỷ thứ 16, đặc quyền dành cho nhà in vẫn tiếp tục được duy trì nhằm bảo hộ lợi nhuận của nhà in và cho phép kiểm soát việc in ấn. Năm 1710 Đạo luật Anne đã được Quốc hội Anh ban hành, Đạo luật đã giảm bớt một chút sự kiểm soát đối với nhà xuất bản trong in ấn

và cũng đã thừa nhận quyền của tác giả, cho họ hoặc người thừa kế của họ độc quyền in lại sách trong vòng 14 năm kể từ khi sách được in lần đầu. Được gọi tên là một "đạo luật khuyến học", Đạo luật Anne là một trong những nguồn tham khảo về bảo hộ sở hữu trí tuệ trong Hiến pháp Hoa Kỳ. Ngay trong giai đoạn ban đầu này, sự phát triển của luật về bằng độc quyền sáng chế và quyền tác giả cũng đã phản ánh sự thăng trầm của nền kinh tế. Cùng với sự lùi bước của Vơ-ni-dơ sau 1600 đã có một sự chuyển hướng trong tiến bộ kinh tế từ miền Nam tới Tây Bắc châu Âu. Trước 1800, mặc dù có thể nhận thấy được những ví dụ về sự tập trung hóa trong công nghiệp ở nhiều nước châu Âu nhưng sự tăng trưởng sản xuất phần lớn vẫn là vấn đề mở rộng sản xuất thủ công có quy mô nhỏ thay vì các phương pháp và tổ chức mới có tính cấp tiến. Tuy nhiên, trong khoảng 1750 và 1870 Châu Âu đã trải qua thay sự đổi lớn bắt nguồn từ sự phát triển đô thị, xây dựng đường sắt, đầu tư vốn, phát triển kinh tế xuyên đại dương, bên cạnh những hoạt động khác. Tới cuối thế kỷ 19, các yếu tố nói trên đã dẫn đến công cuộc công nghiệp hóa có quy mô lớn dựa trên các ý tưởng mới về công nghiệp hóa, sự xuất hiện của những chính phủ tập trung hóa và chủ nghĩa dân tộc ở mức độ mạnh mẽ hơn. Sự phát triển nói trên đã dẫn đến việc nhiều nước thiết lập hệ thống pháp luật hiện đại đầu tiên của mình về bằng độc quyền sáng chế và quyền tác giả.

1.3.2. Sự ra đời của Công ước Berne

Vào giữa thập kỷ đầu tiên của thế kỷ 19, một nhà văn nổi tiếng đã nhận thấy tình trạng các tác phẩm của các nhà văn lớn trong đó có ông, bị xuất bản, sao chép bất hợp pháp ở các nước khác, và họ không nhận được nhuận bút từ những hoạt động xuất bản phi pháp đó. Đó chính là nhà văn Vích-to Huy-gô (1802 - 1885) - tác giả của những tác phẩm nổi tiếng "*Nhà thờ Đức bà Pa-ri*" và "*Những người khốn khổ*" ("*Notre-Dame de Paris*" (1831) và "*Les Misérables*" (1862)). Nhờ những nỗ lực của ông và một số nhà văn nổi tiếng khác, một Hiệp hội đã ra đời: Hiệp hội Văn học quốc tế mà sau này được biết đến là Hiệp hội Văn học và Nghệ thuật quốc tế, với mục

đích thiết lập một hình thức cơ bản nào đó cho việc bảo hộ quốc tế đối với các tác phẩm của họ. Năm 1886, để quy định cơ sở cho việc công nhận lẫn nhau về quyền tác giả giữa các quốc gia khác nhau, một điều ước quốc tế lớn khác về Bảo hộ quyền tác giả đã được ban hành, đó là Công ước Berne về Bảo hộ tác phẩm văn học và nghệ thuật.

Sự phát triển như vũ bão của kinh tế và khoa học kỹ thuật đã làm cho việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ngày càng có vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế: vai trò và ảnh hưởng của các sản phẩm - tài sản trí tuệ ngày càng trở nên quan trọng.

Trong giai đoạn hiện nay, khi mà các sản phẩm trí tuệ đã đóng vai trò quan trọng đến như thế trong toàn bộ đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội của nhân loại thì việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nói chung, quyền tác giả nói riêng trên phạm vi quốc tế càng trở nên cần thiết.

Nhận thức được vấn đề này, Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) cùng các quốc gia thành viên cũng quan tâm đến việc xây dựng hàng loạt các điều ước quốc tế quan trọng trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ như: *Công ước Berne về Bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật*; *Công ước Paris về Việc bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp*; *Thỏa ước Madrid về Đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hoá*; *Công ước Rome 1961 về Bảo hộ người biểu diễn, người ghi âm, tổ chức phát sóng*; *Công ước Washington năm 1989 về Sở hữu trí tuệ đối với mạch tích hợp*... Cùng với sự phát triển không ngừng của khoa học kỹ thuật đã dẫn đến sự hình thành và phát triển nhiều đối tượng mới của quyền sở hữu trí tuệ. Do vậy, trong quan hệ quốc tế hiện nay, mà đặc biệt là trong quan hệ kinh tế quốc tế, vấn đề về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ luôn là một nội dung được nhiều nước quan tâm.

Công ước quốc tế về bảo hộ các tác phẩm văn học nghệ thuật được ký kết ngày 9-9-1886 tại Berne - Thủ đô Thụy Sĩ. Hiện nay có 156 nước gia nhập Công ước, tập hợp các nước thành viên gọi là Liên hiệp Berne. Qua 118 năm vận hành, Công ước đã có 8 lần sửa đổi bổ sung vào các năm 1896, 1908,

1914, 1928, 1948, 1967, 1971, 1979. Công ước hiện hành là Công ước được sửa đổi ngày 24-7-1971 tại Paris và bổ sung vào ngày 2-10-1979. Công ước gồm 38 điều chính, 9 điều bổ sung và phụ lục gồm 6 điều.

Gần đây là hai hiệp ước **WIPO Copyright Treaty (WCT)** và **WIPO "Performances and Phonograms Treaty" (WPPT)**, ký tháng 12.1996, còn gọi là "**Internet Treaties**" - "*các Hiệp ước Internet*" vì qui định các biện pháp bảo vệ sở hữu trí thức trước các phương tiện sao chép tối tân qua kỹ thuật điện tử.

Ngoài ra, hiệp định **TRIPs (Agreement on Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights)** của tổ chức WTO sát nhập Công ước Berne vào khung pháp lý của WTO và bổ sung các qui định về thực thi, đặt vấn đề bảo vệ bản quyền và sở hữu trí thức nói chung dưới sự chi phối của bộ máy giải quyết tranh chấp của WTO. Các vi phạm bản quyền do đó có thể bị xét xử trong khuôn khổ đa phương và dẫn đến những biện pháp trả đũa hay trừng phạt cụ thể qua quan hệ thương mại.

Trong một trăm năm đầu tiên kể từ khi Công ước Berne ra đời, sự phát triển trong bảo hộ quyền tác giả đã lên phạm vi quốc tế. Trong một trăm năm đầu tiên cũng diễn ra sự thiết lập và phát triển của quan hệ hợp tác giữa các quốc gia trong lĩnh vực bảo hộ quyền tác giả. Trong suốt thế kỷ vừa qua, việc bảo hộ quyền tác giả nói riêng và quyền sở hữu trí tuệ nói chung đã đạt được kết quả là trên thực tế là nhiều quốc gia thừa nhận vai trò của sở hữu trí tuệ trong thúc đẩy, kích thích đổi mới và thành tựu về công nghệ, nghệ thuật.

Nguyên Tổng Giám đốc WIPO **Arpad Bogsch** đã từng nói:

Việc tìm kiếm những giải pháp công nghệ mới và hoạt động sáng tạo văn hoá xứng đáng được khuyến khích không ngừng, bởi vì như lịch sử các dân tộc đã cho thấy bên cạnh sự phát triển về tinh thần, sáng chế và sáng tạo văn hoá còn là nguồn lực chính yếu cho phát triển xã hội và kinh tế của nhân loại. Thực phẩm, chăm sóc y tế, thông tin liên lạc và những nhu cầu thiết yếu khác đối với sự

sống còn của loài người nhờ các sáng chế và sáng tạo mà đã được cải thiện, đang được cải thiện và sẽ được cải thiện [10].

Công ước quy định mỗi quốc gia tham gia sẽ công nhận bản quyền các tác phẩm của các tác giả thuộc các nước thành viên tham gia ký kết. Các tác phẩm được bảo vệ bản quyền theo Công ước này bao gồm các tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học được định hình dưới một dạng vật chất nhất định, không phân biệt hình thức và cách thức thể hiện. Sau đây chúng ta sẽ nghiên cứu một số nội dung chính của Công ước.

1.3.3. Nội dung cơ bản của Công ước Berne

Công ước Berne có ba nguyên tắc cơ bản (nguyên tắc đối xử quốc gia, nguyên tắc bảo hộ đương nhiên và nguyên tắc bảo hộ độc lập) cùng một loạt các quy định về sự bảo hộ tối thiểu cũng như các quy định đặc biệt dành cho các nước đang phát triển:

1.3.3.1 Nguyên tắc đối xử bình đẳng: tác phẩm có nguồn gốc từ các nước thành viên đều được bảo hộ như nhau

Đối với những tác phẩm được Công ước này bảo hộ, các tác giả được hưởng quyền tác giả ở các nước Liên hiệp không phải là quốc gia gốc của tác phẩm, những quyền do luật của nước đó dành cho công dân của mình trong hiện tại và trong tương lai cũng như những quyền mà Công ước này đặc biệt quy định [5].

Về mặt nguyên tắc, quyền tác giả phát sinh trên phạm vi lãnh thổ nào thì được bảo hộ trong phạm vi lãnh thổ đó, nước mà tác giả là công dân; hoặc người không phải là công dân nhưng quốc gia đó là nơi họ cư trú thường xuyên; hoặc là nước mà tác phẩm được công bố lần đầu tiên.

Tuy vậy, hiện nay trong bối cảnh toàn cầu hoá cùng sự với sự ứng dụng của khoa học kỹ thuật vào đời sống, nhất là sự phát triển của internet, phạm vi bảo hộ của quyền tác giả cần được mở rộng hơn theo các điều ước quốc tế. Do đó, việc các quốc gia tham gia Công ước Berne sẽ bảo đảm việc

bảo hộ quyền tác giả không chỉ bó hẹp trong lãnh thổ của một quốc gia nữa mà đã được mở rộng ra khu vực và trên phạm vi khu vực hoặc toàn cầu. Trong bối cảnh đó, nguyên tắc đối xử bình đẳng nổi lên như một nguyên tắc quan trọng nhất khi tham gia và thực thi Công ước.

Cốt lõi của Công ước là nguyên tắc đối xử công bằng hay đối xử quốc gia, tức là sự bảo hộ công bằng giữa người trong nước và người nước ngoài, tác phẩm trong nước và tác phẩm nước ngoài. Định nghĩa về nguyên tắc này được thể hiện hoàn hảo nhất phiên bản sửa đổi ngày 24-7-1971 tại Paris, thông qua quy định về đối xử quốc gia tại Điều 2:

Các chủ thể hoặc công dân của mỗi quốc gia thành viên được hưởng các thuận lợi mà pháp luật tương ứng của họ hiện đang hoặc sau này dành cho người trong nước đối với bằng độc quyền sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá và tên thương mại. Do đó, họ nhận được cùng một sự bảo hộ như người trong nước và cùng một chế tài pháp lý đối với mọi hành vi xâm phạm quyền của họ, với điều kiện là họ tôn trọng các thủ tục hình thức và điều kiện mà pháp luật trong nước của mỗi quốc gia quy định bắt buộc đối với người trong nước [5].

Nguyên tắc đối xử bình đẳng có hai khía cạnh. *Thứ nhất*, đó là tất cả các quốc gia tham gia sẽ công nhận và bảo vệ bản quyền các tác phẩm của các tác giả thuộc các nước thành viên tham gia ký kết trên lãnh thổ của mình, không phân biệt bất kỳ một quốc gia, vùng lãnh thổ hay khối liên kết nào khác. *Thứ hai*, là các biện pháp bảo hộ quyền tác giả đối với mọi loại hình tác phẩm, mọi tác giả... trên lãnh thổ các nước thành viên được các quốc gia áp dụng như nhau không phân biệt đối xử.

Đây là một nguyên tắc hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế. Tuy nhiên, không nên hiểu là sẽ có cái gọi là "bản quyền quốc tế" - tự động bảo vệ tác phẩm của một tác giả trên toàn thế giới. Sự bảo hộ nhằm chống việc sử dụng trái phép tại một quốc gia cụ thể chủ yếu phụ

thuộc vào các bộ luật của quốc gia đó. Tuy nhiên, hầu hết các nước thành viên Công ước đều bảo hộ tác phẩm nước ngoài theo những điều kiện nhất định, và những điều kiện này được đơn giản hóa rất nhiều thông qua chính Công ước và Hiệp ước quốc tế khác đi kèm về bản quyền chứ không chỉ theo Luật bản quyền của mình.

1.3.3.2. Nguyên tắc bảo hộ đương nhiên: khi tác phẩm được định hình dưới một hình thức vật chất nhất định thì quyền tác giả cũng lập tức phát sinh mà không phụ thuộc vào bất kỳ thủ tục nào

Sự thụ hưởng và thực hiện các quyền này không lệ thuộc vào một thể thức, thủ tục nào; sự thụ hưởng và thực hiện này hoàn toàn độc lập không phụ thuộc vào việc tác phẩm có được bảo hộ hay không ở quốc gia gốc của tác phẩm. Do đó, ngoài những quy định của Công ước này, mức độ bảo hộ cũng như các biện pháp khiếu nại dành cho tác giả trong việc bảo hộ quyền của mình sẽ hoàn toàn do quy định của luật pháp của nước công bố bảo hộ tác phẩm đó (khoản 2 Điều 5) [5].

Bản quyền tự động có được khi tác phẩm được tạo ra, và một tác phẩm "đã được tạo ra" khi tác phẩm đó được định hình dưới dạng bản sao hoặc trong bản lưu giữ âm thanh lần đầu tiên. "Bản sao" là những vật thể mà từ đó người ta có thể đọc hoặc có thể cảm nhận (bằng giác quan một cách trực tiếp hoặc với sự trợ giúp của máy móc và thiết bị), chẳng hạn như sách, bản thảo, bản nhạc in, phim, băng vi-đê-ô, hoặc vi phim. "Bản lưu giữ âm thanh" là những vật thể chứa đựng âm thanh được ghi lại (theo luật thì nhìn chung không bao gồm phần nhạc thu từ phim), chẳng hạn như băng cát-xét, đĩa CD, hoặc đĩa LP. Do vậy, ví dụ một bài hát ("tác phẩm") có thể được định hình dưới dạng bản nhạc in ("bản sao") hoặc trong các đĩa hát ("bản lưu giữ âm thanh"), hay cả hai. Nếu tác phẩm được sáng tạo trong một khoảng thời gian nào đó, thì phần tác phẩm được ấn định vào một ngày cụ thể chính là tác phẩm được sáng tạo vào ngày đó.

Như vậy, trên thực tế sẽ rất khó phân định rõ rệt thời điểm tác phẩm ra đời. Đương nhiên, nếu tác giả mới chỉ đang thai nghén mà chưa sinh ra tác phẩm thì sẽ không có gì để mà bảo hộ. Có rất nhiều loại hình tác phẩm văn học nghệ thuật khác nhau đòi hỏi sự biểu đạt ra bằng những hình thức vật chất khác nhau, nhưng tựu trung lại thì nó đòi hỏi phải có được sự biểu đạt. Sau khi sự biểu đạt được thực hiện thì quyền tác giả xuất hiện và sự bảo hộ mặc nhiên tự động phát sinh, không cần phải người sinh ra nó phải đi làm giấy khai sinh. Việc bảo hộ đã là tự động ở tầm quốc gia, thì đương nhiên, nó sẽ được bảo hộ tự động ở tầm cỡ phạm vi cộng đồng các thành viên Công ước.

Nhiều người nhầm lẫn giữa việc xuất bản - công bố tác phẩm với khái niệm tác phẩm ra đời. Bản thân việc xuất bản - công bố tác phẩm hay không là quyền của tác giả - cha đẻ của tác phẩm, việc bảo hộ quyền tác giả của ông ta đối với đứa con của mình là hoàn toàn tự động phát sinh không phụ thuộc vào việc ông ta đưa nó cho nhà xuất bản hay không. Trên thực tế, nếu tác phẩm dở thì khó lòng được xuất bản (không bán được) nhưng không vì thế mà tác giả bị mất các quyền của mình đối với tác phẩm.

Nếu như chủ sở hữu quyền sở hữu công nghiệp phải trải qua một thủ tục hành chính để được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, từ đó quyền sở hữu công nghiệp mới được bảo hộ theo tên của người được cấp văn bằng bảo hộ. Ngược lại, đối với quyền tác giả, một người chỉ cần thể hiện sự sáng tạo trí tuệ của mình dưới một hình thức vật chất nhất định được pháp luật bảo hộ thì quyền tác giả lập tức phát sinh.

Chủ sở hữu quyền tác giả có quyền đăng ký quyền tác giả tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nhưng thủ tục này không có ý nghĩa bắt buộc. Sự chứng nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là một chứng cứ để xác định ai là chủ sở hữu quyền tác giả khi có tranh chấp. Do đó, khi có tranh chấp, người được cấp giấy chứng nhận không có nghĩa vụ phải chứng minh mình là chủ sở hữu quyền tác giả đó.

1.3.3.3. Nguyên tắc bảo hộ độc lập: việc thực thi và hưởng các quyền theo Công ước là độc lập với những quyền đang được hưởng tại nước xuất xứ tác phẩm

"Sự bảo hộ trong quốc gia gốc do luật pháp của quốc gia đó quy định. Tuy nhiên, khi tác giả không phải là công dân của quốc gia gốc của tác phẩm được Công ước này bảo hộ, thì tác giả đó được hưởng trong quốc gia này những quyền như các tác giả công dân nước đó" (khoản 3 Điều 5) [5].

Việc bảo hộ quyền tác giả cho một tác phẩm văn học nghệ thuật nước ngoài trên thực tế quốc gia sẽ như thế nào là hoàn toàn phụ thuộc vào luật thực định của quốc gia đó, ví dụ như Việt Nam sẽ có những quy định của Luật sở hữu trí tuệ về vấn đề này. Những nội dung bảo hộ sẽ không phụ thuộc vào việc bản thân tác phẩm đó được bảo hộ như thế nào ở quê hương của nó. Đây là một điểm khá thú vị và hữu ích. Trên thực tế, các quốc gia dù đã tham gia Công ước nhưng vẫn khai thác nguyên tắc này để bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng của nước mình trong việc tạo điều kiện cho họ tiếp cận với các tác phẩm văn học nghệ thuật của nền văn minh thế giới.

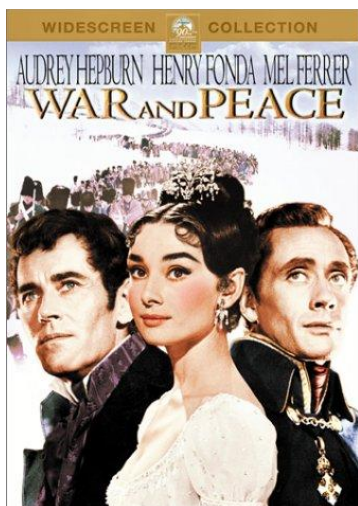
1.3.4. Đối tượng được bảo hộ

Tất cả các sản phẩm trong lĩnh vực văn học, khoa học và nghệ thuật, được biểu hiện bất kỳ dưới hình thức nào hoặc theo phương thức nào. Ngoài ra, các tác phẩm dịch, mô phỏng, chuyển nhạc và các chuyển thể khác từ một tác phẩm gốc đều được bảo hộ như tác phẩm gốc miễn là không làm phương hại đến quyền tác giả của tác phẩm gốc.

Các tuyển tập tác phẩm văn học nghệ thuật, các bộ bách khoa từ điển và các hợp tuyển mà do việc chọn lọc hay kết cấu các tư liệu tạo thành một sáng tạo trí tuệ cũng được bảo hộ như một tác phẩm miễn là không làm phương hại đến quyền tác giả của các tác phẩm tạo nên các hợp tuyển này.

Các tin tức thời sự hay vụ việc vụn vặt chỉ mang tính chất thông tin báo chí sẽ không được bảo hộ.

"**Chiến tranh và Hoà bình**", (*Война и мир*) tiểu thuyết nổi tiếng của **Lép Tôn-xtôi** (nhà văn Nga), được dựng thành phim bởi ba hãng phim nổi tiếng thế giới:



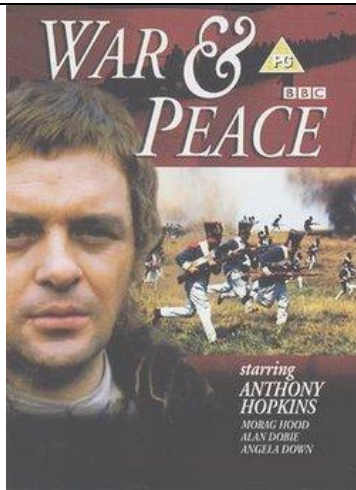
**Âp-phích phim của
Hoa Kỳ**

Năm 1956, đạo diễn người Hoa Kỳ **King Vidor** đã dựng bộ phim dài 208 phút với các ngôi sao **Audrey Hepburn** (vai **Natasha**), **Henry Fonda** (vai **Pierre**) và **Mel Ferrer** (vai **Andrei Bolkonsky**). **Audrey Hepburn** đã thể hiện vai Natasha tuyệt vời, còn **Henry Fonda** thì diễn xuất "quá Mỹ với nhân vật **Pierre**". Tổng thể, bộ phim được đánh giá là "quá nhiều hoà bình còn chiến tranh thì ít quá".

Năm 1968, Xưởng (nay là Hãng) phim trung ương Liên Xô ở Mát-xcơ-va "**Mosfilm**" đã dựng lại tác phẩm nổi tiếng bằng tác phẩm điện ảnh của đạo diễn **Sergei Bondarchuk** hoàn toàn trung thành với bốn phần của bộ tiểu thuyết, và đã dựng nên được một tác phẩm điện ảnh vĩ đại và kinh điển. **Lyudmila Savelyeva** (vai **Natasha Rostova**) và **Vyacheslav Tikhonov** (vai **Andrei Bolkonsky**). **Bondarchuk** tự mình thể hiện vai **Pierre Bezukhov**. Một thách thức lớn cho bộ phim, là khi đó hình ảnh Natasha do **Audrey Hepburn** quá lớn. Nhưng cuối cùng, thì bộ phim đã được đánh giá cao hơn rất nhiều, ít nhất là bộ phim quá hoành tráng, và chiếm được giải Osca năm 1969 cho Phim nước ngoài hay nhất. (Khán giả Việt Nam nhớ đến **Vyacheslav Tikhonov** nhiều hơn trong vai nhà tình báo **Mác-xim I-xa-ép** trong bộ phim chuyển thể từ tiểu thuyết "**Mười bảy khoảnh khắc Mùa xuân**" của nhà văn **I-u-li-an Xê-mi-ô-nốp**).



Cảnh trong phim của Sergei Bondarchuk (Liên Xô)



Áp-phích phim của BBC

Thú vị nhất là năm 1972, hãng BBC (**British Broadcasting Corporation**) chuyển thể tiểu thuyết thành một phiên bản phim truyền hình, được phát trên truyền hình nước Anh và các nước khối liên hiệp Anh vào các năm 72 - 73 của thế kỷ 20 (chính xác là từ ngày 28 tháng Chín năm 1972). Trong phim, **Anthony Hopkins** đóng vai **Pierre**. Các vai khác do **Rupert Davies**, **Faith Brook**, **Morag Hood**, **Alan Dobie**, **Angela Down** và **Sylvester Morand** thể hiện.

Chúng ta không thể so sánh một tác phẩm điện ảnh với tác phẩm truyền hình, và điều đó đã chứng minh là, dù cùng dựa trên một tác phẩm văn học, nhưng Nghệ thuật thứ bảy đã sáng tạo ra nhiều tác phẩm nghệ thuật độc lập, tất nhiên tác phẩm phái sinh phải không được làm phương hại đến tác phẩm gốc về mặt nội dung và nghệ thuật, không được xuyên tạc, bóp méo hay bôi nhọ. *"Tác phẩm phái sinh chỉ được bảo hộ nếu không gây phương hại đến quyền tác giả tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh"* (khoản 2 Điều 14) [3].

1.3.5. Các quyền được bảo hộ

Tùy thuộc vào các giới hạn, hạn chế và ngoại lệ cụ thể được phép, các quyền sau đây phải được công nhận là các quyền độc quyền cho phép: Quyền dịch thuật; quyền thực hiện phóng tác và chuyển thể tác phẩm; quyền trình diễn công cộng tác phẩm kịch, nhạc kịch và âm nhạc; quyền trần thuật công cộng tác phẩm văn học; quyền truyền thông công cộng trình diễn các tác phẩm; quyền phát sóng (với khả năng là quốc gia thành viên chỉ quy định quyền trả thù lao phù hợp thay vì quyền cho phép); quyền làm bản sao bằng bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào (với khả năng là các quốc gia thành viên quy định, trong các trường hợp đặc biệt cụ thể, cho phép làm bản sao mà không có sự cho phép với điều kiện là việc làm bản sao đó không ảnh hưởng

tới sự khai thác bình thường tác phẩm và không phương hại bất hợp lý đến các lợi ích hợp pháp của tác giả và với khả năng là các quốc gia thành viên quy định đối với các bản ghi âm tác phẩm âm nhạc, quyền nhận thù lao thỏa đáng); quyền cho sử dụng tác phẩm làm nền của tác phẩm nghe nhìn và quyền làm bản sao, phân phối và trình diễn công cộng hoặc truyền thông tới công chúng tác phẩm nghe nhìn đó.

Quyền tinh thần: Độc lập với quyền kinh tế của tác giả và cả sau khi quyền này đã được chuyển nhượng, tác giả vẫn giữ nguyên quyền được đòi thừa nhận mình là tác giả của tác phẩm và phản đối bất kỳ sự xuyên tạc, cắt xén hay sửa đổi hoặc những vi phạm khác đối với tác phẩm có thể làm phương hại đến danh dự và tiếng tăm tác giả (Điều 6 bis) [5].

Như vậy các quyền được bảo hộ bao gồm:

1 - Quyền dịch thuật: tác giả giữ độc quyền dịch hoặc cho phép dịch tác phẩm gốc của mình trong suốt thời hạn hưởng quyền bảo hộ.

2 - Quyền sao chép: tác giả giữ độc quyền cho phép sao in tác phẩm của mình dưới bất kỳ hình thức hoặc phương thức nào (ghi âm, ghi hình.v.v.).

3 - Quyền trình diễn và truyền thông công cộng cuộc trình diễn: tác giả kịch, nhạc kịch và ca nhạc giữ độc quyền cho phép tác phẩm của mình được biểu diễn và hòa tấu công cộng bằng bất kỳ phương thức hay kỹ thuật nào / Truyền thông tới quần chúng những cuộc biểu diễn và hòa tấu đó bằng bất kỳ phương thức nào.

4 - Quyền phát sóng: tác giả giữ độc quyền cho phép tác phẩm của mình được truyền thanh hoặc truyền thông công cộng bằng bất kỳ phương tiện vô tuyến nào nhằm phổ biến các ký hiệu âm thanh hoặc hình ảnh/ Phát lại bởi một cơ quan truyền thông khác cơ quan truyền thông ban đầu.

5 - Quyền phóng tác, cải biên, chuyển thể: Tác giả giữ độc quyền cho phép phóng tác, cải biên hoặc chuyển thể từ tác phẩm của mình.

6 - Quyền cho sử dụng làm nền của các tác phẩm nghe nhìn và quyền làm bản sao, phân phối, trình diễn công cộng hoặc truyền thông tác phẩm nghe nhìn đó.

7 - Quyền trần thuật công cộng các tác phẩm văn học.

8 - Quyền hưởng lợi ích trong việc bán lại tác phẩm gốc đã chuyển nhượng.

9 - Quyền tinh thần: Tác giả có quyền: Đứng tên tác phẩm của mình kể cả khi tác phẩm đã được chuyển nhượng/ Phản đối mọi sự xuyên tạc, cắt xén, sửa đổi hoặc những vi phạm khác đối với tác phẩm khi những hành vi đó làm phương hại đến danh dự, uy tín của tác giả.

1.3.6. Thời hạn bảo hộ

"Thời hạn bảo hộ theo Công ước này sẽ là suốt cuộc đời của tác giả và năm mươi năm sau khi tác giả chết" (khoản 1 Điều 7) [5].

Như vậy, đối với những tác phẩm đích danh, quyền tác giả sẽ được bảo hộ trong suốt cuộc đời tác giả cộng với 50 năm sau khi tác giả chết. Nếu là đồng tác giả thì thời hạn tính là sau cái chết của người cộng tác cuối cùng. Những tác phẩm khuyết danh hay bút danh thì chỉ được bảo hộ 50 năm kể từ ngày tác phẩm được phổ cập hợp pháp đến công chúng. Bút danh mà biết đích xác tên thật của tác giả thì coi như đích danh.

Một số lĩnh vực khác như nghệ thuật ứng dụng, nhiếp ảnh có thời hạn bảo hộ tối thiểu 25 năm kể từ khi tác phẩm được sáng tạo ra (khoản 2 Điều 7) [5].

Cùng với tính giới hạn về không gian, tính giới hạn về thời gian là hai thuộc tính chung của quyền sở hữu trí tuệ nói chung, quyền tác giả nói riêng. Việc bảo hộ chỉ có hiệu lực trong một khoảng thời gian xác định xuất phát từ lý do đảm bảo yêu cầu cân bằng lợi ích giữa người sáng tạo và công chúng.

Pháp luật về quyền tác giả quy định rõ thời hạn bảo hộ đối với các quyền nhân thân và quyền tài sản của tác giả. Nhìn chung quyền nhân thân

của tác giả được bảo hộ vô thời hạn, một số quyền nhân thân khác và quyền tài sản được bảo hộ trong suốt cuộc đời tác giả và 50 năm tiếp theo sau năm tác giả chết (trường hợp đồng tác giả thì khi tác giả cuối cùng chết).

Có một xu hướng hiện nay là muốn kéo dài hơn nữa thời gian bảo hộ đối với quyền tài sản của tác giả và quyền kế cận. Tuy nhiên trong trường hợp của Công ước Berne thì việc kéo dài thêm thời hạn bảo hộ là khó xảy ra.

1.3.7. Những ngoại lệ của Công ước

Công ước dành quyền rộng rãi cho các nước thành viên riêng biệt miễn là các quyền được bảo hộ ở các nước riêng biệt không trái ngược với các quyền được bảo hộ theo Công ước, cũng như các nước thành viên có thể ký kết với nhau những thỏa hiệp riêng nhằm mang lại cho tác giả nhiều quyền hơn so với Công ước nhưng không được trái ngược với Công ước. Ngoài ra, còn một số quy định ưu đãi đối với các nước đang phát triển.

Việc các nước trong quá trình lập pháp dành cho việc bảo hộ quyền tác giả một phạm vi rộng hơn được khuyến khích. Tất nhiên, nếu luật quốc gia chỉ giành cho việc bảo hộ một phạm vi hẹp hơn nhưng không trái với Công ước thì cũng không bị ngăn cấm.

Quá trình đàm phán gia nhập WTO là một loạt các cuộc đàm phán song phương với các nước thành viên cũ, trong đó vấn đề bảo hộ quyền tác giả đối với các tác phẩm văn học nghệ thuật luôn luôn được đặt ra (như quá trình đàm phán ký kết Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ chẳng hạn). Các Hiệp định song phương đó bao giờ cũng được đàm phán và ký kết dựa trên cơ sở lấy Công ước Berne làm chuẩn mực về vấn đề bảo hộ quyền tác giả, và thực tế là hai bên có dành cho nhau một phạm vi rộng hơn và rộng đến đâu mà thôi.

Đối với Việt Nam, chúng ta sau khi tham gia Công ước Berne sẽ được ưu đãi đến năm 2014, về một số điều kiện bảo hộ qua lại và về giá bản quyền ưu đãi.

1.3.8. Những điều lệ giới hạn sự bảo hộ

Tuy nhiên, sự bảo hộ không phải là tuyệt đối. Để dung hoà quyền lợi của tác giả và nhu cầu chính đáng của người dùng, Công ước dự trù hai biệt lệ chính giới hạn sự bảo hộ:

1. Một tác phẩm có thể được khai thác tự do (**free use**), không cần xin phép người giữ bản quyền và không phải phí tác quyền, để trích dẫn hay minh hoạ (nhưng phải ghi rõ tên tác giả, xuất xứ), sử dụng cho việc nghiên cứu, giảng dạy hoặc thông tin công chúng, miễn là một cách công minh chính trực (**fair use**) và theo một số điều kiện nhất định.

2. Để tránh việc không cho phép sử dụng có thể cản trở sự phát triển của một công nghệ mới, cơ quan hữu trách có thể áp dụng biện pháp giấy phép phi tự nguyện (**non-voluntary licence**), qua đó một tác phẩm có thể được khai thác mà không cần đến sự ưng thuận của người giữ bản quyền, nhưng phải trả phí tác quyền. Điều lệ này nhằm bảo vệ sự phát triển lúc đó của các kỹ thuật ghi âm, phát thanh và truyền sóng, nhưng hiện nay được bàn cãi lại vì đã có những phương tiện hiện đại kết hợp việc bảo vệ quyền tác giả và nhu cầu phổ biến rộng rãi các tác phẩm.

Ngoài ra, theo Điều II và III của Phụ lục của Công ước, công dân các nước đang phát triển có thể được đương nhiên cấp giấy phép để dịch hoặc sao chép các tác phẩm được bảo hộ trong mục đích nghiên cứu, giáo dục. Theo thủ tục qui định, văn kiện ký Công ước của Việt Nam có phải kèm theo bản tuyên bố yêu cầu được áp dụng hai điều lệ này.

Xuất phát từ những nhu cầu, ví dụ như trên thực tế có những vụ việc có Nhà xuất bản do muốn cạnh tranh không lành mạnh đã mua đứt quyền khai thác một tác phẩm nhưng không sử dụng chỉ nhằm để ngăn không cho Nhà xuất bản đối thủ sử dụng tác phẩm đó. Ngoài ra, những hành vi kiểu đó nhiều khi còn nhằm mục tiêu đầu cơ... trong những trường hợp như vậy, người thiệt thòi đầu tiên là công chúng, sau đó về lâu về dài là toàn bộ nền văn minh nhân

loại bị thiệt hại. Pháp luật, mà cụ thể ở đây là Công ước đã định liệu cho việc bảo hộ vẫn đảm bảo sự phát triển của văn minh nhân loại.

1.3.9. Thực thi Công ước và chế tài

Mọi vi phạm các quyền lợi kinh tế và tinh thần đều có thể bị truy tố và xử phạt, kèm theo bồi thường cho tác giả. Công ước Berne không qui định chi tiết việc thực thi bảo vệ các quyền lợi, nhưng với sự phát triển của các luồng thương mại hàng hoá và dịch vụ có nội dung tri thức cao cần phải được bảo vệ, song song với sự tiến triển rất nhanh của các kỹ thuật điện toán cho phép sao chép và chuyển đổi qua Internet mọi sản phẩm trí tuệ, vấn đề thực thi bản quyền trở thành mối quan tâm lớn. Các luật lệ quốc gia và khung pháp lý quốc tế do đó được củng cố bằng nhiều tiêu chuẩn và biện pháp mới nhằm phòng ngừa và xử phạt gắt gao hơn các hình thức vi phạm. Đáng kể nhất là hai hiệp ước **WIPO Copyright Treaty (WCT)** và **WIPO "Performances and Phonograms Treaty" (WPPT)**, ký tháng 12.1996, còn gọi là "**Internet Treaties**" - "**các Hiệp ước Internet**" vì qui định các biện pháp bảo vệ sở hữu tri thức trước các phương tiện sao chép tối tân qua kỹ thuật điện tử.

Trên thực tế, có vẻ như Công ước Berne không mạnh về vấn đề chế tài đối với các hành vi vi phạm. Nhưng nếu đã là quốc gia thành viên Công ước, thì không thể không thực thi nghiêm túc và đầy đủ việc bảo hộ quyền tác giả theo đúng pháp luật của quốc gia và các cam kết quốc tế. Chính vì thế, Công ước chủ yếu thông qua các biện pháp chế tài của pháp luật quốc gia. Ngoài ra, hiệp định **TRIPs (Agreement on Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights)** của tổ chức WTO sát nhập Công ước Berne vào khung pháp lý của WTO và bổ sung các qui định về thực thi, đặt vấn đề bảo vệ bản quyền và sở hữu tri thức nói chung dưới sự chi phối của bộ máy giải quyết tranh chấp của WTO. Các vi phạm bản quyền do đó có thể bị xét xử trong khuôn khổ đa phương và dẫn đến những biện pháp trả đũa hay trừng phạt cụ thể qua quan hệ thương mại.

1.4. Sự hình thành của hệ thống pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền tác giả

Tại Việt Nam trước năm 1945, các qui định về quyền tác giả chủ yếu dựa vào Bộ Dân luật Pháp, bên cạnh đó, năm 1946 thêm một số văn bản pháp luật thời Dân chủ cộng hoà. Pháp luật về quyền sở hữu văn nghệ (theo cách gọi lúc bấy giờ) bao gồm: Tại Trung kỳ có Dụ số 9 ngày 24/2/1941 do Vua Bảo Đại ban hành; Tại Nam Kỳ có Sắc lệnh ngày 29/12/1887, Sắc lệnh này chỉ có một điều duy nhất qui định rằng tất cả luật lệ của pháp luật hiện hành vào ngày 29/10/1887 sẽ được áp dụng ở Nam Kỳ. Năm 1941 Sắc lệnh này được ban hành lại kèm theo một số văn bản là Bộ Dân luật ngày 13, 19/01/1791; Đạo luật ngày 19, 24/7/1793; Đạo luật ngày 14/7/1886.

Sau Hoà bình lập lại năm 1954 và thống nhất đất nước năm 1975, Nhà nước ta đã ban hành một số văn bản pháp luật tạo điều kiện cho sự sáng tạo văn học, nghệ thuật, khoa học như Sắc lệnh 282-SL ngày 14/2/1956 về chế độ báo chí; Nghị định 168/CP ngày 7/12/1967 và Nghị quyết số 25/CP ngày 20/5/1974 của Hội đồng Chính phủ về chế độ nhuận bút,... Tuy vậy, các văn bản nêu trên vẫn chỉ là những qui định rời rạc, riêng lẻ, chưa đồng bộ về quyền tác giả. Do vậy, ngày 14/11/1986 Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Nghị định số 142 - HĐBT qui định về quyền tác giả, đây có thể được coi là văn bản thống nhất đầu tiên về quyền tác giả tại Việt Nam.

Nghị định này gồm có 8 điều với nội dung chủ yếu là làm rõ các khái niệm tác giả, các đối tượng tác phẩm được bảo hộ, các quyền cơ bản của tác giả. Ngoài ra Nghị định số 142/HĐBT còn qui định về chế độ quyền tác giả đối với tác phẩm điện ảnh, vô tuyến truyền hình, video, chương trình phát thanh truyền hình cho các cơ quan, xí nghiệp sản xuất, xây dựng nên những tác phẩm đó, cho các tổ chức xuất bản các sản phẩm thường kì phục vụ công chúng. Nghị định qui định thời hạn hưởng quyền tác giả là suốt cuộc đời tác giả và 30 năm sau khi tác giả chết.

Sau Nghị định số 142/HĐBT ngày 2/12/1994 Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh Bảo hộ quyền tác giả. Pháp lệnh gồm 47 điều, chia thành bảy chương. Pháp lệnh có cơ cấu tương đối đầy đủ hơn so với Nghị định số 142/HĐBT.

Ngày 28/10/1995 Quốc hội ban hành Bộ luật dân sự, là một Bộ luật hoàn chỉnh, thống nhất và có tầm quan trọng đặc biệt trong hệ thống pháp luật nước ta. Đến năm 2005, Bộ luật dân sự được sửa đổi lần thứ nhất được gọi dưới cái tên Bộ luật dân sự năm 2005. Tại Phần thứ sáu của Bộ luật dân sự có qui định về quyền sở hữu trí tuệ, đã quy định bảo hộ quyền tác giả và các quyền liên quan (chương 34).

Bên cạnh sự kế thừa các qui định về bảo hộ quyền tác giả đã có trước đây Bộ luật dân sự còn bổ sung và khắc phục một số thiếu sót tồn tại của các văn bản pháp luật trước đây. Các qui định về quyền tác giả trong Bộ luật dân sự là một bước tiến mới trong quá trình phát triển của hệ thống pháp luật về quyền tác giả ở Việt Nam. Là một văn bản pháp luật có hiệu lực pháp lý cao, các qui định về quyền tác giả trong Bộ luật dân sự là nền móng quan trọng để dần dần hoàn chỉnh và thống nhất hoá các qui định pháp luật về quyền tác giả, đáp ứng được nhu cầu điều chỉnh các quan hệ xã hội trong lĩnh vực này, tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam hội nhập quốc tế, gia nhập các công ước quốc tế về quyền tác giả.

Ý thức được việc Việt Nam ngày càng phải hội nhập sâu rộng hơn vào tiến trình phát triển chung về kinh tế và văn hoá của khu vực và thế giới, bảo vệ các quyền về sở hữu trí tuệ càng trở nên quan trọng. Việc hội nhập đòi hỏi phải "theo luật chơi của người khác" chứ không phải một mình đá một sân. Chính vì thế mà không chỉ dựa vào một mình Bộ luật Dân sự mà tất yếu phải có được một Luật chuyên môn riêng về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Sau bao ngày cố gắng thì cuối cùng, Luật sở hữu trí tuệ (Luật số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005) cũng ra đời, và sau đó gần một năm, có thêm các Nghị định hướng dẫn thi hành cũng ra đời, đó là:

- Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ.

- Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền tác giả và quyền liên quan.

1.5. KINH NGHIỆM LẬP PHÁP VÀ BẢO VỆ QUYỀN TÁC GIẢ Ở TRUNG QUỐC KHI GIA NHẬP CÔNG ƯỚC BERNE

1.5.1. Khái quát chung về hệ thống pháp luật Trung Quốc trong lĩnh vực quyền tác giả

Trong thế giới ngày nay, việc gắn mọi hoạt động với bảo hộ sở hữu trí tuệ là rất quan trọng. Vị thế của Trung quốc trong vấn đề này là gì? Pháp luật quy định về quyền sở hữu trí tuệ của Trung Quốc hiện tại là gì và nó có hiệu lực như thế nào? Trung Quốc đã áp dụng tiêu chuẩn đánh giá nào để đảm bảo cam kết quốc tế về bảo hộ sở hữu trí tuệ? Những thông tin ngắn gọn về chủ đề này sẽ chứng minh tính hữu ích của việc bảo hộ sở hữu trí tuệ. Có thể nói, giữa Việt Nam và Trung Quốc có nhiều điểm tương đồng về pháp luật và hệ thống chính trị, việc nghiên cứu pháp luật và thực tiễn thực thi - nhất là trong lĩnh vực bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nói chung, quyền tác giả nói riêng là cần thiết, và rất có ích cho thực tiễn Việt Nam. Chính vì thế mà tác giả đã đến nghiên cứu tại Trường đại học Thượng Hải, tiếp cận với những giáo sư hàng đầu về Luật Trung Quốc như Bà tiến sỹ Palmela Samuelson, các giáo sư Alford; Gao Lulin để có được những thông tin về pháp luật Trung Quốc về vấn đề này. Đồng thời, việc nghiên cứu tình hình thực tế Trung Quốc cũng chiếm khá nhiều thời gian, nhưng cuối cùng thì công việc cũng được hoàn thành.

Kể từ khi Trung Quốc tiến hành cải tổ mạnh mẽ nền kinh tế vào cuối thập niên 70, nền kinh tế của Trung Quốc đã có những tăng trưởng vượt bậc. Điều này được cộng đồng thế giới biết đến và tôn trọng. Quá trình cải tổ kinh

tế này, cũng như sự phát triển có được từ công cuộc cải tổ này chủ yếu diễn ra ở ngành nông nghiệp và sản xuất. Lĩnh vực thông tin dù có tăng trưởng trong những năm gần đây vẫn còn là một lĩnh vực với tiềm năng phát triển lớn hơn những gì mà lĩnh vực này đã đạt được.

Luật về sở hữu trí tuệ có thể giúp Trung Quốc tiến hành các tham vọng tiếp theo để phát triển nền kinh tế. Theo Giáo sư Gao Lulin thì *"dù có rất nhiều yếu tố đóng góp vào sự phát triển mau lẹ của nền kinh tế Trung Quốc, song một môi trường thuận lợi cho việc sở hữu trí tuệ đóng một vai trò cực kì quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế"*. Điều này lại càng đúng đối với lĩnh vực thông tin của Trung Quốc bởi thị trường cho các sản phẩm thông tin và dịch vụ chỉ có thể tiến xa khi quyền sở hữu trí tuệ được đảm bảo.

Hệ thống bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thể hiện rất rõ sự phát triển của nền văn minh nhân loại và nền kinh tế hàng hoá. Ở mỗi nước khác nhau, nó trở thành công cụ pháp lý hiệu quả để bảo hộ quyền lợi cho chủ sở hữu các sản phẩm trí tuệ, xúc tiến phát triển khoa học, công nghệ và kinh tế xã hội và cho phép cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Tuy nhiên do lịch sử có nhiều thay đổi nên Trung Quốc bắt đầu sử dụng hệ thống bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của mình vào thời điểm tương đối muộn. Sau khi bắt đầu công cuộc cải cách và mở cửa ra thế giới, Trung Quốc đã thúc đẩy quá trình thiết lập hệ thống quyền sở hữu trí tuệ để phát triển nhanh chóng lực lượng sản xuất xã hội, thúc đẩy tiến bộ xã hội, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế thị trường xã hội và hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Kể từ cuối những năm 70, Trung Quốc đã đạt được nhiều kết quả đáng kể trong lĩnh vực này, rút ngắn khoảng cách nhiều năm so với các nước phát triển khác, những nước đã áp dụng quyền sở hữu trí tuệ cách đây hàng hai mươi năm thậm chí hàng trăm năm, thiết lập hệ thống pháp luật tương đối toàn diện cho quyền sở hữu trí tuệ. Bằng cách này, Trung Quốc đã gây được sự chú ý của thế giới đối với những thành tích của mình. Nó không chỉ thể hiện ở việc ban hành mà còn ở việc thi hành luật.

Nguyên tắc chung của luật dân sự của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa đã được thông qua tại phiên họp thứ tư của Quốc hội nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa lần thứ 6 vào ngày 12/04/1986 và có hiệu lực vào ngày 01/01/1987. Trong khi xây dựng luật này, lần đầu tiên quyền sở hữu trí tuệ đã được xác định rõ trong luật dân sự cơ bản của Trung Quốc giống như quyền công dân, và cũng lần đầu tiên luật này xác nhận quyền tác giả có nguồn gốc từ quyền công dân.

Chính phủ Trung Quốc cũng đã cố gắng hết sức để xây dựng một môi trường mang tính hội nhập quốc tế cao mà trong đó các quyền sở hữu trí tuệ về mạng tích hợp được bảo hộ. Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới đã thông qua công ước sở hữu trí tuệ mạng tích hợp tại hội nghị ngoại giao được tổ chức ở Washington năm 1989; Trung Quốc nằm trong số các quốc gia ký công ước đầu tiên.

Luật quyền tác giả của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa đã được Ủy ban thường trực thông qua tại hội nghị lần thứ 15 của hội đồng nhân dân quốc gia lần thứ 7 vào ngày 07/09/1990 và có hiệu lực vào ngày 01/06/1991.

Vào ngày 10/07/1992, Chính phủ Trung Quốc đã đệ đơn lên tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới xin ra nhập công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học - nghệ thuật. Vào ngày 30/07/1992 Trung Quốc đã đệ đơn lên UNESCO xin ra nhập Công ước chung về quyền tác giả và lần lượt trở thành quốc gia thành viên của cả hai công ước này từ ngày 15 và ngày 30/10/1992.

Vào ngày 04/01/1993, Chính phủ Trung Quốc đã đệ đơn lên tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới xin ra nhập công ước bảo hộ nhà sản xuất bản ghi âm chống sao chép và trở thành quốc gia thành viên từ ngày 30/04/1993.

Năm 2001, sau quá trình vận động đàm phán gia nhập WTO, nhằm tăng cường hiệu quả cho việc bảo vệ Quyền sở hữu Trí tuệ, Chính phủ Trung Quốc đã tiến hành rà soát lại luật và các văn bản dưới luật về việc Bảo vệ Quyền sở hữu Trí tuệ. Trong khi càng đưa ra nhiều nhấn mạnh về việc thúc đẩy tiến bộ về khoa học và công nghệ, sự cải cách với sự liên quan đến các mục đích lập

pháp, nội dung của các quyền, các tiêu chuẩn của sự bảo vệ và ý nghĩa của những hành vi hợp pháp, thì sự rà soát lại đã mang luật pháp và các quy định đi vào cuộc sống với "Sự thỏa thuận về các khía cạnh liên quan đến thương mại của Quyền sở hữu Trí tuệ" của tổ chức WTO và các điều ước quốc tế khác về việc bảo vệ Quyền sở hữu Trí tuệ nói chung, quyền tác giả nói riêng.

Trên đây là một số nét chính trong hoạt động lập pháp và hội nhập tham gia các điều ước quốc tế của Trung Quốc. Vậy trên thực tế diễn biến như thế nào, tác giả xin được nghiên cứu tiếp tục.

1.5.2. Bảo vệ quyền tác giả ở Trung Quốc

Trung Quốc luôn thể hiện ra bên ngoài là quốc gia coi trọng việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Để phù hợp với bối cảnh mới sau khi Trung Quốc gia nhập tổ chức thương mại thế giới, chính phủ Trung Quốc đã thông qua hàng loạt các văn bản phát luật có liên quan về vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Hiện nay Trung Quốc đã thành lập được một hệ thống phát luật hoàn hảo cho việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Trong năm 2003 một vài quy định và biện pháp như Quy định chung về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, Các biện pháp thực hiện sắc lệnh về bản quyền, các biện pháp cho việc cấp phép bắt buộc đối với việc hoạt động của một cơ quan cấp bằng sáng chế, đã được thực hiện thành công. Ngoài ra một số quy định và điều luật không phù hợp với quy định của WTO cũng đã được điều chỉnh và sửa đổi. Kết quả là WTO cũng đã công nhận những sửa đổi của Trung Quốc trong luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Trong lĩnh vực bảo hộ quyền tác giả, Nhà nước Trung Quốc trong quá trình nỗ lực để được kết nạp vào Tổ chức thương mại Thế giới, đã ban hành hàng loạt những văn bản pháp luật về vấn đề này và đỉnh cao là việc gia nhập Công ước Berne năm 1993. Liên quan đến quyền tác giả; các quyền kề cận và bảo hộ các quyền đó, có các văn bản như: "Luật bản quyền của Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa", "Các quy định về Bảo vệ phần mềm máy tính",

"Các quy định về Bảo vệ các thiết kế mạch tích hợp", "Các quy định về thu thập quản lý bản quyền", "Các quy định về quản lý các sản phẩm nghe nhìn", "Các quy định về việc Bảo vệ Quyền sở hữu trí tuệ của hải quan". Trung Quốc cũng đã ban hành một loạt các văn bản dưới luật hướng dẫn thực hiện các luật này, đồng thời giải thích để người dân có thể hiểu luật.

Luật bản quyền (hay **Luật quyền tác giả** của Cộng hoà nhân dân Trung Hoa) ban hành năm 1990 đã tạo ra hệ thống bảo vệ bản quyền cơ bản ở Trung Quốc cùng với các văn bản hướng dẫn thi hành Luật bản quyền (30 tháng 5 năm 1990), Hướng dẫn thực hiện Hiệp ước bản quyền quốc tế (25-9-1992) và các luật và quy định có liên quan khác. Về cơ bản hệ thống này phù hợp với các hiệp định quốc tế về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Luật quyền tác giả của Cộng hoà nhân dân Trung Hoa và các văn bản hướng dẫn thi hành luật luôn bảo vệ cho quyền tác giả, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của các tác giả văn học, nghệ thuật và các công trình khoa học. Luật quyền tác giả quy định rằng ngoài việc bảo hộ quyền tác giả đối với các tác phẩm viết tay, tác phẩm truyền miệng, âm nhạc, kịch, nghệ thuật dân gian (các hình thức nghệ thuật dân gian bao gồm hát dân ca, kể chuyện, truyện cười, hài kịch, ...), nghệ thuật dàn dựng sân khấu, các tác phẩm nghệ thuật, nhiếp ảnh, phim ảnh, chương trình tivi, băng video, thiết kế công trình, thiết kế các sản phẩm và hình ảnh của các sản phẩm đó, bản đồ, bản đồ vẽ phác thảo và các tác phẩm vẽ địa lý khác, Trung Quốc còn bảo hộ cho phần mềm máy tính. Trung Quốc nằm trong số các quốc gia được liệt vào danh sách có phần mềm máy tính được bảo hộ bởi quyền tác giả. Hơn nữa Quốc hội đã ban hành các văn bản quy định về bảo hộ phần mềm máy tính, nhờ đó Luật bảo hộ phần mềm máy tính sẽ được ban hành sớm và thi hành đầy đủ. Những văn bản hướng dẫn - công cụ hỗ trợ cần thiết của **Luật quyền tác giả** có hiệu lực vào tháng 11 năm 1991. Vào tháng 01/1992, Quốc hội Trung Quốc đã phê chuẩn việc Chính phủ Trung Quốc quyết tâm xin gia nhập Công ước Bern đồng thời đưa ra các quy định đặc biệt trong việc bảo hộ quyền tác giả nước ngoài trên lãnh thổ Trung Quốc phù hợp với Công ước.

Luật quyền tác giả của Trung Quốc quy định rằng, các hành vi sau sẽ bị coi là vi phạm quyền tác giả:

Tuyên bố là chủ sở hữu bản quyền mà không có sự cho phép của tác giả và công bố trái phép tác phẩm hợp tác thành tác phẩm cá nhân; mạo nhận là tác giả của tác phẩm trong khi không tham gia vào việc công việc sáng tác với mục đích giành lấy tiếng tăm và lợi nhuận; xuyên tạc hoặc thay đổi tác phẩm của người khác; khai thác tác phẩm của tác giả khác dưới bất kỳ hình thức nào mà không có quyền ưu tiên trước; sử dụng tác phẩm của người khác mà không thanh toán theo đúng mức đã quy định; phát thanh trực tiếp buổi biểu diễn mà không được phép ưu tiên của người biểu diễn.

Trong những trường hợp như vậy, người vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm và tiến hành các hành vi sau: chấm dứt hành vi vi phạm, khắc phục bất kỳ hậu quả tiêu cực nào gây ra do hành động của mình; phải công khai xin lỗi trước công chúng, và bồi thường thiệt hại.

Trường hợp ăn cắp ý tưởng của người khác hoặc sao chép và phân phối tác phẩm của người khác nhằm thu về lợi nhuận cá nhân mà không được phép của tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả, những người xuất bản sách mà không được phép của tác giả, và những người sao chép hoặc phân phối bằng video, audio mà không được phép của người sản xuất băng đĩa sẽ phải chịu trách nhiệm dân sự cho hành động của mình. Những cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ bản quyền có thể tịch thu các khoản thu bất hợp pháp hoặc phạt tiền đối với người và tổ chức vi phạm. Trong trường hợp vi phạm bản quyền tác giả hoặc vi phạm quyền lợi khác có liên quan, bên có bản quyền bị vi phạm có thể trực tiếp kiện lên toà án nhân dân. Đối với các hoạt động bất hợp pháp gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người được cấp bản quyền tác giả hoặc người có bản quyền sở hữu trí tuệ khác, nếu nơi nào xảy ra hành vi vi phạm cấu thành tội hình sự theo pháp luật hình sự nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, người vi phạm sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Nhà nước Trung Quốc nỗ lực xây dựng một hệ thống cơ quan hữu quan làm việc hợp tác và hiệu quả, cơ cấu hành pháp đã được thiết lập và dần dần hoàn thiện. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về bảo vệ quyền tác giả ở Trung Quốc có Cục xuất bản và báo chí, Cục bản quyền Nhà nước - Bộ văn hóa, Bộ Công An, Tổng cục Hải Quan, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Trong khi thiết lập và hoàn thiện hệ thống hợp pháp bản quyền và củng cố quản lý hành chính nhà nước về bản quyền, Trung Quốc cũng coi việc thiết lập hệ thống dịch vụ bản quyền chung là quan trọng. Hiện tại, Trung Quốc đã thiết lập hệ thống quản lý và dịch vụ bản quyền chung bao gồm: các cơ quan quản lý bản quyền chung, cơ quan bản quyền, hiệp hội bảo vệ bản quyền, hiệp hội và các tổ chức chuyên nghiệp nắm giữ bản quyền. Năm 1988, Cơ quan Bản quyền của Trung Quốc đã được thành lập. Năm 1990, Hội nghiên cứu Bản quyền Trung Quốc đã được thành lập và đã thay đổi tên thành Hội Bản quyền Trung Quốc năm 2002. Năm 1993 Hội Bản quyền các tác phẩm âm nhạc đã thành lập. Năm 1998, Trung tâm Bảo vệ Bản quyền Trung Quốc được thành lập. Hiện tại, hiệp hội các nhà văn, như Liên đoàn giới Văn học và Nghệ thuật Trung Hoa, Hội nhà văn Trung Quốc và Hiệp hội Phim Trung Quốc cũng như các hội các nhà xuất bản sách, các nhà sản xuất các sản phẩm nghe nhìn và các nhà phát triển phần mềm đã thiết lập các tổ chức bảo vệ bản quyền riêng của mình. Các hội Bản quyền đã được thành lập tại trên 20 tỉnh thành (các khu, thành phố tự trị dưới sự chỉ đạo trực tiếp của trung ương) và một số thành phố chính. Công việc bước đầu đang được thực hiện để thiết lập các cơ quan quản lý bản quyền chung của các tác phẩm ngôn ngữ viết và các sản phẩm nghe nhìn.

Trong nhiều năm các Cơ quan này đã làm việc khá hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn của mình. Để củng cố thêm cho việc Bảo vệ quyền Sở hữu Trí tuệ, năm 2004 Trung Quốc đã thiết lập một Đội Dự án bảo vệ Quyền sở hữu Trí tuệ của nhà nước đứng đầu là Phó Thủ Tướng Quốc vụ Viện nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa chịu trách nhiệm lên kế hoạch và thiết lập các

chương trình hợp tác cho dự án liên quan đến việc Bảo vệ Quyền sở hữu Trí tuệ trên toàn quốc.

Hiện nay, nhiều ban ngành khác nhau chịu trách nhiệm về việc hình thành và thực hiện chính sách sở hữu trí tuệ. Văn phòng sở hữu trí tuệ trung ương chịu trách nhiệm về việc xét và cấp giấy đăng kí, ***Cục bản quyền chịu trách nhiệm về việc thiết lập chính sách bản quyền***, Cục hải quan chịu trách nhiệm về các vấn đề hải quan và biên giới, Các cơ quan khác như báo chí, xuất bản, toà án và cảnh sát tại Trung Quốc cũng có trách nhiệm bảo vệ quyền tác giả.

Trong việc thực hiện việc Bảo vệ quyền tác giả, cụ thể có các biện pháp bảo vệ quyền tác giả sau đây:

1.5.2.1. Các biện pháp hành chính

Hầu hết việc thi hành luật bảo vệ sở hữu trí tuệ trong đó có bảo vệ quyền tác giả tại Trung Quốc được thực hiện qua các biện pháp hành chính.

Việc thực thi các biện pháp hành chính đã được tăng cường trong việc Bảo vệ Quyền tác giả. Vì các sửa đổi đang dần dần được hoàn thiện trong hệ thống pháp luật về Bảo vệ quyền tác giả, nên Trung Quốc đã chuyển hướng tập trung từ việc ban hành luật sang việc tăng cường hiệu quả thi hành luật pháp. Thi hành Luật hành chính thực tế đã được tăng cường qua việc kết hợp quá trình quản lý và giám sát với các chiến dịch truy quét đặc biệt. Tháng 8 năm 2004, Chính phủ Trung Hoa quyết định tung ra một chiến dịch đặc biệt kéo dài một năm để bảo vệ quyền tác giả trên toàn quốc từ tháng 9 năm 2004 đến hết tháng 8 năm 2005. Chương trình này được quyết định tại cuộc hội nghị quốc gia về việc sửa đổi và tiêu chuẩn hóa thị trường kinh tế bởi Hội đồng Nhà nước vào ngày 31 tháng 3 năm 2005, chiến dịch này đã được quyết định sẽ kéo dài đến cuối năm 2005. Với kế hoạch thống nhất, các Cơ quan có liên quan đã nghiên cứu điều tra và giải quyết các Vụ vi phạm quyền tác giả chính. Các hành động nhanh chóng và những nỗ lực của họ trong việc thi hành một cách nghiêm khắc đã giáng một đòn vào những kẻ vi phạm quyền tác giả, và có được những kết quả tích cực.

Trong nỗ lực bảo vệ bản quyền, các cơ quan quản lý hành chính ở tất cả các cấp đã tăng cường công tác trong lĩnh vực này. Năm 2003 Cục Bản quyền quốc gia Trung Quốc đã tổ chức những hoạt động đặc biệt với sự tham gia của cả ba hệ thống cơ quan cấp Bộ nhằm tuyên chiến với tội phạm về bản quyền. Các cơ quan chức năng đã tịch thu 12.9 triệu các loại sản phẩm làm giả, phạt hành chính đối với 2542 cơ sở với số tiền lên tới 2.81 triệu tệ và cấm hoạt động đối với 1981 hãng sản xuất vi phạm pháp luật. Năm 2003, các cơ quan quản lý bản quyền ở khắp các cấp độ đã tiếp nhận 23013 vụ án, tăng gần 2.6% so với năm trước, với tỉ lệ của mỗi vụ là 97.46%.

1.5.2.2. Các biện pháp dân sự

Trong những năm gần đây, các cơ quan tư pháp đã xử lý một số lượng lớn các vụ vi phạm Quyền sở hữu Trí tuệ trong đó có rất nhiều vụ vi phạm tác quyền đúng theo quy định của luật pháp. Trong các vụ án Dân sự, các bên vi phạm đã phải đền bù thích đáng các thiệt hại về tài chính.

Khi một vụ xâm phạm quyền tác giả bị phát hiện tại Trung Quốc, người bị xâm phạm có thể kiện lên toà án. Luật bản quyền chỉ rõ rằng văn phòng bản quyền có quyền phạt hành chính đối với bất kì ai vi phạm bản quyền như tịch thu số thu nhập bất hợp pháp đó hoặc phạt tiền.

Kể từ năm 1992 các toà án đặc biệt chuyên về sở hữu trí tuệ đã được thành lập ở những thành phố lớn như Bắc Kinh, Thượng Hải. Theo luật pháp Trung Quốc, các cá nhân và công ty sẽ chịu trách nhiệm về những hành động xâm phạm bản quyền của mình. Khi một người nào đó vi phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc nêu nghiêm trọng, người đó sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Luật hình sự. Nếu bị buộc tội, người đó sẽ phải ở tù trong khoảng thời gian nhất định, tuy nhiên không nhiều hơn 7 năm, hình phạt bổ sung thường là phạt tiền.

1.5.2.3. Các biện pháp hình sự

Trong những năm gần đây, Nhà nước Trung Quốc đã tăng cường các mối quan hệ giữa các cơ quan hành chính, Công An, Viện kiểm sát nhân dân

về việc Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nói chung, quyền tác giả nói riêng. Trong tháng 10 năm 2000, các tổ chức có liên quan cùng cho ra "**Thông báo về việc củng cố hợp tác và phối hợp trong Dự án nghiên cứu và giải quyết các Vụ án Tố tụng hình sự vi phạm Quyền sở hữu Trí tuệ**", gồm có các điều khoản rõ ràng về các vấn đề liên quan. Tháng 7 năm 2001, Quốc hội Trung Quốc ban hành "Những quy định về việc chuyển các vụ nghi án hình sự tới các cơ quan hành pháp hành chính", gồm có các điều khoản rõ ràng về việc làm thế nào để các cơ quan hành pháp hành chính đưa các Vụ nghi án hình sự ra các cơ quan An ninh đúng lúc. Tháng 4 năm 2004, các Bộ có liên quan đã cho ra "Sự đánh giá về tăng cường các mối quan hệ hợp tác công việc giữa các cơ quan hành pháp hành chính và các tổ chức an ninh và Viện kiểm sát nhân dân". Cơ chế làm việc liên quan đến sự phối hợp giữa Luật hành chính và Luật hình sự đã được lập ra, cùng có quyền hạn để xử lý các vụ vi phạm quyền sở hữu trí tuệ. Điều này đảm bảo rằng các vụ nghi án hình sự được khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử một cách nhanh chóng.

Trong những năm gần đây, các cơ quan trị an Trung Quốc đã cho ra hàng loạt các biện pháp để xử lý thẳng tay các vụ vi phạm hình sự về quyền sở hữu trí tuệ, liên tục tăng các tiêu chuẩn cũng như khả năng thi hành luật của họ, và đảm bảo sự pháp triển vững chắc của kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

Năm 1998, để tăng cường chống lại vi phạm hình sự về quyền sở hữu trí tuệ, và theo như những điều khoản trong "Thủ tục luật hình sự", Bộ Công An đã thiết lập 1 cơ quan chuyên môn sắp xếp, hướng dẫn và hợp tác chống lại vi phạm hình sự về quyền sở hữu trí tuệ, và giám sát xử lý các vụ nghiêm trọng. Các tổ chức an ninh các cấp, từ trung ương xuống, đã lập ra những đội điều tra chuyên môn đảm nhận, lưu trữ và điều tra các vụ án hình sự. Từ năm 2000 đến năm 2004, các tổ chức an ninh Trung Quốc đã phá được 5.305 vụ án hình sự, tính vào khoảng gần 2.2 tỷ Nhân dân Tệ, và bắt giam 7.100 nghi phạm. Con số nghi phạm là những kẻ sản xuất và bán các sản phẩm lậu hoặc kém chất lượng và điều hành kinh doanh bất hợp pháp, và do vậy đã bị kết án.

Do các vụ án hình sự vi phạm quyền sở hữu trí tuệ tăng vượt ngoài tầm quốc gia và biên giới, nên Cơ quan an ninh Trung Quốc rất quan tâm đến việc hợp tác quốc tế với các cơ quan tương đương của các nước khác để hỗ trợ trong việc điều tra và thu thập chứng cứ, trao đổi thông tin và hỗ trợ pháp lý. Tháng 7 năm 2004, làm việc cùng với cục Nhập cư và Hải quan an ninh Quốc gia Mỹ, Cơ quan an ninh Trung Quốc đã thành công tóm gọn một vụ nghi án buôn bán đĩa DVD giả tại Thượng Hải rất lớn, bắt giữ 7 nghi phạm cầm đầu là 1 công dân Mỹ, khám xét 3 nơi cất giữ đĩa DVD, và tịch thu hơn 210.000 đĩa DVD lậu.

Trong những năm gần đây, các cơ quan kiểm soát Trung Quốc đã nghiêm túc thực hiện trách nhiệm điều tra bắt giữ và truy tố trong các vụ án hình sự vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, cũng như giám sát pháp lý các vụ kiện tụng hình sự theo pháp luật, xử lý một số lượng lớn các vụ nghi án hình sự về quyền sở hữu trí tuệ. Từ năm 2000 tới năm 2004, các cơ quan kiểm sát các cấp đã phê chuẩn tổng giam 2.533 nghi phạm của vụ hình sự vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, và bắt đầu truy tố 2.566 nghi phạm. Năm 2004, đã phê duyệt bắt giam 602 nghi phạm của vụ hình sự vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, và bắt đầu truy tố 638 nghi phạm. Cũng trong năm, các cơ quan kiểm sát khắp Trung Quốc đã tung ra 1 cuộc vận động đặc biệt để giám sát các vụ liên quan đến sản xuất các sản phẩm giả và vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, trong suốt quá trình họ đã thúc giục các cơ quan thi hành luật hành chính chuyển các vụ nghi án tới các cơ quan an ninh theo đúng pháp luật, quản lý các vụ án lưu mà nhẽ ra đã phải được các cơ quan an ninh lưu trữ theo đúng luật pháp, chắc chắn rằng các vụ nghi án hình sự phải được đưa ra xét xử đúng lúc, và điều tra các vụ án hình sự che giấu và đồng lõa trong việc sản xuất hay buôn bán các sản phẩm giả và vi phạm quyền sở hữu trí tuệ mà liên quan đến công chức nhà nước lạm dụng quyền hành của họ.

1.5.2.4. Những biện pháp đặc biệt về hải quan và biên giới

Ngày 5 tháng 7 năm 1995, Hội đồng quốc gia Trung Quốc đã ban hành một văn bản luật đặc biệt về các biện pháp bắt buộc thực hiện luật về quyền

sở hữu trí tuệ mang tên "Những quy định của Trung Quốc về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ tại hải quan". Luật này có hiệu lực vào ngày 1 tháng 10 cùng năm. Theo luật này các cơ quan hải quan Trung Quốc phải có những biện pháp ngăn chặn việc xuất nhập khẩu những loại hàng được coi là vi phạm quyền thương hiệu, quyền sáng chế, bản quyền tác giả đã được bảo vệ tại Trung Quốc. Hải quan Trung Quốc được trao đầy đủ quyền hạn để điều tra bất kì gói hàng nghi ngờ nào và tịch thu gói hàng đó nếu phát hiện vi phạm.

Tháng 9 năm 1994, Trung Quốc bắt đầu thực hiện việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới. Hiện nay, các trạm Hải quan Trung Quốc đã thiết lập nên một hệ thống quyền sở hữu trí tuệ hoàn thiện liên quan đến các biện pháp thi hành luật, bao gồm chứng nhận hay tờ khai Hải quan, kiểm tra các mặt hàng xuất nhập khẩu, bắt giữ và điều tra các mặt hàng lậu, phạt các doanh nghiệp xuất nhập khẩu lậu, và hủy các hàng hóa lậu.

Tháng 10 năm 1995, Trung Quốc ban hành và bổ sung lần đầu tiên "Những quy định về Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bởi Hải quan", và bắt đầu thiết lập hệ thống bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ hải quan riêng của mình theo Luật của WTO. Năm 2000, Ủy ban thường trực Hội nghị quốc dân đã sửa đổi "Luật Hải quan của Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa", chỉ rõ chức năng của việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của Hải quan từ bối cảnh luật pháp. Tháng 12 năm 2003, Chính phủ Trung Quốc đã ban hành "Những quy định về việc bảo vệ Quyền sở hữu trí tuệ bởi Hải quan" đã được sửa đổi, củng cố quyền lực của Trạm hải quan trong việc điều tra và giải quyết các hàng hóa lậu, giảm áp lực/gánh nặng đối với các chủ sở hữu trí tuệ trong việc tìm kiếm sự bảo vệ của hải quan, và chỉ rõ chức năng của trạm hải quan, các tổ chức quản lý pháp luật và tổ chức khác. Gần đây, Tổng cục Hải Quan hình thành lên "Phạm vi cho việc thực hiện" của các quy định đã được sửa đổi, quy định rõ ràng cho các vấn đề được đề cập trong các quy định đã được sửa đổi như giữ những bí mật trong kinh doanh, lưu các thương hiệu đã được đăng ký, thu thập và trả lại các khoản tiền bảo an, và các khoản chi phí có liên quan bởi

chủ sở hữu. Tháng 9 năm 2004, Chính phủ Trung Quốc ban hành "Những quy định về việc thực hiện các hình phạt hành chính", có quy định rõ các hình phạt hành chính cho các vi phạm về quyền sở hữu trí tuệ trong xuất nhập khẩu. "Hiều rõ về 1 vài vấn đề trong việc áp dụng thực tế luật pháp trong các vụ án hình sự vi phạm quyền sở hữu trí tuệ" đã được ban hành bởi Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao tháng 12 năm 2004, quy định chặt chẽ hơn các trách nhiệm hình sự của các cơ quan xuất nhập khẩu các mặt hàng lậu. Vào thời điểm đó, 1 hệ thống pháp luật cho việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của hải quan hướng tới nhu cầu của sự phát triển kinh tế và xã hội đã cơ bản được thiết lập.

Trung Quốc đã thành lập và hoàn thiện cơ cấu thực thi pháp luật của mình cho việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của hải quan. Đầu tiên, Trung Quốc thiết lập một hệ thống lưu trữ trung ương cho việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của hải quan. Miễn là các chủ sở hữu trí tuệ đã lưu trữ bản quyền sở hữu trí tuệ của mình với Tổng cục Hải Quan, hải quan cảng có quyền giữ các hàng hóa xuất nhập khẩu mà vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đã được lưu trữ. Cuối năm 2004, Tổng cục Hải Quan đã xác nhận 6.257 bộ hồ sơ liên quan Quyền sở hữu Trí tuệ trong bảo vệ hải quan. Thứ hai, một kiểu mẫu làm việc kết hợp với việc bảo vệ tích cực. Bên cạnh việc bắt giữ các hàng hóa xuất nhập khẩu nghi ngờ là vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, hải quan cũng có thể điều tra và xử lý hàng hóa lậu trong phạm vi quyền lực và nghĩa vụ của họ. Thứ ba, các tổ chức thi hành luật đã được thành lập và hoàn thiện hơn, và việc xây dựng các đội chuyên trách thi hành luật quyền sở hữu trí tuệ trong lực lượng Hải quan đã được thực hiện. Cuối năm 2004, tất cả các cơ quan Hải quan dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng cục Hải quan Trung Quốc đã lập nên các tổ chức quản lý việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và các quyền có liên quan, và 11 Cục Hải quan đã lập nên các Đội đặc biệt chuyên trách bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Một hệ thống thực thi luật quyền sở hữu trí tuệ đã được lập thành ba cấp độ, lần lượt là, Tổng cục Hải Quan, dưới quyền là các cục Hải quan và Hải quan các chốt cửa khẩu biên giới.

Để hạn chế những vi phạm và lậu trong đường dây xuất nhập khẩu, các hải quan cảng trên toàn Trung Quốc tập trung thực thi luật với các sản phẩm xuất nhập khẩu giả, nhất là các tác phẩm văn học nghệ thuật giả và vi phạm bản quyền. Từ năm 1996 đến 2004, Hải quan Trung Quốc đã phát hiện 4.361 vụ vi phạm bản quyền trong xuất nhập khẩu, khoảng 630 triệu Nhân Dân Tệ. Kể từ năm 2000, con số bị phát hiện bởi hải quan hàng năm đã tăng 30%. Riêng năm 2003 hải quan Trung Quốc đã phát hiện và bắt giữ 756 vụ vi phạm quyền tác giả được xuất hoặc nhập khẩu. Con số này chứng minh hiệu quả làm việc của cơ quan Hải quan Trung Quốc, chứ không phải là tình trạng gia tăng vi phạm. Hải quan Trung Quốc đã rất thành công trong việc xử lý thắng tay các hàng hóa xuất nhập khẩu bất hợp pháp, được giữ tại các cảng, và đảm bảo quyền lợi của các chủ sở hữu.

Hải quan Trung Quốc đặc biệt coi trọng việc liên lạc và hợp tác với chủ sở hữu và các tổ chức có liên quan và hội các chủ sở hữu, và đã làm tăng các mối liên lạc và hợp tác với các nhà chức trách bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và sự hợp tác và trao đổi của họ với các cơ quan thi hành luật cửa khẩu quốc tế. Từ trước tới nay, Hải quan Trung Quốc đã ký ***Giác thư hợp tác về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ*** với tổ chức các nhà sở hữu như Hiệp hội phim điện ảnh Mỹ, và hợp tác rất thành công với họ. Hải quan Trung Quốc đã có nhiều cơ hội hợp tác trong việc thực thi luật pháp với các tổ chức thi hành luật hành chính và hình sự liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, như Cơ quan quản lý Quyền sở hữu trí tuệ và các cơ quan An ninh, Tư pháp và đã rất thành công trong việc chuyển xử lý hình sự các vi phạm quyền sở hữu trí tuệ. Hải Quan Trung Quốc đã ký kết những thỏa thuận hỗ trợ lẫn nhau với Hải quan các nước Liên minh Châu Âu, Hoa Kỳ và các nước khác, trong đó cũng bao gồm các điều khoản về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của Hải quan. Hải quan Trung Quốc cũng chỉ đạo một cách hiệu quả trao đổi thông tin và hợp tác thi hành luật liên quan đến việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ với dịch vụ hải quan của các quốc gia khác.

1.5.3. Thực tiễn bảo vệ quyền tác giả ở Trung Quốc khi gia nhập Công ước Berne

Hệ thống pháp luật bảo vệ bản quyền Trung Quốc đã dần dần được thiết lập vào những năm 1990, với việc thực hiện "Luật Bản quyền" như là một dấu hiệu phân biệt trong quá trình này. Trong những năm gần đây, Trung Quốc đã tiến hành sửa đổi lại "Luật bản quyền". Trung Quốc cũng ban hành thêm một số văn bản hướng dẫn thi hành như "Các quy định về Bảo vệ Phần mềm máy tính", "Các quy định cho việc thực hiện Luật Bản quyền", "Tiến trình thực hiện các hình phạt hành chính liên quan đến Bản quyền" và "Các quy định về Quản lý chung Bản quyền".

Hiện nay, Trung Quốc thiết lập hệ thống quản lý hành chính bản quyền với ba cấp: Cục Bản quyền Nhà nước, Cục bản quyền cấp Tỉnh - thành phố và cơ quan bản quyền cấp quận - huyện (cấp châu không có Cục bản quyền).

Trong những năm gần đây, các cơ quan quản lý hành chính về bản quyền của Trung Quốc ở các cấp đã tăng cường thực hiện quản lý luật bản quyền của họ. Họ đã tạo ra thêm nhiều mối quan hệ hợp tác với các cơ quan chính quyền khác, như Cơ quan an ninh, công nghiệp và thương mại, hải quan, in ấn xuất bản, và cục văn hóa. Kết quả là, đã hình thành nên một cơ cấu thi hành pháp luật mà nhờ nó các cơ quan khác nhau đã cùng phối hợp chống lại các vi phạm và việc sao chép có bản quyền cũng đang dần dần đi vào khuôn phép.

Các cơ quan quản lý hành chính về bản quyền đã luôn duy trì sự quản lý đối với vi phạm và sao chép bản quyền. Họ đã tiến hành vài chiến dịch để thu hồi băng đĩa lậu, sách giáo khoa, sách tham khảo, phần mềm, các sản phẩm sao chép bất hợp pháp và bán các sản phẩm nghe nhìn lậu và cả trên Internet. Theo thống kê chưa đầy đủ, từ năm 1995 đến năm 2004, Cơ quan quản lý hành chính về bản quyền các cấp đã thu hồi 350 triệu bản copy lậu, thụ lý 51.368 vụ vi phạm và giải quyết được 49.983 trong số chúng. Năm 2004, họ đã thụ lý 9.691 vụ vi phạm, giải quyết được 9.497 trong số đó và

phạt hành chính những kẻ vi phạm trong 7.986 vụ. Trong số đó đã điều tra và phạt 2 doanh nghiệp Trung Quốc vi phạm bản quyền của Công ty **Microsoft** của Mỹ và một vài vụ lớn khác.

Trên thực tế, để cân bằng giữa lợi ích của quần chúng trong nước với các yêu cầu quốc tế, Nhà nước Trung Quốc đã thi hành một chính sách hai mặt. Thực tiễn về bảo vệ bản quyền ở Trung Quốc thì không hẳn như trong các báo cáo trên đây. Trung Quốc hiện nay vẫn là nước dẫn đầu thế giới về nạn vi phạm bản quyền, tập trung trong hai lĩnh vực phim ảnh và âm nhạc. Trong khoảng hơn một chục năm trở lại đây, Trung Quốc đã có những bước tiến lớn trong đầu tư vào lĩnh vực sản xuất công nghệ cao, trong đó có sản xuất đĩa CD và DVD. Nhưng chính việc đầu tư mạnh vào công nghệ này đã dẫn đến tình trạng các nhà "sản xuất" tư nhân mọc lên như nấm.

Ở Trung Quốc, không có bộ phim nào là không thể bị ăn cắp. Đường dây kết nối giữa những Hoa Kiều ở Mỹ với những "nhà sản xuất" là hết sức chặt chẽ, họ sẵn sàng ngay lập tức bỏ tiền mua một bản phim DVD ngay khi nó vừa phát hành và cỗ máy "bẻ khoá" bắt đầu hoạt động. Ứng dụng đường truyền internet băng thông rộng giúp cho họ có thể chuyển toàn bộ dữ liệu (khoảng dưới 8Gbs) về Trung Quốc để sản xuất hàng loạt. Thậm chí, việc gán thêm một tập tin phụ đề tiếng Trung Quốc phổ thông vào cũng hết sức đơn giản, tuy nội dung do Hoa Kiều Mỹ làm thì có thể còn thô sơ.

Một kiểu vi phạm bản quyền nữa ở Trung Quốc cũng khá phổ biến: vi phạm về số lượng. Trong khi Nhà nước Trung Quốc đang cố gắng mua được bản quyền của các bộ phim, các tác phẩm nghệ thuật khác càng nhiều càng tốt, với giá càng rẻ càng tốt để phục vụ cho nhu cầu của quần chúng trong nước thì chính những tác phẩm được Nhà nước Trung Quốc xuất bản đó lại bị ăn cắp. Việc ăn cắp này nhiều khi diễn ra ngay ở tại nơi sản xuất chính thống, có nghĩa là thay vì chỉ sản xuất một triệu bản như Hợp đồng bản quyền, người ta sản xuất đến 10 triệu bản! Và tác giả cho rằng, việc này không phải là Nhà nước không biết, mà biết rất rõ thậm chí còn có chủ trương như vậy.

Phổ biến về nạn băng đĩa lậu ở Trung Quốc, đó là việc tập trung sản xuất băng đĩa lậu có độ bền thấp để bán lậu sang biên giới các nước láng giềng, trong đó có Việt Nam. Có thể nói, đây là một "vấn nạn" đối với các nước láng giềng. Về thực tế, có vẻ như các cơ quan chức năng Trung Quốc không quá quan tâm đến vấn đề này, việc tiêu huỷ băng đĩa lậu thỉnh thoảng chỉ được làm công khai, trước sự chứng kiến của một vài quan khách quốc tế ở "đâu đó" trong lòng nội địa nước Trung Hoa. Còn tình trạng băng đĩa lậu ở vùng biên giới thì gần như được "bật đèn xanh".

Thực ra, đến nay không phải cộng đồng quốc tế không biết đến vấn đề này, nhưng Trung Quốc đang nổi lên với tư cách như là một cường quốc với sức mạnh tổng hợp đáng gờm, không phải là một tay mơ dễ bị bắt nạt.

Tóm lại, nhìn lại những gì đang diễn ra trên đất nước Trung Quốc, chúng ta thấy có quá nhiều điểm tương đồng về thực tại xã hội và cả trình độ lập pháp, hành pháp. Điều mà tác giả muốn kết luận ở đây, có lẽ là việc Trung Quốc đã cân bằng quá tốt giữa lợi ích quốc gia với việc thể hiện ra bên ngoài trong tiến trình hội nhập quốc tế. Phải chăng đó là bài học quá tốt cho những người đi sau là chúng ta?

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ KHI THAM GIA CÔNG ƯỚC BERNE

Đây là vấn đề nhìn nhận và đánh giá hiện trạng hệ thống pháp luật Việt Nam về quyền tác và sự phù hợp với Công ước Berne. Để xem xét một cách cụ thể, hệ thống, các vấn đề sẽ được trình bày từ điều kiện bảo hộ, chủ thể, nội dung, giới hạn, bảo vệ quyền tác giả nói chung và bảo vệ quyền tác giả đối với đặc thù văn học nghệ thuật dân gian, và cuối cùng là bảo hộ quyền tác giả trước cuộc cách mạng kỹ thuật số.

2.1. ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Để bảo hộ quyền tác giả thì tổ chức, cá nhân có tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả phải là người trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm hoặc là chủ sở hữu quyền tác giả. Quy định này được thể hiện tại khoản 1 Điều 13 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005. Đây là điều kiện đầu tiên để được bảo hộ quyền tác giả. Bởi nếu tổ chức hoặc cá nhân đó không chứng minh một cách rõ ràng, đầy đủ rằng nếu họ không phải là tác giả, là người trực tiếp làm ra tác phẩm hoặc họ không phải là chủ sở hữu quyền tác giả thì pháp luật không thể bảo vệ cho những điều mà không thuộc về họ.

Ngoài điều kiện trên thì còn một điều kiện tiếp theo để bảo hộ quyền tác giả nữa được quy định rõ ràng tại khoản 2 Điều 13 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 là tác phẩm đó được công bố lần đầu tiên tại Việt Nam mà chưa được công bố ở bất kỳ nước nào hoặc được công bố đồng thời tại Việt Nam trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày tác phẩm đó được công bố lần đầu tiên ở nước khác. Như vậy, nếu tác phẩm không được công bố lần đầu tiên ở Việt Nam thì sẽ không thuộc đối tượng tác phẩm được bảo hộ. Đây là nguyên tắc thể hiện rõ rệt yếu tố lãnh thổ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Mọi người không thể lấy

suy nghĩ của ai đó ra khỏi đầu, nhưng lại rất dễ dàng sao chép ý tưởng của người khác, nếu ý tưởng đó đã được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định để có thể nhận biết được. Chính vì yếu tố này, nên pháp luật của một quốc gia về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ chỉ có thể bị giới hạn trong lãnh thổ của quốc gia mình, nơi pháp luật của quốc gia đó có hiệu lực, mà không thể bảo vệ sang lãnh thổ của quốc gia khác, nơi có hệ thống pháp luật của quốc gia khác.

Vì vậy, để bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng thì các quốc gia mong muốn để bảo hộ cho công dân của mình thì cũng phải thừa nhận, bảo hộ cho công dân của các nước khác. Việc các quốc gia, lãnh thổ ký kết, tham gia các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ cũng theo nguyên tắc "có đi có lại" trong quan hệ quốc tế. Một công dân của nước này sẽ được bảo hộ về quyền sở hữu trí tuệ tại nước khác, nếu quốc gia đó cũng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho công dân của nước này. Việt Nam đã tham gia Công ước Berne nên cũng tuân thủ nguyên tắc này. Tiếp theo việc tác phẩm được công bố lần đầu tiên tại Việt Nam hoặc được công bố đồng thời tại Việt Nam được bảo hộ, thì tổ chức, cá nhân nước ngoài có tác phẩm cũng được bảo hộ tại Việt Nam theo điều ước quốc tế về quyền tác giả mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Việc này cũng được thể hiện rõ ràng tại khoản 2 Điều 13 của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005.

Theo Điều 3 của Công ước Berne thì ngoài việc bảo hộ cho những tác phẩm đã công bố giống như pháp luật Việt Nam, Công ước Berne còn bảo hộ cho tác phẩm của các tác giả là công dân của một trong những nước thành viên của Liên hiệp dù những tác phẩm đó đã công bố hay chưa. Như vậy, phạm vi bảo hộ của Công ước Berne là rộng hơn của pháp luật Việt Nam.

2.2. CHỦ THỂ CỦA QUYỀN TÁC GIẢ

2.2.1. Tác giả

Theo Điều 8 Nghị định 100/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2006 thì tác giả của tác phẩm gồm có:

- Cá nhân Việt Nam có tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả;
- Cá nhân nước ngoài có tác phẩm được sáng tạo và thể hiện dưới hình thức vật chất nhất định tại Việt Nam;
- Cá nhân nước ngoài có tác phẩm được công bố lần đầu tiên tại Việt Nam;
- Cá nhân nước ngoài có tác phẩm được bảo hộ tại Việt Nam theo điều ước quốc tế về quyền tác giả mà Việt Nam là thành viên.

Tác giả là người sử dụng thời gian, tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật của mình để sáng tạo ra tác phẩm. Đồng thời, theo pháp luật quy định thì những chủ thể khác cũng được công nhận là tác giả bao gồm:

- Người dịch tác phẩm từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác là tác giả tác phẩm dịch đó.
- Người phóng tác từ tác phẩm đã có, người cải biên chuyển thể tác phẩm từ loại hình này sang loại hình khác là tác giả của tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể đó.

Như vậy, các điều kiện để xác định tác giả của tác phẩm phải thoả mãn:

Thứ nhất: Phải là người trực tiếp và bằng chính tài năng, trí tuệ của mình sáng tạo ra tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học. Theo đó, sáng tạo văn học, nghệ thuật, khoa học là hoạt động tư duy của tác giả trực tiếp làm ra một phần hoặc toàn bộ tác phẩm được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định.

Thứ hai: Tác phẩm là kết quả của hoạt động sáng tạo trí tuệ phải thuộc các đối tượng được pháp luật bảo hộ trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học và không thuộc các loại hình tác phẩm không được Nhà nước bảo hộ qui định tại Luật sở hữu trí tuệ.

Thứ ba: Người sáng tạo ra tác phẩm phải đề tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm được công bố, phổ biến để nhằm xác định chủ thể hưởng quyền và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể khác.

Thứ tư: Việc sáng tạo và hưởng thụ quyền tác giả không ảnh hưởng và xâm hại tới các quyền tác giả đã được bảo hộ.

Thực tế không phải luôn luôn chỉ có một người sáng tạo ra một tác phẩm mà tác phẩm có thể là kết quả lao động sáng tạo chung của nhiều người. Trường hợp này được coi là đồng tác giả đối với một tác phẩm. Vì vậy, Điều 38 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Các đồng tác giả sử dụng thời gian, tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật của mình để cùng sáng tạo ra tác phẩm". Điều kiện đầu tiên để được công nhận là đồng tác giả của một tác phẩm là họ phải trực tiếp cùng nhau sáng tạo nên tác phẩm dưới một hình thức chính thể nhất định phù hợp với các loại hình tác phẩm được bảo hộ.

Các đồng tác giả của một tác phẩm không thể tách ra thành từng phần riêng biệt cùng thụ hưởng các quyền tác giả đối với tác phẩm đó. Trong trường hợp tác phẩm đó thể tách ra thành từng phần riêng biệt để sử dụng riêng, nếu không có thoả thuận khác thì mỗi người có quyền sử dụng và hưởng quyền tác giả đối với phần riêng biệt của mình.

Đối với các tác phẩm điện ảnh, phát thanh, truyền hình và các loại hình biểu diễn nghệ thuật khác thì các nhân, tổ chức sản xuất chương trình được hưởng quyền tác giả.

Đối với Công ước Berne thì ngoài việc bảo hộ cho các tác giả là công dân của nước thành viên Liên hiệp của Công ước này, các tác giả không phải là công dân của một nước thành viên Liên hiệp nhưng có nơi cư trú thường xuyên ở một trong những nước trên, theo mục đích của Công ước, cũng được coi như là tác giả công dân của nước thành viên đó, và như vậy, các tác phẩm của họ cũng được bảo hộ, theo Điều 3 của Công ước.

2.2.2. Chủ sở hữu quyền tác giả

Theo Điều 36 của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 thì chủ sở hữu quyền tác giả là tổ chức, cá nhân nắm giữ một, một số hoặc toàn bộ các quyền tài sản quy định tại Điều 20 của Luật này.

Các điều 37 và 42 của Luật sở hữu trí tuệ và Điều 27 Nghị định 100/2006/NĐ-CP quy định chủ sở hữu quyền tác giả là chính tác giả, đồng thời còn có Nhà nước là chủ sở hữu của các tác phẩm khuyết danh; tác phẩm còn trong thời hạn bảo hộ mà chủ sở hữu quyền tác giả chết không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận di sản hoặc không được quyền hưởng di sản; tác phẩm được chủ sở hữu quyền tác giả chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước. Cụ thể, chủ sở hữu quyền tác giả có thể là:

- Tổ chức, cá nhân Việt Nam;
- Tổ chức, cá nhân nước ngoài có tác phẩm được sáng tạo và thể hiện dưới hình thức vật chất nhất định tại Việt Nam;
- Tổ chức, cá nhân nước ngoài có tác phẩm được công bố lần đầu tiên tại Việt Nam;
- Tổ chức, cá nhân nước ngoài có tác phẩm được bảo hộ tại Việt Nam theo Điều ước quốc tế về quyền tác giả mà Việt Nam là thành viên.

Như thế, theo qui định của pháp luật hiện hành, chủ sở hữu quyền tác giả là:

- Tác giả là chủ sở hữu toàn bộ hoặc một phần quyền tác giả đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra;
- Các đồng tác giả là chủ sở hữu chung (hợp nhất hoặc theo phần) quyền tác giả đối với tác phẩm do họ cùng sáng tạo;
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu một phần quyền tác giả đối với tác phẩm mà họ giao nhiệm vụ sáng tạo hoặc giao kết hợp đồng sáng tạo với tác giả;
- Người thừa kế hợp pháp là chủ sở hữu một phần quyền tác giả sau khi tác giả chết trong trường hợp tác giả đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm;

- Cá nhân, tổ chức được chủ sở hữu quyền tác giả chuyển giao theo qui định của pháp luật;

- Nhà nước là chủ sở hữu quyền tác giả trong một số trường hợp nhất định theo qui định của pháp luật, ví dụ như tác phẩm khuyết danh.

Như trình bày ở trên, tác phẩm chỉ là sự hiện thực hoá sự sáng tạo trí tuệ của tác giả. Trong những trường hợp, chủ sở hữu không đồng thời là tác giả thì khi họ thực hiện quyền của mình không được ảnh hưởng tới quyền tác giả đã được bảo hộ.

Theo Công ước Berne thì chủ sở hữu trùng với tác giả, không có sự tách biệt riêng, ngoại trừ đối với tác phẩm điện ảnh, theo Điều 14 bis của Công ước Berne. Theo điều này thì các tác phẩm điện ảnh được bảo hộ như một nguyên tác nếu nó không vi phạm quyền tác giả của các tác phẩm đã dùng để phóng tác hay sao chép. Người sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm điện ảnh được hưởng những quyền giống như tác giả của tác phẩm gốc.

Như vậy, do sự phát triển của xã hội, điều kiện hiện nay nên quy định của pháp luật chúng ta về chủ sở hữu rộng hơn so với quy định của Công ước Berne về chủ sở hữu quyền tác giả.

2.3. NỘI DUNG QUYỀN TÁC GIẢ

Quyền tác giả gồm hai loại quyền, đó là quyền nhân thân, luôn gắn liền với tác giả và quyền tài sản, không phải thường xuyên gắn liền với tác giả. Nên có thể, tác giả của những tác phẩm nổi tiếng, đắt giá thì không hoàn toàn tác giả đó là người có nhiều tiền từ tác phẩm của mình.

2.3.1. Quyền nhân thân

Trước kia pháp luật chỉ quan tâm bảo hộ quyền tài sản (quyền kinh tế) đối với quyền tác giả mà chưa chú ý đến quyền nhân thân - các quyền tác giả về mặt tinh thần. Sau khi nhà triết học người Đức Emmanuel Kant đưa ra quan điểm cho rằng bảo hộ quyền nhân thân cũng là thiết yếu đối với bảo vệ

quyền tác giả thì pháp luật đã ghi nhận và bảo hộ các quyền nhân thân. Quyền nhân thân của cá nhân là quyền dân sự gắn liền với mỗi cá nhân, không thể chuyển giao cho người khác... mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền nhân thân của người khác.

Theo Điều 19 của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, quyền nhân thân trong quyền tác giả bao gồm quyền đặt tên cho tác phẩm; đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng; công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm; bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả. Không phải ai khác mà chỉ có tác giả, người sáng tạo ra tác phẩm văn học nghệ thuật mới có được quyền này. Nếu như tác giả đã chết thì việc duy nhất mà người khác có thể làm là "phóng tác" hay "chuyển thể" tác phẩm sang thể loại nghệ thuật khác. Trong trường hợp đó, tác phẩm không còn là chính nó nữa mà đã hình thành nên một tác phẩm nghệ thuật độc lập.

Trong trường hợp tác phẩm do nhiều người cùng sáng tạo ra (có đồng tác giả hoặc tác giả tập thể) thì khi sử dụng các quyền nhân thân phải đạt được sự thoả thuận của tất cả các tác giả nếu tác phẩm không thể tách ra thành từng phần riêng biệt để sử dụng riêng. Đối với tác phẩm có thể tách ra thành từng phần riêng để sử dụng riêng biệt thì mỗi tác giả có quyền đối với phần của mình nhưng đối với tác phẩm chung vẫn phải có sự đồng thuận của tất cả các tác giả.

Do các quyền nhân thân luôn gắn liền với tác giả nên được pháp luật bảo hộ vô thời hạn.

Quyền nhân thân trong Công ước Berne thể hiện dưới dạng quyền tinh thần, theo Điều 6 bis. Nội dung những quyền này cũng hạn chế hơn so với quy định của pháp luật chúng ta. Nó chỉ bao gồm quyền đứng tên tác giả và quyền phản đối những việc xuyên tạc, cắt xén hay sửa đổi hoặc những vi

phạm khác đối với tác phẩm có thể làm phương hại đến danh dự và tiếng tăm tác giả.

2.3.1.1. Quyền đặt tên cho tác phẩm

Quyền này được pháp luật bảo hộ vô thời hạn. Tác phẩm là đứa con tinh thần của tác giả. Quyền đặt tên cho tác phẩm là một quyền thiêng liêng như cha mẹ đặt tên cho con, cái tên đó sẽ đi cùng tác phẩm, làm cơ sở phân biệt nó với các tác phẩm khác. Hơn nữa một tác phẩm nổi tiếng không chỉ bởi nội dung hay, có giá trị nghệ thuật mà còn bởi có một cái tên ấn tượng, độc đáo toát lên toàn bộ nội dung của tác phẩm.

Quyền đặt tên cho tác phẩm các nhà lập pháp dành cho các chủ thể sau: Tác giả trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả; tác giả trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm nhưng không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả; cá nhân, tổ chức sản xuất tác phẩm điện ảnh, video, phát thanh, truyền hình, sân khấu và các loại hình biểu diễn nghệ thuật khác. Trường hợp này những cá nhân, tổ chức sản xuất chương trình được coi là tác giả tập thể.

Tuy nhiên, theo Điều 22 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP thì quyền đặt tên cho tác phẩm không áp dụng đối với tác phẩm dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác. Điều này là phù hợp bởi tác phẩm dịch phải tôn trọng tác phẩm gốc. Việc chuyển sang ngôn ngữ, hệ thống ký hiệu khác nhưng không có nghĩa là được đặt lại tên tác phẩm gốc.

Còn đối với tác giả chương trình máy tính và các nhà đầu tư sản xuất chương trình máy tính có thể thoả thuận về việc đặt tên và việc phát triển các chương trình máy tính, theo khoản 4 Điều Nghị định số 100/2006/NĐ-CP.

2.3.1.2. Quyền đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, phổ biến, sử dụng

Đây không chỉ là quyền mà còn là điều kiện mà pháp luật yêu cầu để được công nhận là tác giả. Để được công nhận là tác giả, chủ thể - tác giả phải đề tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, phổ biến. Việc tác giả

thực hiện quyền của mình nhằm xác định chủ sở hữu quyền và nếu tác phẩm do người khác công bố, phổ biến tới công chúng thì họ có nghĩa vụ nêu tên thật hoặc bút danh của tác giả hoặc của tập thể tác giả.

Đối với những tác phẩm dịch, phóng tác, biên soạn, cải biên, chuyển thể thì ngoài quyền được ghi tên, nêu tên thật hoặc bút danh của mình tác giả tác phẩm này còn có nghĩa vụ phải ghi rõ tên tác giả tác phẩm gốc và không được ghi tên mình ngang hàng với tên tác giả tác phẩm gốc. Về mặt kỹ thuật việc ghi tên ngang hàng thể hiện đó là tác phẩm của các đồng tác giả. Quyền đứng tên thật hoặc bút danh; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, phổ biến được pháp luật bảo hộ vô thời hạn.

Theo Điều 6 bis của Công ước Berne thì tác giả vẫn giữ nguyên quyền được đòi thừa nhận mình là tác giả của tác phẩm, kể cả sau khi quyền này đã được chuyển nhượng. Và quyền này độc lập với quyền kinh tế của tác giả.

2.3.1.3. Quyền công bố, phổ biến hoặc cho người khác công bố, phổ biến tác phẩm của mình

Tác giả có thể giữ tác phẩm để cho mình và gia đình mình thưởng thức, hoặc công bố cho đại chúng cùng biết. Việc công bố hay không thuộc quyền của tác giả và các đồng tác giả đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả.

Theo khoản 2 của Nghị định số 100/2006/NĐ-CP thì quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 là việc phát hành tác phẩm đến công chúng với số lượng bản sao đủ để đáp ứng nhu cầu hợp lý của công chúng tùy theo bản chất của tác phẩm, do tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện hoặc do cá nhân, tổ chức khác thực hiện với sự đồng ý của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả.

Việc công bố tác phẩm không bao gồm việc trình diễn một tác phẩm sân khấu, điện ảnh, âm nhạc; đọc trước công chúng một tác phẩm văn học; phát sóng tác phẩm văn học, nghệ thuật; trưng bày tác phẩm tạo hình; xây dựng công trình từ tác phẩm kiến trúc.

Những quy định trên đây của Nghị định số 100/2006/NĐ-CP giống với quy định về việc công bố tác phẩm theo khoản 3 Điều 3 của Công ước Berne.

2.3.1.4. Quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, cho phép hoặc không cho phép người khác sửa đổi nội dung của tác phẩm

Đây là một quyền mang ý nghĩa tinh thần nhiều hơn. Pháp luật ghi nhận quyền này thể hiện sự tôn trọng hoạt động lao động sáng tạo của tác giả khi tạo ra tác phẩm. Do đó, quyền này chỉ dành riêng cho cha đẻ của tác phẩm hoặc tập thể tác giả. Đối với những chủ thể được chuyển giao quyền công bố, phổ biến, trình diễn và sử dụng tác phẩm cũng bị hạn chế theo quyền này của tác giả.

Theo khoản 3 Điều 22 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP thì quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén tác phẩm là việc không cho người khác sửa chữa, cắt xén tác phẩm trừ trường hợp có thoả thuận của tác giả. Mọi hành vi sửa chữa, cắt xén đó chỉ có thể thực hiện sau khi có sự đồng ý của tác giả. Nếu hết thời gian bảo hộ tác phẩm thì quyền sẽ bị chấm dứt và mọi người lúc đó mới có thể tự do thực hiện việc sửa chữa, cắt xén đó.

Cũng theo khoản 2 Điều 3 của Công ước Berne thì kể cả sau khi quyền này đã được chuyển nhượng, tác giả vẫn giữ nguyên quyền phản đối bất kỳ sự xuyên tạc, cắt xén hay sửa đổi hoặc những vi phạm khác đối với tác phẩm có thể làm phương hại đến danh dự và tiếng tăm của mình.

2.3.2. Quyền tài sản

Bên cạnh việc bảo hộ quyền nhân thân, bảo hộ quyền tài sản của tác giả cũng có ý nghĩa rất quan trọng, đảm bảo cho tác giả, người thụ hưởng quyền có được lợi ích vật chất nhất định khi tác phẩm được công bố, phổ biến, sử dụng, nhằm bù đắp lại công sức lao động sáng tạo trí tuệ của tác giả và chống lại những hành vi xâm phạm quyền tác giả.

Quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền và có thể chuyển giao trong giao dịch dân sự.

Quyền tài sản bao gồm các quyền: làm tác phẩm phái sinh; biểu diễn tác phẩm trước công chúng; sao chép tác phẩm; phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm; truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác; cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP thì quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng quy định do chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện biểu diễn tác phẩm một cách trực tiếp hoặc thông qua các chương trình ghi âm, ghi hình hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào mà công chúng có thể tiếp cận được. Tuy nhiên, nếu biểu diễn tác phẩm tại gia đình thì không coi là biểu diễn tác phẩm trước công chúng.

Theo khoản 2 Điều 23 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP thì quyền sao chép là quyền của chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc tạo ra bản sao của tác phẩm bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc lưu trữ thường xuyên hoặc tạm thời tác phẩm dưới hình thức điện tử. Bởi dưới hình thức điện tử cũng là một dạng tồn tại của vật chất để từ đó có thể hình thành hoặc sử dụng trực tiếp tác phẩm được sao chép đó.

Quyền phân phối bản gốc hoặc bản sao tác phẩm là quyền của chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện bằng bất kỳ hình thức, phương tiện kỹ thuật nào mà công chúng có thể tiếp cận được để bán, cho thuê hoặc các hình thức chuyển nhượng khác bản gốc hoặc bản sao tác phẩm. Riêng đối với tác phẩm tạo hình, tác phẩm nhiếp ảnh thì quyền phân phối còn bao gồm cả việc trưng bày, triển lãm trước công chúng, theo khoản 3 Điều 23 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP.

Để giải thích rõ hơn về quyền truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác, tại khoản 4 của cùng Điều 23 Nghị định số

100/2006/NĐ-CP nêu quyền đó là quyền độc quyền thực hiện của chủ sở hữu quyền tác giả hoặc cho phép người khác thực hiện để đưa tác phẩm hoặc bản sao tác phẩm đến công chúng mà công chúng có thể tiếp cận được tại địa điểm và thời gian do chính họ lựa chọn.

Còn đối với quyền cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính thì đó là việc chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc cho thuê để sử dụng có thời hạn, theo khoản 5 của Điều 23 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP. Tuy nhiên, không áp dụng quyền cho thuê này đối với chương trình máy tính, khi bản thân chương trình đó không phải là đối tượng chủ yếu để cho thuê như chương trình máy tính gắn với việc vận hành bình thường các loại phương tiện giao thông cũng như các máy móc, thiết bị kỹ thuật khác.

Các quyền này do tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện. Khi tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng một, một số hoặc toàn bộ các quyền tài sản này phải xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu quyền tác giả.

Mọi quyền liệt kê kể trên đều có thể được lượng hoá thành tiền, với tư cách tác phẩm là một sản phẩm văn hoá có thể bán được. Nó thể hiện việc lao động sáng tạo của tác giả không chỉ đơn thuần chỉ để đáp ứng những nhu cầu về cảm thụ cái đẹp của tác giả, mà còn có thể đem lại lợi nhuận để tác giả tái sản xuất sức lao động.

Trao giải thưởng cho tác phẩm là sự tôn vinh và ghi nhận sự lao động sáng tạo của tác giả. Quyền này chỉ dành cho duy nhất tác giả - người trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm bằng năng lực và trí tuệ của mình. Đây không chỉ là lợi ích vật chất, mà còn là vinh dự, là niềm tự hào thậm chí không chỉ dành cho tác giả mà thôi, mà còn cho cả gia đình, dân tộc.

Quyền tài sản này không được quy định cụ thể trong Công ước Berne. Việc quy định quyền này phụ thuộc vào luật pháp của các nước thành viên tham gia Liên hiệp của Công ước Berne.

2.4. GIỚI HẠN QUYỀN TÁC GIẢ

Các quyền tài sản mang lại cho chủ thể sở hữu quyền được hưởng lợi ích vật chất khi người khác khai thác, sử dụng tác phẩm, họ giữ độc quyền cho phép người khác khai thác, sử dụng tác phẩm của mình. Điều này tạo nên bất lợi cho bên khai thác, sử dụng tác phẩm. Việc dự liệu cho những quy định giới hạn quyền tác giả nhằm cân đối giữa một bên là bảo hộ quyền tác giả và một bên là quyền thụ hưởng của công chúng.

Bản chất của việc giới hạn quyền tác giả là hạn chế một số quyền lợi vật chất của tác giả hay là quyền được sử dụng hợp lý tác phẩm của người khác trong một số trường hợp nhất định mà không phải xin phép, không phải trả thù lao, đảm bảo cân bằng lợi ích của tác giả, người sử dụng tác phẩm và công chúng. Cùng với Công ước Berne, pháp luật các nước khác trên thế giới đều có quy định về giới hạn quyền tác giả.

Quyền tác giả nằm trong quyền sở hữu trí tuệ nói chung nên bị giới hạn chung về quyền sở hữu trí tuệ theo Điều 7 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, theo đó tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả cũng chỉ được thực hiện quyền của mình trong phạm vi và thời hạn bảo hộ theo quy định của Luật này. Việc thực hiện quyền sở hữu trí tuệ không được xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác và không được vi phạm các quy định khác của pháp luật có liên quan. Điều đó có nghĩa việc thực hiện quyền sở hữu trí tuệ nằm trong khuôn khổ và không được làm thiệt hại đến lợi ích của bên thứ ba khác.

Nếu vì mục tiêu bảo đảm quốc phòng, an ninh, dân sinh và các lợi ích khác của Nhà nước, xã hội quy định tại Luật này, Nhà nước có thể cấm hoặc hạn chế chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thực hiện quyền của mình hoặc buộc chủ thể quyền sở hữu trí tuệ phải cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng một hoặc một số quyền của mình với những điều kiện phù hợp, cũng theo Điều 7 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005.

Như vậy, quyền tác giả bị giới hạn trong phạm vi của quyền sở hữu trí tuệ nói chung. Tác giả và chủ sở hữu tác giả được quyền thực hiện những quyền nhân thân và quyền tài sản như đã nêu trên. Ngoài ra, quyền tác giả còn bị giới hạn bởi thời hạn bảo hộ và phạm vi bảo hộ. Trong phạm vi bảo hộ thì quyền tác giả còn bị hạn chế bởi trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao, và trường hợp có phải trả thù lao.

2.4.1. Thời hạn bảo hộ

Theo khoản 1 Điều 27 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 thì các quyền nhân thân sau được bảo hộ vô thời hạn:

- Đặt tên cho tác phẩm;
- Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng;
- Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

Đây là những yếu tố gắn liền với tác phẩm, là những vấn đề để phân biệt, để xác định giá trị của tác phẩm, vì vậy, để bảo toàn tác phẩm thì cần phải bảo hộ những yếu tố trên vô thời hạn.

Theo khoản 2 Điều 27 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 thì các quyền sau bảo hộ có thời hạn là quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm và quyền tài sản, trong đó:

- Tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, sân khấu, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm khuyết danh có thời hạn bảo hộ là 50 năm, kể từ khi tác phẩm được công bố lần đầu tiên. Trong thời hạn năm mươi năm, kể từ khi tác phẩm điện ảnh, tác phẩm sân khấu được định hình, nếu tác phẩm chưa được công bố thì thời hạn được tính từ khi tác phẩm được định hình; đối với tác phẩm khuyết danh, khi các thông tin về tác giả được xuất hiện thì thời hạn bảo hộ được tính theo quy định tại điểm b khoản này;

- Tác phẩm không thuộc loại hình quy định tại trường hợp trên thì có thời hạn bảo hộ là suốt cuộc đời tác giả và 25 năm tiếp theo năm tác giả chết; trong trường hợp tác phẩm có đồng tác giả thì thời hạn bảo hộ chấm dứt vào năm thứ năm mươi sau năm đồng tác giả cuối cùng chết.

Cụ thể hơn thì thời hạn bảo hộ quy định tại hai trường hợp trên chấm dứt vào thời điểm 24 giờ ngày 31 tháng 12 của năm chấm dứt thời hạn bảo hộ quyền tác giả.

Theo Điều 7 Công ước Berne thì thời hạn bảo hộ theo Công ước này sẽ là suốt cuộc đời của tác giả và năm mươi năm sau khi tác giả chết. Tuy nhiên, đối với những trường hợp đặc thù thì có những quy định riêng. Theo khoản 2 của cùng Điều thì đối với những tác phẩm điện ảnh, các quốc gia thành viên Liên hiệp có thể quy định chấm dứt thời hạn bảo hộ sau 50 năm, tính từ khi tác phẩm được phổ cập đến công chúng, với sự đồng ý của tác giả. Hoặc nếu không có sự phổ cập như thế trong vòng 50 năm tính từ ngày thực hiện tác phẩm, thì thời hạn bảo hộ chấm dứt 50 năm sau khi tác phẩm được thực hiện. Còn đối với những tác phẩm khuyết danh hay bút danh, thời hạn bảo hộ do Công ước này quy định chấm dứt là 50 năm sau khi tác phẩm được phổ cập đến công chúng một cách hợp pháp. Riêng đối với trường hợp bút danh thể hiện một cách rõ ràng, cụ thể về danh tích của tác giả thì thời hạn bảo hộ được tính như trường hợp thể hiện tên rõ ràng của tác giả.

Trong trường hợp tác giả một tác phẩm khuyết danh hay bút danh tiết lộ danh tính của mình trong thời gian đã nói ở trên, thời hạn bảo hộ cũng được tính đầy đủ thời hạn như được biết danh tính từ đầu.

Luật pháp của quốc gia thành viên Liên hiệp có thẩm quyền quy định thời hạn bảo hộ các tác phẩm nhiếp ảnh và các tác phẩm mỹ thuật ứng dụng coi như tác phẩm nghệ thuật. Tuy nhiên, thời hạn này kéo dài ít nhất 25 năm kể từ khi tác phẩm được thực hiện.

Về thời điểm để tính các sự kiện của Công ước Berne cũng giống như pháp luật của Việt Nam, đó là chỉ được tính từ ngày mùng 1 tháng giêng

năm tiếp theo sau cái chết của tác giả hay từ sự kiện xảy ra tại những trường hợp trên.

Các nước thành viên Liên hiệp có thể quy định một thời hạn bảo hộ dài hơn các thời hạn quy định ở những khoản trên đây. Trong bất kỳ trường hợp nào thời hạn bảo hộ sẽ do luật pháp của nước công bố bảo hộ quy định. Tuy nhiên, nếu luật pháp của nước đó không có những quy định khác thì thời hạn bảo hộ sẽ không quá thời hạn được quy định ở quốc gia gốc của tác phẩm.

2.4.2 Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao

Tổ chức, cá nhân muốn sử dụng tác phẩm thuộc trường hợp này thì phải trong khuôn khổ không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, không gây phương hại đến các quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm.

Tuy nhiên, mọi người không thể áp dụng quyền này đối với tác phẩm kiến trúc, tác phẩm tạo hình, chương trình máy tính.

Những quy định trên được thể hiện rõ theo khoản 2 và 3 của Điều 25 của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, còn theo quy định tại khoản 1 của cùng điều luật thì được thực hiện quyền này thuộc một trong những trường hợp sau:

- TỰ sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân;
- Trích dẫn hợp lý tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để bình luận hoặc minh họa trong tác phẩm của mình;
- Trích dẫn tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để viết báo, dùng trong ấn phẩm định kỳ, trong chương trình phát thanh, truyền hình, phim tài liệu;
- Trích dẫn tác phẩm để giảng dạy trong nhà trường mà không làm sai ý tác giả, không nhằm mục đích thương mại;
- Sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu;

- Biểu diễn tác phẩm sân khấu, loại hình biểu diễn nghệ thuật khác trong các buổi sinh hoạt văn hoá, tuyên truyền cổ động không thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào;

- Ghi âm, ghi hình trực tiếp buổi biểu diễn để đưa tin thời sự hoặc để giảng dạy;

- Chụp ảnh, truyền hình tác phẩm tạo hình, kiến trúc, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng được trưng bày tại nơi công cộng nhằm giới thiệu hình ảnh của tác phẩm đó;

- Chuyển tác phẩm sang chữ nổi hoặc ngôn ngữ khác cho người khiếm thị;

- Nhập khẩu bản sao tác phẩm của người khác để sử dụng riêng.

Để quy định rõ hơn về quyền sao chép này thì tại Điều 25 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP quy định rõ:

- Tự sao chép một bản quy định áp dụng đối với các trường hợp nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân không nhằm mục đích thương mại;

- Sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu là việc sao chép không quá một bản. Thư viện không được sao chép và phân phối bản sao tác phẩm tới công chúng, kể cả bản sao kỹ thuật số.

Đối với trường hợp tác phẩm đã hết thời hạn bảo hộ thì tác phẩm thuộc về công chúng. Trong trường hợp này thì việc sử dụng tác phẩm không phải xin phép và không phải trả tiền sử dụng tác phẩm. Tuy nhiên, mọi người sử dụng tác phẩm vẫn phải tôn trọng những quyền tác giả mà luật pháp quy định bảo hộ vô thời hạn.

Chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm thuộc về công chúng không được hưởng quyền công bố tác phẩm và các quyền tài sản quy định trong Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005.

Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan khi phát hiện các hành vi xâm phạm quyền nhân thân được bảo hộ vô thời hạn đối với các tác phẩm đã kết thúc thời hạn bảo hộ thì có quyền yêu

cầu người có hành vi xâm phạm chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại. Hoặc có quyền khiếu nại, tố cáo, yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý. Những hành vi như vậy, tùy theo tính chất và mức độ xâm phạm, các tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm có thể bị xử lý theo pháp luật hành chính, dân sự hoặc hình sự.

Các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ các quyền nhân thân đối với những tác phẩm của Hội viên đã kết thúc thời hạn bảo hộ. Tất cả những quy định này đều được thể hiện rõ ràng tại Điều 30 của Nghị định số 100/2006/NĐ-CP.

Nhìn chung, việc sử dụng tác phẩm trong các trường hợp này đều không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, không gây phương hại đến các quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, và người sử dụng phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm.

Công ước Berne có những quy định về quyền sử dụng tác phẩm tương tự như trong trường hợp của mục này. Những trường hợp này được quy định tại Điều 2 bis, Điều 10 và Điều 10 bis. Luật pháp quốc gia là thành viên của Liên hiệp có thẩm quyền miễn trừ toàn phần hoặc bộ phận sự bảo hộ được quy định tại Điều trên đối với các bài diễn văn chính trị hay những bài phát biểu trong những buổi tranh luận về tư pháp, hoặc có thể quy định những điều kiện để những bài diễn văn, thuyết trình và những tác phẩm cùng loại đã trình bày trước công chúng, được đăng báo, phát sóng, phổ biến đến quần chúng bằng đường dây hoặc bằng phương tiện thông tin đại chúng, miễn là sự sử dụng ấy thực sự nhằm mục đích thông tin.

Theo khoản 3 Điều 2 bis thì, tác giả có quyền làm bộ sưu tập các tác phẩm đã nói ở những trường hợp trên đây.

Mọi người được tự do sử dụng tác phẩm nếu những trích dẫn rút từ một tác phẩm đã được phổ cập tới công chúng một cách hợp pháp, miễn là sự trích dẫn đó phù hợp với những thông lệ đúng đắn và không vượt quá mục

đích trích dẫn, kể cả những trích dẫn các bài báo và tập san định kỳ dưới hình thức điểm báo.

Những việc minh họa các xuất bản phẩm, phát sóng, ghi âm hoặc ghi hình để giảng dạy bằng những tác phẩm văn học hay nghệ thuật phải phù hợp với thông lệ đúng đắn.

Dù được tự do sử dụng tác phẩm như trong những trường hợp dưới hình thức điểm báo hay minh họa thì cũng phải đều ghi rõ nguồn gốc tác phẩm và tên tác giả.

Tuỳ thuộc vào pháp luật của mỗi quốc gia mà có thể cho phép in lại trên báo chí, phát trên sóng hoặc thông tin đường dây những bài báo có tính chất thời sự về kinh tế, chính trị hay tôn giáo đã đăng tải trên báo chí hoặc tập san, hoặc các tác phẩm đã phát sóng có tính chất tương tự, với điều kiện những tác phẩm đó không phải là những tác phẩm mà tác giả đích danh giữ bản quyền. Tuy nhiên, bao giờ cũng phải ghi rõ nguồn gốc tác phẩm.

Luật pháp của mỗi quốc gia cũng có thể quy định điều kiện sao in và phổ cập những tác phẩm văn học nghệ thuật nghe nhìn, dưới hình thức nhiếp ảnh, điện ảnh, phát sóng hoặc thông tin đường dây để phục vụ cho mục đích thông tin với mức độ sử dụng thông tin đã được thống nhất.

Như vậy, luật pháp nước ta đã cụ thể hoá những quy định trong Công ước Berne thành những điều luật trong hệ thống pháp luật của chúng ta. Những quy định đó tương thích và phù hợp với những quy định của Công ước Berne.

2.4.3 Trường hợp sử dụng tác phẩm không phải xin phép nhưng phải trả thù lao

Theo Điều 26 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 thì mọi người được sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao trong các trường hợp tổ chức phát sóng sử dụng tác phẩm đã công bố để thực hiện chương trình phát sóng có tài trợ, quảng cáo hoặc thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào không phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù

lao cho chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định của Chính phủ. Việc sử dụng này không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, không gây phương hại đến các quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, và phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm. Tuy nhiên, quy định này không áp dụng đối với tác phẩm điện ảnh.

Tại Công ước Berne không quy định cụ thể về vấn đề này, những trường hợp xử lý này tùy thuộc vào quy định của mỗi quốc gia thành viên.

2.5. BẢO VỆ QUYỀN TÁC GIẢ

2.5.1. Những quy định chung

Về lý thuyết, cơ chế bảo vệ quyền tác giả phải nằm trong mối quan hệ hữu cơ giữa tác giả - cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả - cơ quan chức năng tư pháp; ngoài ra có thể còn có sự tham gia của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan, tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan.

Trong hệ thống cơ quan quản lý nhà nước, Bộ Văn hoá thông tin có chức năng quản lý Nhà nước về quyền tác giả và tổ chức ra các cơ quan chức năng bảo hộ quyền tác giả như Cục bản quyền Văn học - Nghệ thuật, Cục nghệ thuật biểu diễn, Thanh tra chuyên ngành văn hoá thông tin... tham gia vào còn có hệ thống các cơ quan tư pháp: cơ quan điều tra, kiểm sát, toà án, thi hành án.

Để bảo vệ tốt quyền tác giả, bản thân tác giả nên đăng ký quyền tác giả, và bản thân Nhà nước cũng khuyến khích việc đăng kí quyền tác giả tại Cục bản quyền tác giả, dù đây không phải là thủ tục hành chính bắt buộc để xác lập quyền tác giả mà chỉ là biện pháp nhằm ngăn ngừa tranh chấp và thuận lợi hơn cho việc xác định chủ sở hữu quyền tác giả bởi quyền tác giả được phát sinh từ thời điểm ý tưởng sáng tạo của tác giả được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định.

Tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả có quyền nộp đơn đăng ký quyền tác giả và được cấp giấy chứng nhận quyền tác giả.

Theo số liệu thống kê của Cục bản quyền tác giả thì từ năm 1996, tổng số Giấy chứng nhận bản quyền đã cấp trong cả nước năm 1997 là 547, năm 1998 là 245, năm 1999 là 432 và năm 2000 là 316 Giấy chứng nhận quyền tác giả. Trong đó chiếm tỷ lệ lớn nhất là loại hình tác phẩm viết, tiếp theo là các tác phẩm mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm âm nhạc, điện ảnh, video và một số loại hình tác phẩm khác.

Gần đây số lượng giấy chứng nhận bản quyền có tăng lên do bản thân các tác giả đã ý thức được tầm quan trọng của việc đăng ký.

Ngoài ra, tác giả và các chủ thể khác của quyền tác giả có quyền tự bảo vệ tác phẩm của mình. Tại Điều 43 của Nghị định số 100/2006/NĐ-CP có quy định: *"Áp dụng biện pháp công nghệ nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại điểm a khoản 1 Điều 198 của Luật Sở hữu trí tuệ là việc các chủ thể quyền đưa các thông tin quản lý quyền gắn với bản gốc hoặc bản sao tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng; đưa thông tin quản lý quyền xuất hiện cùng với việc truyền đạt tác phẩm tới công chúng nhằm xác định tác phẩm, tác giả của tác phẩm, chủ sở hữu quyền, thông tin về thời hạn, điều kiện sử dụng tác phẩm và mọi số liệu hoặc mã, ký hiệu thể hiện thông tin đó để bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan. Đồng thời các chủ thể quyền có thể áp dụng các biện pháp công nghệ để bảo vệ các thông tin quản lý quyền, ngăn chặn các hành vi tiếp cận tác phẩm, khai thác bất hợp pháp quyền sở hữu của mình theo quy định của pháp luật"*.

Hợp đồng sử dụng quyền tác giả cũng cần được các bên liên quan quan tâm, nếu như thực hiện tốt việc đàm phán, ký kết và thực hiện thì điều kiện phát sinh tranh chấp cũng được giảm thiểu, theo Điều 48 Luật sở hữu trí tuệ năm 2005.

Theo Điều 43 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP thì chủ thể có quyền tự bảo vệ trước hành vi xâm phạm. Áp dụng biện pháp công nghệ nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền tác giả là việc các chủ thể quyền đưa các thông tin quản lý quyền gắn với bản gốc hoặc bản sao tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình,

chương trình phát sóng, hoặc đưa thông tin quản lý quyền xuất hiện cùng với việc truyền đạt tác phẩm tới công chúng nhằm xác định tác phẩm, tác giả của tác phẩm, chủ sở hữu quyền, thông tin về thời hạn, điều kiện sử dụng tác phẩm và mọi số liệu hoặc mã, ký hiệu thể hiện thông tin đó để bảo vệ quyền tác giả. Đồng thời các chủ thể quyền có thể áp dụng các biện pháp công nghệ để bảo vệ các thông tin quản lý quyền, ngăn chặn các hành vi tiếp cận tác phẩm, khai thác bất hợp pháp quyền sở hữu của mình theo quy định của pháp luật.

Các chủ thể quyền có thể áp dụng các biện pháp khác là các biện pháp dân sự, hành chính, hình sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

2.5.2 Xác định hành vi xâm phạm

Trong Công ước Berne không quy định cụ thể những hành vi xâm phạm, điều này tùy thuộc vào quy định của những quốc gia thành viên. Tuy nhiên, có thể hiểu là những hành vi đi ngược lại những quy định bảo hộ của Công ước Berne là những hành vi xâm phạm quyền tác giả.

Những hành vi xâm phạm quyền tác giả được quy định rõ ràng tại Điều 28 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, 16 hành vi xâm phạm đó là:

1. Chiếm đoạt quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học.
2. Mạo danh tác giả.
3. Công bố, phân phối tác phẩm mà không được phép của tác giả.
4. Công bố, phân phối tác phẩm có đồng tác giả mà không được phép của đồng tác giả đó.
5. Sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.
6. Sao chép tác phẩm mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm đ khoản 1 Điều 25 của Luật sở hữu trí tuệ năm 2005.

7. Làm tác phẩm phái sinh mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh, trừ trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 25 của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005.

8. Sử dụng tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả, không trả tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất khác theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005.

9. Cho thuê tác phẩm mà không trả tiền nhuận bút, thù lao và quyền lợi vật chất khác cho tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả.

10. Nhân bản, sản xuất bản sao, phân phối, trưng bày hoặc truyền đạt tác phẩm đến công chúng qua mạng truyền thông và các phương tiện kỹ thuật số mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả.

11. Xuất bản tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả.

12. Cố ý huỷ bỏ hoặc làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình.

13. Cố ý xoá, thay đổi thông tin quản lý quyền dưới hình thức điện tử có trong tác phẩm.

14. Sản xuất, lắp ráp, biến đổi, phân phối, nhập khẩu, xuất khẩu, bán hoặc cho thuê thiết bị khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị đó làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình.

15. Làm và bán tác phẩm mà chữ ký của tác giả bị giả mạo.

16. Xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối bản sao tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả.

Việc xâm phạm quyền tác giả có thể gây ra những thiệt hại về vật chất bao gồm các tổn thất về tài sản, mức giảm sút về thu nhập, lợi nhuận, tổn thất về cơ hội kinh doanh, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại. Ngoài các thiệt hại về vật chất còn tổn hại về tinh thần bao gồm các tổn thất về danh

dự, nhân phẩm, uy tín, danh tiếng và những tổn thất khác về tinh thần gây ra cho tác giả của tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học.

Ngoài ra, việc vi phạm còn dẫn tới một tình trạng nguy hiểm nữa là không khuyến khích được việc sáng tạo ra những tác phẩm mới.

2.5.3. Xử lý vi phạm

Những biện pháp xử lý vi phạm này được quy định theo pháp luật của từng quốc gia thành viên, nên Công ước Berne không có quy định cụ thể về việc xử lý vi phạm này.

2.5.3.1. Biện pháp dân sự

Thông qua toà án, chủ thể có quyền có thể yêu cầu toà án áp dụng những biện pháp dân sự sau đối với người vi phạm, theo Điều 202 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005:

1. Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm;
2. Buộc xin lỗi, cải chính công khai;
3. Buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự;
4. Buộc bồi thường thiệt hại;
5. Buộc tiêu huỷ hoặc buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hoá xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ.

Ngoài quyền và nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 79 của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn còn có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 203 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005.

Vì lý do đặc thù nên trong Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 cũng có quy định về nguyên tắc xác định thiệt hại do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ tại Điều 204. Căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại cũng được quy định chung

cho cả những hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nói chung tại Điều 205 của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005.

Trong trường hợp khẩn cấp thì theo yêu cầu của chủ thể có quyền, toà án có thể áp dụng những biện pháp khẩn cấp, tạm thời theo Điều 206 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005. Ngoài những biện pháp theo quy định của tố tụng dân sự thì toà án còn có thể áp dụng những biện pháp:

- Thu giữ;
- Kê biên;
- Niêm phong; cấm thay đổi hiện trạng; cấm di chuyển;
- Cấm chuyển dịch quyền sở hữu.

Đối với hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, nguyên liệu, vật liệu, phương tiện sản xuất, kinh doanh hàng hoá đó.

Để cụ thể hoá những quy định này, tại Điều 44 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP đã nêu cụ thể những chủ thể có quyền khởi kiện là:

- Tác giả;
- Chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan;
- Người thừa kế hợp pháp của tác giả hoặc của chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan;
- Cá nhân, tổ chức được chuyển giao quyền của chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan;
- Cá nhân, tổ chức sử dụng tác phẩm theo hợp đồng;
- Người biểu diễn;
- Nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình;
- Tổ chức phát sóng;
- Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan được ủy thác quyền;
- Các chủ thể quyền khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, cơ quan nhà nước, tổ chức liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Tòa án bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước thuộc lĩnh vực quyền tác giả.

2.5.3.2. Hành chính

Theo Điều 211 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 thì có 4 hành vi xâm phạm quyền tác giả bị xử phạt hành chính, đó là:

- Thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc cho xã hội;

- Không chấm dứt hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ mặc dù đã được chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thông báo bằng văn bản yêu cầu chấm dứt hành vi đó;

- Sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán hàng hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ theo quy định tại Điều 213 của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 hoặc giao cho người khác thực hiện hành vi này;

- Sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán vật mang nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ hoặc giao cho người khác thực hiện hành vi này.

Nếu tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh về sở hữu trí tuệ thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nói chung hay quyền tác giả nói riêng, thuộc trường hợp xử phạt vi phạm hành chính thì bị buộc phải chấm dứt hành vi xâm phạm và bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính sau đây, theo Điều 214 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005:

- Cảnh cáo;

- Phạt tiền.

Tuỳ theo tính chất, mức độ xâm phạm, tổ chức, cá nhân xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

- Tịch thu hàng hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ, nguyên liệu, vật liệu, phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ;

- Đình chỉ có thời hạn hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đã xảy ra vi phạm.

Ngoài các hình thức xử phạt quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ còn có thể bị áp dụng một hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

- Buộc tiêu huỷ hoặc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ.

Ngoài những biện pháp trên thì tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính theo Điều 215 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005.

Trên thực tế, việc tiến hành xử phạt hành chính thường do Thanh tra văn hoá thuộc Sở Văn hoá thông tin hoặc Phòng Văn hoá thông tin cấp quận huyện thị xã tiến hành.

Ngày 26/6/2001, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 31/2001/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá thông tin. Cùng với Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Pháp lệnh thanh tra, Nghị định 31/2001/NĐ-CP đã tạo khung pháp lý và mức chế tài hành chính rõ ràng cho việc xử lý các vi phạm có tính chất hành chính trong lĩnh vực quyền tác giả.

Điều 1 Nghị định này quy định: "Vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá thông tin là hành vi cố ý hoặc vô ý của cá nhân, tổ chức vi phạm các quy tắc quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hoá thông tin mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo qui định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Nghị định này thì phải bị xử phạt hành chính".

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá thông tin bao gồm: Hành vi vi phạm quy tắc quản lý nhà nước trong các hoạt động báo chí, xuất bản, điện ảnh, các loại hình biểu diễn mỹ thuật, triển lãm, nhiếp ảnh, quyền tác giả, xuất nhập khẩu sản phẩm văn hoá, công bố và phổ biến tác phẩm ra nước ngoài...

Thời hiệu xử phạt tùy theo các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa thông tin của hành vi vi phạm mà qui định khác nhau: 3 tháng, 1 năm hoặc 2 năm kể từ khi vi phạm hành chính được thực hiện.

Mức xử phạt vi phạm hành chính tùy thuộc vào mức độ và tính chất của hành vi vi phạm mà được qui định khác nhau từ 200.000 đồng đến 70 triệu đồng. Ngoài ra người vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp chế tài bổ sung khác là tịch thu tang vật hoặc tiêu huỷ tang vật hoặc cả hai.

2.5.3.3. Biện pháp hình sự

Tại Điều 212 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 quy định cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự.

Việc áp dụng chế tài hình sự trực tiếp đối với hành vi vi phạm quyền tác giả và các quyền liên quan thường ít, mà hành vi vi phạm cấu thành thêm tội nào trong Bộ luật Hình sự thì xử lý theo tội đó.

2.5.3.4. Các biện pháp kiểm soát xuất nhập khẩu

Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 quy định tại Điều 216 những biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ, trong đó có quyền tác giả, bao gồm:

- Tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;

- Kiểm tra, giám sát để phát hiện hàng hoá có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Việc tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là biện pháp được tiến hành theo yêu cầu của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ nhằm thu thập thông tin, chứng cứ về lô hàng để chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thực hiện quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền và yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính.

Kiểm tra, giám sát để phát hiện hàng hoá có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là biện pháp được tiến hành theo đề nghị của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ nhằm thu thập thông tin để thực hiện quyền yêu cầu áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan.

Người có quyền yêu cầu áp dụng biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ có các nghĩa vụ theo Điều 217 của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005. Khi áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan thì người yêu cầu phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại Điều 217 của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005.

Trong trường hợp nếu vi phạm tại những trường hợp liên quan đến xuất nhập khẩu này thì cơ quan có thẩm quyền có thể áp dụng biện pháp theo Điều 214 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP. Đó là buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam đối với hàng hoá quá cảnh xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc buộc tái xuất đối với hàng hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ sau khi đã loại bỏ các yếu tố vi phạm trên hàng hoá.

2.6. BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC NGHỆ THUẬT DÂN GIAN

Đây là điều đặc thù đối với mỗi một quốc gia. Vấn đề này đặt ra ngày càng cần thiết bởi trước "con lốc toàn cầu hoá" thì tình trạng văn hoá của mỗi quốc gia bị đồng hoá đi làm mất bản sắc con người, dân tộc, lãnh thổ, quốc gia. Nếu không nhìn nhận và áp dụng những biện pháp hữu hiệu để bảo tồn và phát triển thì sẽ không còn văn hoá, dân tộc tại vị trí địa lý đặc thù đó. Mà chính yếu tố văn hoá mới có thể phân biệt được giữa con người với con người. Mọi người sẽ trở nên khủng hoảng nếu không biết mình là ai.

Do vậy, những quy định về quyền tác giả và những biện pháp hiệu quả từ quyền tác giả này là công cụ tốt để duy trì và phát triển được văn học nghệ thuật dân gian. Tại điều 23 của Luật sở hữu trí tuệ năm 2005, có quy định tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian là sáng tạo tập thể trên nền tảng truyền thống của một nhóm hoặc các cá nhân nhằm phản ánh khát vọng của cộng đồng, thể hiện tương xứng đặc điểm văn hoá và xã hội của họ, các tiêu chuẩn và giá trị được lưu truyền bằng cách mô phỏng hoặc bằng cách khác.

Tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian bao gồm:

- Truyện, thơ, câu đố;
- Điệu hát, làn điệu âm nhạc;
- Điệu múa, vở diễn, nghi lễ và các trò chơi;
- Sản phẩm nghệ thuật đồ hoạ, hội hoạ, điêu khắc, nhạc cụ, hình mẫu kiến trúc và các loại hình nghệ thuật khác được thể hiện dưới bất kỳ hình thức vật chất nào.

Việc sử dụng tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian phải dẫn chiếu xuất xứ của loại hình tác phẩm đó và bảo đảm giữ gìn giá trị đích thực của tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian.

Theo định nghĩa của **UNESCO**, các tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian bao gồm:

Các di tích: Các tác phẩm kiến trúc, tác phẩm điêu khắc và hội họa, các yếu tố hay các cấu trúc có tính chất khảo cổ học, ký tự, nhà ở trong hang đá và các công trình có sự liên kết giữa nhiều đặc điểm, có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, nghệ thuật và khoa học.

Các quần thể các công trình xây dựng: Các quần thể các công trình xây dựng tách biệt hay liên kết lại với nhau mà do kiến trúc của chúng, do tính đồng nhất hoặc vị trí của chúng trong cảnh quan, có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, nghệ thuật và khoa học.

Các di chỉ: Các tác phẩm do con người tạo nên hoặc các tác phẩm có sự kết hợp giữa thiên nhiên và nhân tạo và các khu vực trong đó có các di chỉ khảo cổ có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, thẩm mỹ, dân tộc học hoặc nhân chủng học.

Các kiệt tác di sản phi vật thể nhân loại, thường bao gồm những loại hình nghệ thuật thuộc về âm nhạc, hiện nay ở Việt Nam đang có một số môn nghệ thuật được UNESCO công nhận là kiệt tác di sản phi vật thể nhân loại.

Nhã nhạc cung đình Huế

Nhã nhạc cung đình Huế là một sáng tạo đặc biệt, mang âm hưởng của âm nhạc dân gian Việt Nam, có tính chuyên nghiệp và bác học cao, Nhã nhạc cung đình Huế mang một âm điệu đặc trưng, thể hiện phong cách, tâm hồn, bản sắc Việt Nam nói chung và Huế nói riêng. Âm nhạc cung đình Việt Nam bắt nguồn từ âm nhạc dân gian, chọn lọc, tinh chế và nâng cao cho phù hợp với lối sống và lễ nghi của cung đình. Có thể nói âm nhạc cung đình mang âm hưởng của âm nhạc dân gian Việt Nam. Bên cạnh đó, trong quá trình phát triển, âm nhạc cung đình Việt Nam có tiếp thu ảnh hưởng của âm nhạc cung đình Trung Hoa (ví dụ như quan niệm về vũ trụ và nhân sinh liên quan đến âm dương ngũ hành...) và nền âm nhạc Cham Pa. Đây cũng chính là nét tương đồng chung của văn hoá phương Đông.

Nhã nhạc được coi là một kiệt tác sáng tạo. Trong khi các thể loại âm nhạc khác ở Việt Nam đều là sáng tạo của địa phương thì Nhã nhạc là loại hình duy nhất mang tính chất quốc gia. Nhã nhạc từng là quốc nhạc của triều đình quân chủ, được sự quan tâm, chăm sóc đặc biệt của triều đình nên nó mang những giá trị nổi bật về mặt lịch sử và nghệ thuật. Với chức năng phục vụ các nghi lễ của triều đình và là phương tiện giao tiếp với thế giới thần linh, Nhã nhạc mang tính triết lý cao. Nó thể hiện những quan niệm về vũ trụ và nhân sinh của người Việt

Nam nói riêng và phương Đông nói chung, chẳng hạn quan niệm về một thế giới siêu hình, ở đó Trời Đất, các thần linh và tổ tiên ngự trị; trong văn hoá của người Việt cổ; tư tưởng Tôn quân... Những quan niệm trên được biểu lộ rất rõ trong kết cấu các biên chế dân nhạc, trong các động tác múa cũng như trong nội dung các bài bản âm nhạc. Là loại hình âm nhạc nghi lễ, Nhã nhạc có tính trang trọng, hoành tráng, phù hợp với các cuộc lễ long trọng của triều đình.

Ngày 24/7/2005, Chính phủ Việt Nam đã có công văn về việc lập hồ sơ Âm nhạc cung đình Việt Nam: Nhã nhạc là loại hình âm nhạc truyền thống tiêu biểu của Việt Nam đề nghị UNESCO công nhận là Kiệt tác di sản Văn hóa Phi vật thể và Truyền khẩu của nhân loại đợt 2, năm 2003.

Tháng 11 năm 2003, Nhã nhạc (triều Nguyễn) đã được UNESCO ghi tên vào danh mục Các Kiệt tác Di sản phi vật thể của nhân loại.

Theo pháp luật hiện hành, chủ sở hữu của quyền tác giả đối với các tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian là Nhà nước, nhưng thực Nhà nước chỉ là người "quản lý" thay cho nhân dân mà thôi. Việc bảo vệ quyền tác giả này là bảo vệ một di sản không chỉ cho toàn dân tộc mà còn cho toàn nhân loại. Việc thu lợi từ những hoạt động văn hoá truyền thống có nguồn gốc dân gian phải phục vụ cho nhân dân, cho Tổ quốc.

2.7. BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI MỘT SỐ LOẠI HÌNH TÁC PHẨM VĂN HỌC NGHỆ THUẬT ĐẶC THÙ TRƯỚC CUỘC CÁCH MẠNG KỸ THUẬT SỐ HIỆN NAY.

Trước cuộc cách mạng kỹ thuật số hiện nay thì việc số hoá các tác phẩm văn học nghệ thuật trở nên đơn giản hơn. Cũng vì vậy, việc tiếp cận với những tác phẩm đó trở nên dễ dàng và thuận lợi hơn bao giờ hết đối với công chúng. Công chúng được hưởng lợi nhiều nhất từ việc số hoá các tác phẩm văn học nghệ thuật này. Qua đó, tác giả hoặc chủ sở hữu cũng có nhiều thuận lợi từ việc công bố, phổ biến, khai thác lợi ích từ tác phẩm của mình.

Tuy nhiên, mặt trái của việc này là việc xâm phạm quyền tác giả cũng trở nên phát triển và mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

Tính hai mặt của cuộc cách mạng kỹ thuật số đối với quyền tác giả có thể rõ hơn qua những phân tích dưới đây về sách và báo điện tử.

Nhờ có sách, trình độ tri thức của thế giới được truyền bá theo cấp số nhân, đồng thời sự truyền bá đó vẫn tiếp tục cho đến ngày nay với tốc độ ngày càng tăng nhờ sự phát triển của từng công nghệ mới, chẳng hạn điện tín, phát thanh, truyền hình, máy tính, viễn thông và Internet và gần đây là sách điện tử. Nói chung, sách là một trong các sáng chế quan trọng và tồn tại lâu dài nhất từ xưa đến nay. Sự gia tăng nhanh và phổ biến rộng rãi tri thức thông qua sách đã và vẫn có tác động rất lớn đến quá trình văn minh hoá. Sách cũng như báo và tạp chí dễ dàng được chia sẻ vì chúng có kích cỡ thích hợp và có thể mang theo người được.

Tác dụng của việc bảo hộ quyền tác giả đối với sách đã được khẳng định trên gần như toàn thế giới. Việc xuất bản sách với số lượng lớn càng ngày càng được bảo đảm nguồn thu từ bán sách.

Ngành công nghiệp xuất bản văn học không chỉ bao gồm sách, mà còn có nhiều loại hình khác nữa. Hàng năm, có trên 50.000 đầu sách mới được xuất bản, riêng trong năm 1999 có hơn 500 triệu cuốn sách được phát hành dưới dạng ấn phẩm và ngành công nghiệp xuất bản tạo ra thu nhập hơn 80 tỉ USD trên phạm vi toàn thế giới.

Tuy nhiên, câu chuyện về ngành công nghiệp xuất bản văn học sẽ không được thể hiện đầy đủ nếu chỉ chú ý đến sách, vì việc xuất bản báo và tạp chí cũng là một bộ phận hữu cơ của công nghiệp xuất bản văn học. Trong năm 1996, theo ước tính có khoảng 8.391 tờ nhật báo trên thế giới với khoảng 548 triệu độc giả.

10 TỜ BÁO TIÊU BIỂU VÀ LƯỢNG PHÁT HÀNH (1999)

STT	Tên báo	Quốc tịch	Số lượng (bản)
1	Yomiuri Shimbun	Nhật Bản	10.233.923
2	Asahi Shimbun	Nhật Bản	8.321.138
3	Sichuan Ribao	Trung Quốc	8.000.000
4	Bild	Đức	5.674.400
5	Mainichi Shimkbun	Nhật Bản	3.978.617
6	Sun	Anh	3.687.370
7	Elefiherotypia	Hy Lạp	1.858.316
8	Wall Street Journal	Hoa Kỳ	1.752.693
9	Kerala Kaumudi	Ấn Độ	1.720.000
10	New York Times	Hoa Kỳ	1.086.293

Sách và các ấn phẩm tương tự có một ưu điểm là dễ dàng tiếp cận đối tượng của bộ môn nghệ thuật (không chỉ là nghệ thuật, mà còn là khoa học, là công nghệ). Không phải bộ môn nào cũng có thể truyền tải được lượng thông tin lớn như sách và ấn phẩm. Hơn thế nữa, vì tính chất tồn tại tương đối lâu dài mà chất lượng của loại hình nghệ thuật này trở nên tương đối được coi trọng khi thực hiện, trong khi các loại hình khác. Sách và các loại chế bản in truyền thống thì dễ tiếp cận với những đối tượng hay di chuyển, ít tiếp xúc với các phương tiện truyền thông hiện đại như internet, thậm chí truyền thanh, truyền hình thì rõ ràng, sách và báo chí vẫn tỏ ra hữu hiệu. Vì sự tiện lợi đó (trong cách thức mà báo và tạp chí truyền đạt nội dung) bất kể đó là tin tức, thời sự, truyện và bài viết dài hay hình ảnh hấp dẫn, báo và tạp chí đã thành công trong việc dựa vào luật quyền tác giả để bảo đảm cho các sản phẩm và dịch vụ của mình không hay ít rơi vào tình trạng có thể xảy ra nạn đánh cắp tràn lan và sử dụng bất hợp pháp.

Vì được coi là tác phẩm văn học nên báo và tạp chí được bảo hộ hoàn toàn giống như sách. Tuy nhiên, do tính chất của sản phẩm, dịch vụ báo và tạp chí cũng như do những phương thức phân phối mới mà có hai lĩnh vực trong đó luật quyền tác giả gặp thử thách và được làm rõ khi áp dụng đối với báo và tạp chí. Một lĩnh vực là xuất bản những đoạn trích và trích dẫn tư liệu được bảo hộ quyền tác giả vì lợi ích của tự do ngôn luận, đối thoại và phê bình công khai cũng như công bố tin tức thời sự. Ở một số nước, đáng chú ý là Hoa Kỳ, việc xuất bản như vậy có thể được biện minh như là một ngoại lệ đối với luật quyền tác giả theo học thuyết "sử dụng hợp lý". Trong trường hợp này, hệ thống quyền tác giả có thể phục vụ để đạt được sự cân bằng hợp lý giữa một bên là người có quyền và một bên là lợi ích công cộng.

Một vấn đề đáng chú ý khác về quyền tác giả nảy sinh gần đây là khả năng báo và tạp chí lấy những tác phẩm văn học chủ yếu phục vụ đích xuất bản dưới dạng ấn phẩm giấy để tái bản dưới hình thức điện tử. Liệu li-xăng hoặc sự chuyển nhượng liên quan có bao hàm việc xuất bản bằng cả hai

phương tiện hay không? Đây là một vấn đề mà luật quyền tác giả đang giải quyết; những vụ việc xoay quanh vấn đề này hiện đang mở ra hướng giải quyết thông qua các hệ thống toà án khác nhau. Trong khi vẫn đang có những lý lẽ từ cả hai phía thì có một điều tuyệt đối rõ ràng: sách, báo và tạp chí, với danh nghĩa là một ngành công nghiệp đã có thể bảo hộ các sản phẩm và dịch vụ, mở rộng hoạt động kinh doanh của mình và tiếp cận tới hàng triệu người, vì luật quyền tác giả đã dành cho chúng sự bảo đảm cần thiết, kết quả nhất quán và độ tin cậy.

Tình trạng chung của việc vi phạm bản quyền sách và ấn phẩm là in lậu. Việc in lậu trở nên phổ biến ở khắp các nước, nhất là các nước mà hệ thống pháp luật bảo vệ quyền tác giả còn yếu, lỏng lẻo, thiếu chế tài hữu hiệu.

Sự bùng nổ của Internet và những dịch vụ gia tăng của nó không chỉ hoành hành trong lĩnh vực âm nhạc, điện ảnh, mà còn lây lan sang cả địa hạt sách và ấn phẩm. Nếu như trên mạng có những kho nhạc, kho phim thì cũng có cả các thư viện với hàng ngàn cuốn sách điện tử, với tất cả các định dạng, các chuẩn mà con người có thể nghĩ ra được. Định dạng phổ biến nhất là sách điện tử dạng tập tin **Acrobat** (đuôi **.pdf**) do hãng Adobe phát triển. Sau đó phải kể đến định dạng tập tin **Microsoft Reader** do **Microsoft** phát triển. Dù ở định dạng nào chẳng nữa thì việc trên mạng có hàng triệu cuốn sách được "số hoá" đã đem lại cho hàng trăm triệu độc giả trên toàn thế giới có được khả năng tiếp cận vô bờ bến với kho tri thức của nhân loại. Độc giả có thể tải những cuốn sách đó về, đọc trên máy tính cá nhân, thiết bị cầm tay đa phương tiện và gần đây là điện thoại di động.

Tác phẩm văn học cũng đang bị đe dọa, nhưng phản ứng của ngành công nghiệp này có sự khác biệt nào đó so với trong ngành công nghiệp âm nhạc. Sách đã tránh được rất nhiều khỏi sự sao chép và phân phối tràn lan như đã diễn ra trong âm nhạc. Mặc dù rất hiếm người muốn đọc một cuốn sách trên màn hình máy tính, tác phẩm dưới dạng xuất bản phẩm số trên Internet đang ngày càng gia tăng và sẽ tiếp tục gia tăng, bất kể có những vấn đề pháp

lý, kỹ thuật và thực tiễn đi kèm. Việc một nhà xuất bản làm công việc số hoá toàn bộ kho sách của mình cũng sẽ mở ra khả năng lớn hơn đối với nạn chiếm đoạt các tác phẩm đó. Đây là một tình trạng cần được theo dõi, xét từ góc độ của sự phát triển sau này.

Thông thường, việc truyền bá sách và ấn phẩm điện tử trên mạng là miễn phí nhưng ở mức độ hạn chế. Điều đó có nghĩa là, một ấn phẩm chỉ có thể được đọc trực tuyến (**online**) mà không được tải về máy tính để xem **offline**, hoặc có thể tải được về mà không in được... để có được bản **full-version** (bản đầy đủ) người đọc phải trả tiền, thường cũng bằng thẻ tín dụng. Một trong những "hiệu sách" trực tuyến lớn trên mạng internet là **Gutenberg.com** với hàng triệu cuốn sách có giá trị.

Thông thường, cứ có cái gì muốn được bán và thu tiền thì cái ấy bị tính chuyện đánh cắp. Điều này không nằm ngoài trường hợp của sách điện tử. Có sách điện tử được bảo vệ bằng mật khẩu thì có các phần mềm bẻ khoá các mật khẩu ấy, người đọc có thể dùng để có được bản đầy đủ, có thể in, sửa, copy dưới dạng text để trích dẫn mà không phải trả lấy một xu. Đầu tư một phần mềm như thế cỡ 10 - 20 đô-la Mỹ còn rẻ hơn bỏ hàng trăm đô-la mua sách, đó là suy nghĩ của nhiều người.

Tác phẩm văn học cũng được cung cấp dưới dạng số. Một cuốn sách điện tử là một thiết bị điện tử, thường là nhỏ và có thể mang theo người, chứa phiên bản điện tử của một hoặc nhiều cuốn sách, được chế tạo để có thể đọc được nhờ một màn hình và một hệ điều hành có khả năng tìm kiếm. Mặc dù còn một vài vấn đề kỹ thuật vẫn chưa được giải quyết, nhưng những cơ hội mà sách điện tử mang lại là rất ấn tượng, xét về khả năng mang theo người, khả năng tra cứu và không phải không quan trọng là khả năng lưu giữ theo sơ đồ cây. Sách điện tử mang lại cho những nhà văn mới và chưa được biết đến những cơ hội ngoài mơ ước, mở ra kênh tự xuất bản cũng như xuất bản với chi phí thấp được thực hiện bởi người không phải nhà xuất bản, hoặc những nhà xuất bản chuyên về xuất bản phi lợi nhuận, xuất bản theo đặt hàng và xuất bản nghiệp dư.

Trái ngược lại với trường hợp của sách điện tử là báo điện tử. Báo điện tử có hai dạng, dạng thứ nhất là các trang web cập nhật hàng ngày, hàng tuần hoặc hàng tháng. Ở dạng này, người đọc có thể đọc trực tiếp mà không cần phải trả bất kỳ một khoản phí nào, ngoài tiền truy cập internet trả cho nhà cung cấp dịch vụ. Chính vì thế mà các tờ báo điện tử dạng này thường có nguồn thu từ các dịch vụ gia tăng, chủ yếu là thu từ quảng cáo và tài trợ. Theo hầu hết pháp luật các nước, việc đưa thông tin lên internet không theo luật xuất bản và báo chí, mà do nó nhằm phục vụ cộng đồng không thu phí nên không phải trả tiền bản quyền, chỉ cần trích dẫn đúng nguồn. Cùng với đó, là việc xuất bản của báo điện tử là quá nhanh, dẫn đến tình trạng các báo điện tử cực kỳ tích cực trong việc "chôm chia" cả bài của sách, của báo in và báo điện tử khác để thu hút số lượng người truy cập.

Như vậy, ngành công nghiệp báo chí có những sự thay đổi cơ bản về mô hình kinh doanh của mình để thích nghi với môi trường mới. Hầu hết các báo lớn đã xây dựng trang web trên Internet, trên đó họ công bố miễn phí một phiên bản điện tử các báo của họ. Rất ít báo có khả năng thu phí đối với việc truy cập điện tử tới báo của mình. Mô hình kinh doanh tự từ bỏ sản phẩm của mình không phải là mô hình mà những doanh nghiệp này tự nguyện lựa chọn, nhưng không có giải pháp khả thi thay thế nào khác. Dân chúng từ chối trả tiền cho những thứ mà họ có thể nhận được miễn phí một cách hợp pháp ở một nơi khác. Vì vậy, chế độ phí thuê bao dịch vụ tin tức khó thực hiện, nhưng không phải là không thể. Những trang web phổ biến, chẳng hạn của New York Times và CNN, kiếm tiền từ các nhà quảng cáo trả tiền để được giới thiệu trên các trang web có mật độ truy cập cao này. Những trang web có dung lượng lớn trên Internet xác lập tên gọi nhãn hiệu và thị phần. Các mô hình kinh doanh mới, những mô hình sẽ được sử dụng trong sự thay đổi kinh tế mới mà nhờ đó chúng có thể sinh lợi, hiện đang được xây dựng. Tuy nhiên, những tờ báo và xuất bản phẩm liên quan mà trong đó ta chỉ quan tâm tới những tác phẩm ngắn, tác phẩm có chủ đề nhạy cảm về mặt thời gian phần

lớn đã thích nghi nhiều với hình mẫu mới không đáng nhiều tới việc tranh tụng hoặc sự thiệt hại giả tạo. Người tiêu dùng luôn luôn được cung cấp nhiều sản phẩm và dịch vụ hơn để lựa chọn.

Một dạng báo điện tử nữa, là dạng báo điện tử phải trả tiền. Nó được thiết kế dưới dạng một tệp tin phải được mở bằng một phần mềm nhất định (như dạng tệp tin **Acrobat** (đuôi **.pdf**) trên đây), người đọc trả tiền thuê bao hàng tháng và Toà soạn đều đặn gửi về vào hộp thư điện tử. Đây là một hình thức báo chí và hoàn toàn chịu sự điều chỉnh của luật báo chí và do đó, việc bảo vệ bản quyền cũng dễ dàng hơn, vì thực chất hầu hết các báo điện tử dạng này đều là "ăn theo" hay "con nuôi" của các tờ báo in.

Xuất bản điện tử dưới dạng số, trực tuyến hay ngoại tuyến, cũng báo trước khả năng về loại sách và tư liệu theo yêu cầu khách hàng, tiên tiến nhất. Xuất bản phẩm "hỗn hợp" hoàn toàn mới có thể được làm ra theo yêu cầu, nếu độc giả hoặc người sử dụng có những mối quan tâm rất đặc biệt.

Do sự tiến bộ và phát triển của công nghệ nói trên, cũng đang có những thách thức quan trọng đối với luật quyền tác giả cơ bản. Việc sao chép và truyền dữ liệu được thực hiện dễ dàng; vì vậy, dễ xảy ra xâm phạm đối với luật quyền tác giả có hiệu lực áp dụng. Những phương pháp bảo vệ bằng công nghệ, chẳng hạn mã hoá đi kèm với khoá thuê bao hoặc khoá trả phí là những phương pháp hợp lý để bảo vệ tác phẩm dạng số, nhưng cũng không phải là không có vấn đề. Khi ta đặt càng nhiều lớp bảo vệ trên một tác phẩm thì càng khó đưa tác phẩm tới người tiêu dùng, vì thế mà làm hỏng các mục tiêu thương mại tối ưu là trước hết phải bán sản phẩm cho công chúng. Hiện đang có hy vọng tìm được những giải pháp kỹ thuật giúp giải quyết vô số các vấn đề và quan tâm đến lợi ích của tất cả những người có liên quan, bao gồm nhu cầu của tác giả và nhà xuất bản trong việc phổ biến mang tính thương mại rộng rãi đối với các tác phẩm của họ trong hoàn cảnh có sự bảo hộ, cũng như nhu cầu của công chúng đối với tác phẩm giá rẻ tiền và dễ dàng tiếp cận được.

Với cuộc cách mạng số và tất cả sự phát triển công nghệ và phát triển khác mà nó mang lại, một số người đặt câu hỏi về khả năng tiếp tục tồn tại của quyền tác giả trước những thay đổi bất ngờ như vậy. Tuy nhiên, những người đặt ra các câu hỏi đó chỉ là một thiểu số, vì quyền tác giả đã đương đầu với mọi sự thay đổi công nghệ diễn ra trong quá khứ; và vì một lý do có sức thuyết phục: luật quyền tác giả ủng hộ sự đổi mới và sáng tạo công nghệ.

Ngoài sách và báo điện tử thì, quyền tác giả thì âm nhạc là lĩnh vực mang tính toàn cầu nhất, có khả năng tiếp cận cao nhất và truyền bá rộng rãi nhất. Âm nhạc, trước hết là một bộ môn nghệ thuật độc lập. Không một đất nước nào trên thế giới lại không có một hình thức âm nhạc nào đó và hầu như tất cả các nước đều sáng tạo ra nhiều loại hình và phong cách âm nhạc.

Việc kinh doanh trong công nghiệp âm nhạc bắt đầu bằng việc sáng tác một ca khúc, nói chính xác hơn là tác phẩm nhạc. Tác giả của ca khúc (người sáng tạo một ca khúc có cả lời và nhạc) và người soạn nhạc (người sáng tác một ca khúc chỉ có nhạc) là các chủ sở hữu của tất cả các quyền thuộc quyền tác giả đối với tác phẩm âm nhạc tại thời điểm định hình, khi người viết ca khúc định hình ý tưởng của mình dưới dạng vật chất, hoặc là bằng nốt nhạc hoặc là bằng cách sử dụng khả năng ghi âm theo nguyên tắc tương tự hoặc kỹ thuật số. Tùy thuộc vào luật của các nước, nhưng thường sự bảo hộ quyền tác giả tự động có hiệu lực tại thời điểm sáng tạo hoặc định hình mà không có thêm thủ tục hình thức nào.

Âm nhạc không chỉ là một bộ môn nghệ thuật độc lập mà còn được sử dụng như là một yếu tố quan trọng trong những phương tiện khác, chẳng hạn như điện ảnh, nhạc kịch và sản phẩm phần mềm tương tác. Nó đóng một vai trò to lớn trong thành công của truyền hình và là sản phẩm chính mà đài phát thanh cung cấp.

Còn đối với tác phẩm sân khấu; tác phẩm điện ảnh và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự (sau đây gọi chung là tác phẩm điện ảnh).

Bắt đầu từ những phát minh của *Ê-di-xơn* và người cộng sự trẻ tuổi người Anh *Uy-li-am Ken-nơ-di Lau-ri Đích-xơn* (*William Kennedy Laurie Dickson*), của anh em nhà *Luy-mi-e* (*Louis* và *Auguste Lumière*) người Pháp, điện ảnh đã bước những bước đi đầu tiên của mình.

King Kong là bộ phim nổi tiếng đầu tiên về việc sử dụng kỹ xảo đã được thực hiện vào năm 1933. Con quái vật khổng lồ gorilla đã làm cho người xem phải khiếp sợ khi họ nhìn thấy nó đang leo lên tòa nhà *Empire State*. Nhưng thực sự là *King Kong* đã sử dụng một mô hình thu nhỏ và nó chỉ cao khoảng 18 inches mà thôi. Họ di chuyển nó trong một góc nhỏ và ghép một bức ảnh khác vào. Trong cảnh quay thứ hai thì cần tất cả là 24 bức ảnh của *King Kong* (cái này gọi là 24 hình/giây, ngày nay là điều quá đơn giản nhưng hồi đó là một điều kỳ diệu).

Công nghiệp điện ảnh, nói theo nghĩa rộng hơn là công nghiệp nghe nhìn - bởi sau này nó không chỉ bao gồm các bộ phim mà còn là bản ghi hình các buổi biểu diễn, các video-clip (ca khúc được thể hiện kết hợp với hình ảnh dàn dựng thành một bộ phim ngắn) của các ca sỹ và ban nhạc.

Có thể nói, công nghiệp giải trí bằng nghe nhìn là lĩnh vực "đề ra tiền" mạnh nhất, đồng thời cũng là đối tượng bị ăn cắp nhiều nhất.

Các thuật ngữ này không hoàn toàn mang tính liệt kê đầy đủ, ta nên gọi chung ngành này là công nghiệp nghe nhìn.

Rõ ràng là luật quyền tác giả phải được áp dụng cho tác phẩm nghe nhìn hoặc tác phẩm điện ảnh. Tuy nhiên, do chi phí và số lượng các bên liên quan đến việc tạo ra tác phẩm nghe nhìn lớn hơn rất nhiều so với trong trường hợp viết một bài hát hoặc một cuốn sách nên những quy tắc đặc biệt đã được hình thành nhằm xác định ai là chủ sở hữu hợp pháp của một sản phẩm nghe nhìn. Ở một số nước, đó là nhà sản xuất, tức là người cung cấp tài chính. Ở những nước khác, đó là những người đóng góp vào việc tạo ra tác phẩm, chẳng hạn người viết tư liệu văn học cơ bản, đạo diễn, diễn viên hoặc người quay phim. Đây là lý do vì sao quyền sở hữu đối với tác phẩm nghe nhìn là vấn đề của luật quốc gia.

Một bộ phận lớn những nhân tố đa dạng và khác biệt được kết hợp với nhau để tạo nên tác phẩm nghe nhìn, đó là tập thể diễn viên và những người biểu diễn khác mà sự trình diễn của họ được đưa vào tác phẩm. Nhóm người này rất cần đến sự bảo hộ có tính cập nhật trong phạm vi quốc tế và quốc gia. Công ước Rome (1961) là văn bản quốc tế đầu tiên tập trung vào sự bảo hộ và ban cấp sự bảo hộ cho người biểu diễn. Tuy nhiên, nhìn từ góc độ ngày nay, văn bản này có một số quy định không mang lại sự bảo hộ thoả đáng cho những người biểu diễn nghe nhìn, vì công nghệ và kinh tế đã thay đổi rất mạnh mẽ kể từ khi nó được thông qua. Trong một nỗ lực nhằm tìm ra sự đồng thuận về bảo hộ người biểu diễn trong sản phẩm nghe nhìn, WIPO đã tổ chức Hội nghị Ngoại giao về bảo hộ biểu diễn nghe nhìn từ ngày 7 đến 20 tháng 12 năm 2000. Hội nghị đã tiến gần tới việc thông qua một văn kiện mới, một kết quả có thể được coi là sự nối tiếp của Hiệp định WIPO về biểu diễn và ghi âm (WPPT) là Hiệp định chỉ liên quan đến người biểu diễn trong phạm vi bản ghi âm. Tuy nhiên, sự đồng thuận đã không đạt được, mặc dù 19 trong số 20 Điều của dự thảo hiệp định đã được thông qua.

Tóm lại, những quy định của pháp luật Việt Nam về quyền tác giả đã phù hợp với Công ước Berne, tuy nhiên trước cuộc cách mạng kỹ thuật số và thực trạng toàn cầu hoá, việc bảo hộ quyền tác giả theo đúng mục đích chung của cộng đồng là điều cực kỳ khó khăn, vất vả, mà trách nhiệm không chỉ của riêng Nhà nước, đó là trách nhiệm chung của toàn xã hội, theo ý thức thường xuyên, liên tục của từng người trong cộng đồng xã hội đó.

Chương 3

CƠ HỘI; THÁCH THỨC VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI HỆ THỐNG BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ Ở VIỆT NAM KHI GIA NHẬP CÔNG ƯỚC BERNE

3.1. THỰC TRẠNG VỀ BẢO VỆ QUYỀN TÁC GIẢ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1.1. Thị trường sách

Trước và ngay sau ngày Công ước Berne có hiệu lực thi hành tại Việt Nam, các công ty mua bán bản quyền sách và các tác phẩm văn học đã liên tục xuất hiện. Từ việc làm sống lại một trung tâm bản quyền đã sống dở, chết dở gần 10 năm nay của Công ty Vietbook, rồi Công ty Văn hóa Phương Nam chuyển một phòng vốn chuyên phụ trách mua bản quyền thành một công ty buôn bán quyền tác giả sách chuyên nghiệp, đã cho thấy sự nhạy bén của các doanh nghiệp trước một thị trường còn rất mới mẻ nhưng lại đầy triển vọng.

Tình trạng chung của các Nhà xuất bản trong nước là thiếu kiến thức về tình hình giá bản quyền, thiếu kinh nghiệm thương lượng và kể cả thiếu sức mạnh tài chính cũng như có số lượng đầu sách phát hành khiêm tốn, không thu hút sự chú ý của đối tác nước ngoài là điểm yếu cơ bản của các nhà xuất bản trong nước trong quá trình thương lượng với đối tác nước ngoài.

Trong tình hình hiện nay số Nhà xuất bản đủ sức tự đi tìm mua bản quyền sách đáp ứng nhu cầu chỉ đếm trên đầu ngón tay. Các Nhà xuất bản còn lại chỉ còn cách thông qua các công ty môi giới để tìm nguồn sách cho mình nếu muốn tồn tại. Đây chính là một thị trường màu mỡ cho các công ty kinh doanh bản quyền hoạt động.

Tuy nhiên, bất chấp việc Việt Nam hiện nay đã là một thành viên đầy đủ của Công ước Berne, "căn bệnh" in lậu sách vẫn không hề "thuyên giảm".

Sau khi Nhà xuất bản Trẻ hợp báo đầu năm công bố mười tựa sách bị in lậu, đến lượt Công ty Trí Việt hợp báo sáng 16-3 công bố bốn tựa sách vừa

bị in lậu... Các Nhà xuất bản họp cứ họp, kêu cứ kêu, còn ngoài cửa hàng các sách in lậu vẫn đang được bày bán công khai!

Người dân Hà Nội ai cũng biết khu vực phố Nguyễn Xí, Đinh Lễ và gần đây là khu đường Láng được mệnh danh là những địa chỉ bán sách "rẻ nhất Việt Nam". Tất cả sách nơi đây đều được giảm giá, ít nhất là sách của Nhà xuất bản Trẻ: giảm 25-30%, còn lại sách của những Nhà xuất bản khác đều nhất loạt giảm giá 45-50%.

Theo điều tra của Công ty Trí Việt, ngoài khu vực Nguyễn Xí, Đinh Lễ bày bán sách in lậu, tại Hà Nội còn có các cửa hàng bán sách in lậu số lượng lớn như cửa hàng 17 Tạ Quang Bửu, quận Hai Bà Trưng; một loạt nhà sách ở đường Láng, quận Đống Đa...

Có một nghịch lý là từ trước đến nay, những người bán sách lậu vẫn chỉ bị các đội kiểm tra liên ngành 814 tịch thu tang vật (tức sách lậu), lập biên bản, xử phạt hành chính. Như vậy là chưa thỏa đáng đối với hành vi tiếp tay giới in lậu sách, vi phạm pháp luật.

Nếu không có những người bán sách lậu thì sách lậu không thể tiêu thụ được. Nhưng những người bán sách thường lấy lý do "ai bán tôi mua, ai mua tôi bán" mà không thừa nhận bất kỳ một nguồn gốc nào từ những bản sách mình nhận bán.

Chuyện tưởng như đùa nhưng lâu nay nó vẫn tồn tại ngang nhiên, và "hỗ trợ đắc lực" cho giới in sách lậu.

"Chưa bao giờ chúng tôi bị in lậu nhiều như thế, giới làm sách chui in lại giống hết số sách mà chúng tôi vừa phát hành, tung ra thị trường bán phá giá khiến sách thật bị "dội hàng" và chúng tôi thật sự khốn đốn" - ông Nguyễn Văn Phước, giám đốc Trí Việt, phân trần như thế.

Bốn tựa sách của Trí Việt bị in lậu gồm: "Phút nhìn lại mình", "Quà tặng diệu kỳ", "Bí mật hạnh phúc", "Hạt giống tâm hồn". Tất cả sách này đều được mua quyền tác giả từ các tập đoàn xuất bản của Mỹ: **Margret McBride**, Nhà xuất bản **Doubleday Broadway** và **Harper Collinns**.

Bên cạnh lời kêu cứu thống thiết, Công ty Trí Việt đã phân tích "10 không" của những tay làm sách lậu: không ý tưởng, không lao động, không dịch thuật, không biên tập, không giấy phép, không tốn quản lý phí, không quảng cáo, không giao dịch tác quyền, không tốn tiền mua bản quyền, không đóng thuế. Trong khi đó, 10 khâu mà giới in lậu được hưởng không, thì theo Công ước Berne, người làm sách chân chính buộc phải thực hiện đủ.

Trước đó, Nhà xuất bản Trẻ cũng đã họp báo thông tin về 10 tựa sách đang bán chạy nhất của mình hiện bị in lậu bán tràn ngập thị trường miền Bắc, chủ yếu ở Hà Nội. Dù vậy, Nhà xuất bản Trẻ vẫn chưa thể làm gì hơn ngoài việc thông báo cho các cơ quan chức năng nhờ can thiệp.

"Chúng tôi không thể tự thân đi bắt những người in lậu. Công ty chúng tôi có 30 nhân viên, nhưng nếu tăng lên 300 nhân viên cũng không thể làm việc ấy được" - ông Phước nói trong vô vọng. Và ai cũng biết việc truy quét các tội phạm về in lậu thuộc chức năng của phòng quản lý đặc doanh của các sở công an tỉnh, thành phố.

Nhiều người lo lắng với tình trạng này, Việt Nam có thể sẽ phải đối mặt với những vụ kiện về xâm phạm quyền tác giả, và những yêu cầu đòi bồi thường không nhỏ. Nhưng muốn hướng tới những lợi ích lâu dài, buộc chúng ta phải chấp nhận rủi ro.

Một tác giả của những cuốn sách phê bình văn học nổi tiếng khi bàn về vấn đề này đã nói: "Nhiều người chúng ta có thói quen có bị dồn vào chân tường mới chịu làm, nhưng rồi nhờ thế mà khá lên được". Tuy "cực chẳng đã", nhưng với Việt Nam hiện nay, đó là một thực tế. Cũng có thể coi những rủi ro được lường trước như vậy sẽ là một sức ép - một sức ép lạnh mạnh cho những đối tượng hoạt động trong lĩnh vực khai thác quyền tác giả.

3.1.2. Thị trường âm nhạc

Nhiều chuyện nhất là vấn đề của thị trường băng đĩa nhạc. Thị trường Việt Nam hiện nay tỷ trọng các ca khúc nhạc ngoại lời Việt có số lượng khá

lớn, còn lại là các ca khúc từ tựa nhạc ngoại. Theo thống kê của Phòng quản lý nghệ thuật, Sở Văn hoá Thông tin thành phố Hồ Chí Minh, tỷ lệ nhạc ngoại lời Việt là hơn một nửa cho nhạc trẻ và hơn một phần ba cho tất cả các băng đĩa và ca khúc biểu diễn.

Mặc dù vậy, thực tế, thị trường âm nhạc Việt Nam vẫn tồn tại nhiều vấn đề thực tế chưa thể một sớm một chiều xử lý được. Dưới đây là một số vấn đề đó được tác giả sưu tầm trên báo chí trong nước.

Không chỉ "cầm nhâm" tác phẩm của nhau, một số nhạc sĩ Việt Nam dù đã được công chúng biết đến, lại muốn đi "con đường tắt" đến với thị trường nhạc trẻ, đã sử dụng ngay những ca khúc đang "ăn khách" của nhạc sĩ nước ngoài, đặt lời mới hoặc sao chép từng đoạn rồi ký tên tác giả. Những ca khúc đó thường rất dễ thu hút sự chú ý của công chúng, được các bạn trẻ yêu thích. Chính điều đó đã tạo nên thói quen "ăn sẵn", lười biếng của một số nhạc sĩ trẻ mới bước vào nghề, làm thui chột năng lực sáng tạo của họ". Khi việc ăn cắp sáng tác của người khác đã thành thói quen và phổ biến như thế, tuân thủ Công ước Berne là không còn được xài của chùa một cách vô tội vạ, mất đi một nguồn lợi lớn, một số ca sĩ, nhạc sĩ Việt Nam bán lên là điều dễ hiểu...[35].

Ấy thế mà, việc Việt Nam tham gia công ước Berne dường như bị bỏ ngoài tai xã hội. Việc các cơ quan chức năng ai lo cứ lo, việc ta, ta cứ làm. Cũng theo báo Nhân dân điện tử, *"nhiều ngày sau khi Công ước có hiệu lực, sách lậu và băng, đĩa lậu vẫn được bày bán tràn lan mà chưa thấy cơ quan nào xử lý"*.

"Dường như không có gì thay đổi... thị trường băng đĩa nhạc trong nước dường như vẫn "bình chân như vại". "Sự chuyển đổi này rất khó thấy bởi, một mặt, thị trường Việt Nam chưa phải là lớn và, mặt khác, môi trường xã hội Việt Nam vẫn chưa quen nhạy cảm với pháp luật quốc tế", một quan chức ở Bộ Văn hoá Thông tin nói..." [37].

Thị trường băng đĩa lậu

Lúc 8h sáng 6/4/2006, Đoàn kiểm tra liên ngành 814, TP.HCM bắt ngờ kiểm tra căn nhà số 280 Cao Đạt, phường 1, quận 5 do Vòng Tổng Khương làm chủ. Tại đây, đoàn kiểm tra phát hiện căn nhà này tàng trữ hàng chục ngàn đĩa phim, ca nhạc được in sao trái phép. Một thành viên trong đoàn kiểm tra 814 cho biết, đến thời điểm này (15h ngày 6/4), lực lượng kiểm tra đã gom được trên 200 kiện (bao tải) chứa đĩa lậu, ước số lượng đĩa lậu đã lên đến hàng chục vạn chiếc [36].

Tuy nhiên, thị trường âm nhạc Việt Nam bước vào năm 2006 đã có những dấu hiệu chuyển biến tích cực theo hướng lành mạnh hoá và tôn trọng bản quyền. Dưới đây là một ví dụ.

Bảy nhà hàng có kinh doanh nhạc sống thuộc hàng "máu mặt" nhất Hà Nội đồng ý trả tác quyền âm nhạc. Trước đó, bảy nhà hàng đã được Trung tâm Bảo vệ Quyền Tác giả Âm nhạc Việt Nam đánh động quyền thu tác quyền âm nhạc. Bảng giá được gửi đến từng nhà hàng cách nay cả tháng. Theo nhạc sỹ Phó Đức Phương, việc đếm ghế quy ra tiền tác quyền là cách dễ nhất, được học tập kinh nghiệm của nhiều nước như Hàn Quốc, Nhật Bản. Căn cứ điều kiện thực tế của Việt Nam, các văn bản pháp luật hiện hành mà nòng cốt là Nghị định 61/2002/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ nhuận bút, Trung tâm cho xây dựng bảng giá áp dụng đối với các nhà hàng sử dụng băng, đĩa nhạc thu sẵn và các nhà hàng sử dụng nhạc sống.

Với tư cách là chủ nhà hàng "**Aladin**", Nghệ sỹ nhân dân Thanh Hoa khá hào hứng với việc trả tác quyền âm nhạc. Chị nói: *"Trả tác quyền sử dụng âm nhạc là trách nhiệm của tất cả mọi người. So với các nước, Việt Nam thực hiện việc này quá muộn. Để có một ca khúc hay các nghệ sỹ phải lao động cật lực bằng tài năng, tâm huyết của mình. Vì thế họ xứng đáng được nhận thù lao mỗi khi tác phẩm được sử dụng vào các mục đích kinh doanh trực tiếp và gián tiếp"*.

Nghệ sỹ nhân dân Thanh Hoa là người tiên phong đến tận Trung tâm Bảo vệ Tác quyền Âm nhạc Việt Nam để thảo luận về giá. Sau đó, một hợp

đồng được soạn thảo, theo đó, nhà hàng Aladin sử dụng âm nhạc sống ở khu vực khách sạn Thắng Lợi mỗi năm nộp khoảng hơn 13 triệu đồng tiền bản quyền âm nhạc.

Một địa chỉ khác ở Giảng Võ sử dụng băng, đĩa nhạc trả khoảng bảy triệu đồng/năm. Cứ ba tháng đơn vị sử dụng nhạc trả tác quyền một lần, kèm theo danh sách các tác phẩm được sử dụng để phía Trung tâm có cơ sở phân bổ tiền cho các tác giả.

Để đối phó với nạn băng đĩa lậu, các ca sĩ không thể mãi ngồi im chờ những nhà quản lý văn hoá thỉnh thoảng làm một cuộc thanh tra truy quét các ổ băng đĩa lậu, sau đó đầu lại vào đây. Thời gian gần đây khá nhiều ca sĩ và nhà sản xuất lên tiếng "tuyên chiến với băng đĩa lậu" bằng cách của mình. Một loạt "chiêu" của không ít ca sĩ trong cuộc "tự cứu lấy mình" khỏi thảm cảnh đĩa lậu có thể coi là một động thái tích cực của các ca sĩ không còn trông chờ vào số phận mà muốn chính mình làm thay đổi thị trường.

Cạnh tranh về giá cả mà chất lượng không đổi là hướng đi của ca sĩ Đoàn Trang cùng nhà sản xuất. Sắp tới, mỗi CD của Đoàn Trang sẽ sản xuất dưới hai hình thức: **platinum disc** (đĩa bạch kim) và **bronze disc** (đĩa đồng). Đĩa platinum có chất lượng cao, phù hợp với những khán giả vừa muốn một album chất lượng tốt lại vừa muốn hình thức đẹp. Trong mỗi đợt phát hành, cô chỉ cho ra đời một số lượng có hạn loại này, giá 36.000 - 42.000 đồng. Khách hàng mua đĩa platinum được chế độ bảo hành vô điều kiện, trong thời gian 3 tháng. Tất cả những sai sót đều được nhà sản xuất đổi đĩa mới. Đoàn Trang cho biết: *"Đĩa bronze dù chất lượng không cao như platinum nhưng được sản xuất dưới hình thức đúc khuôn, chứ không làm đĩa sao chép như hình thức băng đĩa lậu vẫn làm hiện nay"* và giá thành rẻ hơn, chỉ từ 8.000-16.000 đồng. Chiêu thức này của Đoàn Trang được khá nhiều ca sĩ khác dự định sử dụng để cạnh tranh về giá cả - một lợi thế lâu nay của đĩa lậu.

Bên cạnh đó, chất lượng sản phẩm được quan tâm nhất để bứt phá hẳn lên so với đĩa lậu. Một đĩa lậu "chất lượng cao" giá 6 ngàn chỉ dùng được

trong khoảng 10 tháng. Nếu album được đầu tư nội dung công phu, các fan chắc chắn sẽ lựa chọn đĩa gốc để lưu giữ được lâu hơn. Đó cũng là lý do chính để Lam Trường hợp tác với các chuyên gia Thái Lan thực hiện clip của mình. Công ty Thế giới giải trí cũng không ngại bỏ ra tiền ti để mời hẳn tập đoàn làm phim giải trí của Hàn Quốc sang ta để thực hiện album cho ca sĩ của mình. Hợp tác với các nhà sản xuất nước ngoài, nâng cao nội dung lẫn công nghệ sản xuất cũng là "chiêu" chống lại sự lộng hành của băng đĩa lậu tại Việt Nam.

Những ca sĩ trẻ của "Sao Mai điểm hẹn" cũng không đứng ngoài cuộc chiến của giới. Ngày 01/10/2006 liên kết ***fans club*** của Hoàng Hải, Mỹ Dung, Anh Khoa, Phương Linh... đã tổ chức một cuộc diễu hành hoành tráng tại nhiều phố chính Hà Nội bằng xe đạp, giương cao khẩu hiệu chống băng đĩa lậu nhằm kêu gọi tinh thần ủng hộ của khán, thính giả. Riêng Hoàng Hải tiết lộ, để hạn chế tình trạng của đĩa lậu, phát hành album lần này Hoàng Hải sẽ có các đại lý CD di động trên toàn quốc để đáp ứng nhu cầu của công chúng.

Những chuyển động của ca sĩ và nhà sản xuất âm nhạc là tín hiệu đáng mừng cho ý thức cùng hướng tới một môi trường âm nhạc chuyên nghiệp. Vấn nạn băng đĩa lậu chỉ là một lát cắt của trình trạng vi phạm bản quyền nghiêm trọng ở Việt Nam. Đó chính là một trong những lý do kéo tụt lùi sự phát triển của ***showbiz*** Việt so với khu vực (chứ chưa dám so sánh với thế giới). Nhưng quan trọng nhất là sau những nỗ lực của ca sĩ, các ban ngành quản lý vẫn là ý thức của công chúng, những người quan tâm tới ca khúc nhạc Việt Nam.

3.2. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC KHI VIỆT NAM GIA NHẬP CÔNG ƯỚC BERNE

Việc Việt Nam trở thành thành viên của Công ước có nghĩa là quyền tác giả đối với các tác phẩm văn học nghệ thuật và khoa học của các tác giả Việt Nam được bảo hộ tại các quốc gia thành viên của Công ước. Có thể nói, đây là một phần của quá trình toàn cầu hoá không thể tránh khỏi cho tất cả các nước. Tham gia Công ước Berne cũng mở ra nhiều cơ hội cho Việt Nam. Lợi ích đầu tiên, là khả năng còn xa vời là bảo vệ các tác phẩm Việt Nam ở

các nước thành viên khác. Trước mắt, việc bảo hộ bản quyền cũng có lợi cho chính các tác giả Việt Nam, nạn nhân đầu tiên của tình trạng hỗn loạn hiện nay. Điều lợi lớn nhất mà Công ước Berne đem lại?: *"Trong xu thế hội nhập việc làm đúng luật sẽ giúp giới làm văn hóa nghệ thuật Việt Nam nâng tầm hơn ở một vị thế mới"* (theo ông Phạm Quang Vinh, Giám đốc Nhà xuất bản Kim Đồng).

Mặt khác, khi không trả nổi phí quyền tác giả rất cao cho các tác phẩm quốc tế, các nhà phát hành sách, nhạc, sẽ chú ý đến các tác giả trong nước nhiều hơn. Vừa được bảo vệ quyền lợi tốt hơn, vừa có thêm thị trường, các tác giả Việt Nam sẽ có thêm hứng khởi để sáng tác. Một trong những mục đích của sở hữu tri thức chính là khuyến khích năng lực sáng tạo.

Tuy nhiên, cơ hội mở ra có lẽ là không lớn, do chính bản thân năng lực của chúng ta chưa cao. Ví dụ, Việt Nam tham gia công ước sẽ giúp cho các nhà đầu tư tài chính và dịch vụ ở lĩnh vực này của Việt Nam có thể thực hiện thuận lợi việc chuyển giao quyền tác giả của các loại hình tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học có lợi thế, góp phần tăng trưởng kinh tế và thu nhập quốc dân. Đồng thời, cũng sẽ có nhiều triển vọng về đầu tư và mở rộng thị trường các sản phẩm hàng hóa, văn học, nghệ thuật của Việt Nam tại các quốc gia thành viên Công ước. Đây cũng chính là môi trường tiềm năng, môi trường đầu tư tăng trưởng kinh tế mà Việt Nam mong muốn đạt được. Tuy nhiên, hiện nay các nhà đầu tư trong lĩnh vực bản quyền của Việt Nam chưa đủ mạnh để có được một sức cạnh tranh đáng kể với các nhà đầu tư nước ngoài. Chính thực trạng đó làm cho các nhà đầu tư Việt Nam rất dễ trở thành "những người làm thuê" cho những "chú cá mập" nước ngoài.

Gọi là đầy triển vọng vì khi chấp nhận Công ước Berne cũng như các hiệp định song phương về bảo vệ quyền tác giả thì đồng thời các nhà xuất bản cũng đứng trước một thử thách gay go là làm sao tìm đủ nguồn sách có bản quyền cung cấp cho thị trường. Tất yếu sẽ phải có hàng loạt các công ty chuyên về bản quyền tác giả. Với một đội ngũ chuyên nghiệp cả về kiến thức pháp luật,

am hiểu thị trường, các công ty này có thể tìm mua bản quyền sách rồi sau đó bán lại cho các nhà xuất bản có yêu cầu. Không chỉ có thế, công ty bản quyền sách còn là nơi gặp gỡ giữa các tác giả và nhà xuất bản. Các tác giả có sách muốn đưa vào thị trường có thể bán bản quyền của mình cho công ty kinh doanh bản quyền, công ty có thể giới thiệu sách tới các Nhà xuất bản có nhu cầu.

Như vậy, tác giả vừa đưa sách tới tay bạn đọc, vừa đảm bảo quyền lợi theo đúng thỏa thuận ban đầu. Việc hàng loạt tác giả trong nước bán bản quyền các tác phẩm của mình cũng nằm trong xu hướng trên.

Đồng thời, tham gia Công ước Việt Nam sẽ gặp một số thách thức lớn. Trước hết là bởi tình trạng vi phạm bản quyền ở nước ta đang ở mức trầm trọng. Nạn sao chép băng đĩa, sách lậu, nhạc nhái... đang ở mức báo động. Hệ thống thực thi quyền tác giả, nhận thức của người dân, trình độ của cán bộ quản lý,... về lĩnh vực này còn nhiều hạn chế.

Các tác phẩm Việt Nam từ nay sẽ được bảo vệ ở Việt Nam và trong 156 nước thành viên khác (nước thứ 157 là **Bhutan**, tham gia sau Việt Nam một tháng).

Về nghĩa vụ khi tham gia Công ước, Việt Nam phải bảo vệ các tác phẩm các nước thành viên trên lãnh thổ của mình.

Trên tương quan thực tế đối với Việt Nam, nghĩa vụ nặng hơn quyền lợi rất nhiều. Cụ thể nhất là từ ngày 26/10/2004 trở đi, giới văn nghệ sĩ Việt Nam không còn được vô tư sao chép, sử dụng các tác phẩm văn học nghệ thuật nước ngoài, mà bắt buộc phải xin phép tác giả và trả phí bản quyền. Chính vì tình trạng sao chép lậu và sử dụng trái phép tràn lan ở Việt Nam đã đến mức báo động, và sẽ phải chấm dứt.

Một tác động tích cực khác là thị trường sách dịch sẽ có chất lượng hơn. Khi phải trả phí bản quyền, các nhà xuất bản sẽ cân nhắc, chọn lọc hơn. Họ cũng sẽ tìm cách khai thác các tác phẩm đã quá thời gian bảo hộ, những "kinh điển" của văn học thế giới, có giá trị hơn gấp bội các loại sách vô bổ, chạy theo thị hiếu quần chúng hiện nay.

Một điều chắc chắn là sách dịch ở Việt Nam sẽ đắt hơn, trong khi giá mọi sách vở nói chung đã tương đối cao so với sức mua của người đọc. Nếu như trước đây hầu như văn học dịch đến với độc giả trong nước qua con đường dịch từ những tác phẩm của các bạn bè xã hội chủ nghĩa, nhất là văn học Xô-viết, mà các tác phẩm văn học từ các nước này đều đã được Nhà nước "trả lương" cho tác giả, có thể hiểu là đã được trả bản quyền. Sách dịch từ nguồn này thường được Chính phủ các nước anh tác giả cho, tặng bản quyền trong khuôn khổ hợp tác văn hoá. Điều tương tự cũng xảy ra với phim ảnh, các chương trình truyền hình... Thậm chí có thời các tác phẩm của các tác giả phương Tây cũng được dịch bắt đầu từ tiếng Nga. Nhưng đến nay thì tình hình sẽ khác, thậm chí sách của Nga hiện nay ta mua được bản quyền cũng không dễ. Theo Công ty phát hành sách FAHASA thì sách dịch hiện chiếm 40-50 % tổng lượng sách phát hành ở thành phố Hồ Chí Minh, trong đó sách khoa học, kỹ thuật, tin học và sinh ngữ có tỷ lệ lớn nhất với 70-80 %. Các nhà xuất bản sẽ phải tính toán lại lượng sách dịch cho phù hợp, hạn chế và chọn lọc theo chất lượng. Ngoài ra họ cũng phải học hỏi cách thương lượng, giao dịch với nước ngoài và lập những bộ phận chuyên trách về việc này. Họ cũng lo âu là nếu phí bản quyền quá cao thì số tiền thu vào không đủ để trả chi phí vì ở Việt Nam mỗi đầu sách chỉ phát hành khoảng 1000 đến 2000 bản và giá bán không thể định quá cao.

Tổ chức WIPO chưa bảo hộ quyền tác giả trên internet và hiện nay vẫn đang tìm những biện pháp để thực hiện. Công ước Berne sửa đổi lần gần đây nhất là vào năm 1971 nên chưa cập nhật được công tác bảo hộ trên lĩnh vực này. Lĩnh vực truyền hình cáp cũng không có trong Berne cũng như các công ước, hiệp ước khác. Tuy nhiên, theo tôi được biết, hệ thống luật pháp của các nước có đề cập vấn đề này, trong đó có Việt Nam. Nhưng việc bảo hộ ở nước này không hẳn sẽ được bảo hộ ở nước khác. Có lẽ, chúng ta cần có thêm những hội nghị để tìm ra giải pháp về những lĩnh vực mới này.

Việt Nam được hưởng một số ưu đãi mà Công ước Berne dành cho những nước đang phát triển, như miễn trừ về quyền dịch thuật và quyền làm

bản sao đối với một số loại tác phẩm theo điều kiện cụ thể. Được ưu tiên hai quyền ngoại lệ, nhưng đồng thời chúng ta cũng phải chịu những ràng buộc như đơn vị nào xin thì chỉ duy nhất đơn vị đó được nhận ưu đãi, phải sử dụng bản chính thức, số lượng trong khung quy định, chỉ được phục vụ cho mục đích giáo dục đào tạo...

Ưu đãi này có giá trị trong vòng 10 năm tính từ lúc gia nhập Berne. Nhiều đơn vị hồ hởi với chi tiết trên nhưng một điều ngạc nhiên là kể từ lúc Công ước Berne có hiệu lực ở Việt Nam, gần như không có đơn vị nào sử dụng đến quyền ưu tiên này. Họ vẫn giao dịch, thỏa thuận quyền tác giả với các đối tác gần như là sòng phẳng và bằng vai phải lứa, nên giá bản quyền mua được vẫn cao ở mức từ 8% trở lên. Nếu so với mức giá Philipin đã mua là 3% mà chuyên gia WIPO đưa ra tại hội thảo thì rõ ràng các đơn vị Việt Nam cần phải học tập.

Dĩ nhiên giá mua bản quyền còn tùy theo điều kiện kinh tế xã hội của từng quốc gia. Mua bản quyền giá rẻ là điều ai cũng muốn song có khi lại làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường trên thị trường của tác phẩm đó. Thế nên, việc các nhà xuất bản của ta thường bị đại gia nước ngoài từ chối vì hợp đồng quá "cò con" diễn ra không ít. Đại diện Nhà xuất bản Trẻ, đơn vị sau 3 tháng gia nhập Công ước Berne đã mua được 11 đầu sách nước ngoài, tại hội thảo vẫn bày tỏ sự băn khoăn làm thế nào để có được hợp đồng mua bản quyền với giá ưu đãi.

"Mức phí 3% là rất rẻ nên các đơn vị trong nước cần phải đạt được và tận dụng. Chúng ta cần sử dụng tối đa những ưu đãi mà Công ước Berne dành cho chúng ta", ông Vũ Mạnh Chu khích lệ các đơn vị làm bản quyền. Ông Chu còn dẫn lời một chuyên gia nước ngoài rằng nếu đối tác gây khó dễ, các nhà xuất bản hãy lấy quyền ưu đãi ra... "dọa". Ngay cả bà Triena Noeline Ong, Chủ tịch Hiệp hội các nhà xuất bản Singapore cũng đưa ra lời khuyên cho các đồng nghiệp Việt Nam: *"Nếu các đối tác đưa ra mức giá cao và những điều kiện khó khăn, các bạn nên yêu cầu Nhà nước cấp cho quyền ưu đãi mà các nước đang phát triển có được"*.

Trung Quốc mới đây đã tuyên bố họ đã là nước phát triển, hiển nhiên sẽ rút khỏi danh sách những nước được ưu đãi. Nước ta đến 2014 mới hết thời hạn được ưu đãi, thậm chí đến thời điểm trên mà chúng ta vẫn còn trong hàng ngũ những nước đang phát triển, thì vẫn tiếp tục được ưu đãi. Với số lượng xuất phẩm không cao, mức giá 3% rẻ gần như là xài "chùa", tại sao chúng ta không tận dụng để có hàng loạt tác phẩm giá trị trong những 10 năm nữa?

Một vấn đề đáng quan tâm khác là phải có những tổ chức chính thống và chuyên nghiệp làm nhiệm vụ môi giới và tư vấn cho các nhà xuất bản sách và nhạc, các dịch giả, trong việc giao dịch ký kết bản quyền với các đối tác nước ngoài. Hiện nay ở Việt Nam chưa có được cơ chế tốt tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức đó ra đời và hoạt động.

Một khía cạnh nữa, là việc cần xây dựng "văn hoá bản quyền". Điều đó được hiểu là trình độ dân trí. Chính xây dựng văn hoá bản quyền sẽ làm trong sạch hoá môi trường văn hoá Việt Nam. Nếu Việt Nam thực hiện nghiêm chỉnh Công ước, các tệ nạn sao chép lậu sớm muộn cũng phải giảm đi cho đến khi trở thành ngoại lệ chứ không phải phổ biến như hiện nay.

Một thiếu sót nữa là ở trong hệ thống cơ quan tư pháp Việt Nam. Nếu như một tác giả hay một tổ chức đại diện tác quyền nước ngoài muốn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình ở Việt Nam thì phải khởi kiện dân sự theo pháp luật Việt Nam. Mà việc khởi kiện ở Việt Nam thì, chắc chắn là có quá nhiều khó khăn, chứ chưa nói đến thắng kiện. *Đầu tiên*, là việc kiện dân sự ở Việt Nam bao giờ cũng là việc khó, ngay cả với người Việt. *Thứ hai*, toà án Việt Nam có nhiều thẩm phán tâm lý bảo vệ người trong nước, có thể do trình độ ngoại ngữ kém, sẽ thiên vị hơn với người Việt. *Thứ ba*, nếu có thắng kiện thì cũng sẽ khó mà thi hành được án dân sự. Trong khi đó, hiện nay hầu hết người ta kêu gọi xử lý vi phạm quyền tác giả và những quyền liên quan theo hướng hình sự hoá, nghĩa là xử lý hình sự đối với các cá nhân vi phạm. Nhưng trên thực tiễn thế giới, thì có rất rất nhiều trường hợp người vi phạm là tổ chức, công ty chứ không phải cá nhân. Do vậy, không phải lúc nào cũng cá thể hoá chủ thể vi phạm để xử lý hình sự.

Về vấn đề này, nhiều nước hiện nay đang nghiên cứu thành lập ở mỗi nước thành viên của một Công ước quốc tế nào đó một Toà án chung cho tất cả các nước thành viên, và song song thành lập một cơ quan thi hành những phán quyết của Toà án đó. Để thực hiện được điều này, chắc đòi hỏi nhiều thời gian và nỗ lực của nhiều nước, của cả cộng đồng quốc tế.

Theo ông Vũ Mạnh Chu, Cục trưởng Cục bản quyền tác giả văn học - nghệ thuật, Việt Nam cũng đã có nhiều cố gắng: phối hợp với WIPO tổ chức các hội thảo, hội nghị tập huấn, cử chuyên gia đi các nước thành viên Công ước để học hỏi kinh nghiệm, thành lập hai trung tâm bảo hộ quyền tác giả âm nhạc và quyền tác giả văn học Việt Nam. Trong năm 2005, Trung tâm bản quyền nhiếp ảnh Việt Nam sẽ ra đời.

Một trong những hội thảo đó, được tổ chức để hướng tới việc Việt Nam đàm phán gia nhập WTO "***Về vai trò quyền tác giả trong ngành công nghiệp xuất bản***", diễn ra tại thành phố Hồ Chí Minh trong hai ngày 27 và 28/1/2005.

"Dù được sửa đổi liên tục theo sự phát triển chung của đời sống kinh tế xã hội các nước trên thế giới, song công ước quen thuộc nhất trong vấn đề quyền tác giả cũng đã bị tụt hậu trên một số lĩnh vực" - bà Geidy Lung, chuyên gia của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) phát biểu tại hội thảo.

Chưa cần đến chuyên gia, ngay cả những ai quan tâm và đọc kỹ Công ước Berne cũng có thể nhận ra trong điều khoản Những tác phẩm được bảo hộ, công ước này đã bỏ sót một vài thể loại tác phẩm. Tiêu biểu nhất trong số này là các chương trình máy tính và các sản phẩm của công nghệ đa phương tiện. Như thế, danh sách liệt kê các loại tác phẩm "thuộc lĩnh vực văn chương, khoa học và nghệ thuật" trong Công ước Berne, đã không hoàn chỉnh.

Đây không phải lỗi của những người soạn thảo công ước, mà chủ yếu là do nền công nghệ thông tin thế giới phát triển quá nhanh. Sự phát triển vũ bão này đã làm xuất hiện những hình thức sao chép mới, chính xác và nhanh hơn rất nhiều so với các phương tiện truyền thống. Tình trạng xâm phạm bản

quyền trên mạng internet diễn ra ngày càng nhiều trên thế giới, riêng ở Việt Nam, thậm chí có phần phức tạp hơn.

Bà Geidy Lung (chuyên gia của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO)) cho rằng: "*Chúng ta cần có những hiệp định, những thỏa thuận, biện pháp mới để thích nghi với điều kiện hiện nay nhằm bảo hộ quyền tác giả hiệu quả hơn. Công tác này đứng trước thách thức mới thì hệ thống luật pháp cũng cần được cải tiến, phát triển để thích ứng với cái mới phát sinh*". Dấu sao cũng đã có Hiệp định TRIPS ký năm 1996 về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ, đã bổ sung những khiếm khuyết của Công ước Berne.

Xây dựng được một hệ thống sở hữu trí tuệ đáp ứng tiêu chuẩn quy định trong TRIPS cũng là một trong những điều kiện đầu tiên để nước ta gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Khi Việt Nam đàm phán với Hoa Kỳ để ký kết Hiệp định thương mại song phương, các vấn đề về bản quyền cũng là những vấn đề nóng được hai bên nghiên cứu kỹ lưỡng. Trên đây là đoạn trích Hiệp định. Chúng ta sẽ thử nghiên cứu xem, những vấn đề này có những mối quan hệ hữu cơ nào với nhau.

Công ước Berne chỉ là một tiêu chuẩn, chứ không phải là một bộ luật quốc tế để bảo vệ quyền tác giả. Vấn đề cưỡng chế và thi hành những gì trong Công ước phải tùy thuộc vào luật pháp của quốc gia nơi vi phạm xảy ra. Trong quan hệ giữa các quốc gia với nhau thì những điều khoản bảo vệ quyền tác giả còn tùy thuộc vào các thỏa ước (*treaties*) giữa các nước liên đới. Ví dụ, Luật Quyền tác giả của Hoa Kỳ: Năm 1998, Hoa Kỳ tăng thời hạn bảo hộ quyền tác giả bằng Đạo luật **Sonny Bono**; theo đó thời gian bảo hộ là trọn đời tác giả cộng thêm 70 năm cho tác giả cá nhân, 75 đến 95 năm cho quyền tác giả tập thể hay là tác phẩm ra đời trước 1978. Giới hạn thời hiệu khởi kiện dân sự là ba năm từ khi vi phạm bản quyền bị phát hiện.

Luật quyền tác giả của Mỹ, cũng như của các quốc gia khác, chỉ bảo vệ một phương cách diễn đạt của một ý tưởng (*the particular expression of an idea*), chứ không bảo vệ ý tưởng (*ideas*) hay là sự kiện (*facts*). Ví dụ, luật

quyền tác giả không bảo vệ Chùa Một Cột như là một đối tượng nghệ thuật mà chỉ bảo vệ một cách diễn tả quay phim, họa, vẽ lại, hay là một bài thơ ca ngợi nó, một cách khác biệt. Luật quyền tác giả cũng khác với "Luật nhãn hiệu hàng hoá" (*Law of Trade Mark*). Bất cứ ai cũng có thể bị truy tố hay là bị kiện nếu vi phạm quyền tác giả; trong khi đó, "Luật nhãn hiệu hàng hoá" chỉ có thể áp dụng đối với các đối thủ cạnh tranh trên cùng một mặt hàng hay là cùng một thị trường. Nguyên đơn, nếu thắng kiện trong một phiên toà dân sự theo luật quyền tác giả ở tòa án liên bang Hoa Kỳ, có thể được bồi thường từ phía bị đơn, sự thiệt hại thực sự về vật chất có chứng cứ (*actual damages*) cộng với số tiền lời mà phía vi phạm có được từ sự vi phạm bản quyền. Nếu không có khả năng chứng minh thiệt hại thực sự thì phía nguyên đơn có thể yêu cầu tòa án được bồi thường theo luật định (*statutory damages*) từ 750 đến 30,000 đô-la Mỹ. Nếu việc vi phạm bản quyền là cố ý thì tiền thưởng có thể lên đến 150.000 đô-la cho người phát hiện vi phạm. Ngoài ra, tòa án có thể đòi phía bị đơn và thua kiện phải trả tiền lệ phí luật sư và phí tổn tranh tụng. Đồng thời, toà án có quyền ra lệnh tịch thu, phá huỷ các sản phẩm vi phạm tác quyền, và ra án lệnh (injunction) cấm không cho phía bị đơn tiếp tục vi phạm. Ngoài trách nhiệm dân sự, người vi phạm quyền tác giả có thể bị truy tố trách nhiệm hình sự, theo Luật 17 USC 506 mà tiền phạt tối đa là 300 ngàn đô-la và bị tù lên đến năm (5) năm cho mỗi trường hợp vi phạm.

Luật Quyền tác giả giữa Hoa Kỳ và Việt Nam: Hoa Kỳ chính thức tham gia công ước Berne năm 1989. Theo đó thì quyền tác giả từ các quốc gia trong Công ước Berne sẽ được luật pháp Hoa Kỳ công nhận mà không cần phải thông báo, đăng ký. Ví dụ, dấu hiệu ghi chú bản quyền trên sách, băng đĩa nhạc "all rights reserved" hay là © nay không còn cần thiết nữa. Hoa Kỳ và Việt Nam chính thức công nhận quyền tác giả tương tác vào năm 1998 (63 Fed. Reg. 71571) theo Điều 17 Bộ Luật Hoa Kỳ USC, khoản 104 và khoản 17 của USC khoản 500 et. al..

Việt Nam và Hoa Kỳ đã chính thức ký kết những văn bản chung về quyền tác giả vào tháng 12 năm 2001. Chiếu theo Bộ Luật Liên Bang về quyền tác giả của Hoa Kỳ, (17 USC 500 et. al.), tác giả hay chủ thể có quyền của Việt Nam có thể nộp đơn kiện hành vi vi phạm tại tòa án liên bang Hoa Kỳ qua sự đại diện pháp lý chính thức của luật sư được công nhận bởi tòa án liên bang.

Ở Việt Nam, quyền của tác giả Hoa Kỳ thì lại được tích cực bảo vệ bởi quy chế văn hóa phẩm của Việt Nam qua giấy phép xuất bản. Hiện nay, sách dịch sang tiếng Việt, muốn được giấy phép xuất bản, phải có giấy phép bản quyền của nhà xuất bản nguyên gốc hay là tác giả. Hiện nay, rất khó khăn khi muốn tiếp xúc với các nhà xuất bản ở Hoa Kỳ để thương thảo mua bản quyền. Điều này làm cho thị trường sách dịch ở Việt Nam bị chững lại.

Trong khi đó, quyền tác giả Việt Nam ở Hoa Kỳ thì chỉ được công nhận trên văn bản, chứ thực chất bảo vệ thì là con số không. Nếu một tác giả hay chủ thể có quyền ở Việt Nam muốn "được bảo vệ" ở Hoa Kỳ thì chỉ có cách phản ứng tiêu cực: nộp đơn kiện ở tòa án liên bang Hoa Kỳ. Nhưng điều này trên thực tế hầu như là không thể. Ai cũng biết là những vi phạm quyền tác giả Việt Nam ở Mỹ đều được tiến hành bởi những "kẻ trọc đầu". Ví dụ, cuốn phim "Bầy Tinh" vừa mới ra đời, do một hãng phim của một Việt Kiều sản xuất có giấy phép tại Việt Nam, sau đó không được phép chiếu trong nước. Hai tuần sau khi hoàn tất ấn bản phim ở Việt Nam thì bản phim lậu bày bán ở các chợ người Việt ở California với giá rất rẻ, với bao bì mới, không hề ghi tên nhà sản xuất. Thế thì tác giả có thể làm gì dưới công ước Berne? Nộp đơn khởi kiện dân sự ở tòa án liên bang Hoa Kỳ thì tốn kém mà chắc chắn là sẽ không đem lại kết quả nào, đó là chưa nói đến chuyện "biết ai mà kiện". Nếu kiện về hình sự thì vụ việc không đủ lớn, hoặc là không đủ gây ảnh hưởng, để cho Bộ Công Lý Hoa Kỳ truy tố.

3.3. NHỮNG GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI VIỆT NAM KHI THAM GIA CÔNG ƯỚC BERNE TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP

Có thể nói Việt Nam gia nhập Công ước Berne là một bước tiến tất yếu của sự phát triển và hội nhập. Không chỉ là vấn đề quyền tác giả, tham gia Công ước Berne, Việt Nam đã tạo cho mình một hình ảnh tốt đẹp hơn trong mắt bạn bè quốc tế.

Tham gia Công ước là một tín hiệu tích cực, qua đó Việt Nam tỏ thiện chí hội nhập, tuân thủ luật chơi quốc tế, tham gia vào khung pháp lý đa phương và tiến thêm một bước trong việc xây dựng một đất nước pháp quyền. Mọi tiến bộ về các mặt này đều là những dấu hiệu khả quan đối với các nhà đầu tư quốc tế, các bạn hàng ngoại thương, và các đối tác trong mọi quan hệ hợp tác nói chung. Song, cam kết là một chuyện, chấp hành nghiêm chỉnh mới là thử thách. Thiện chí phải được chứng minh qua hành động. Làm được điều này sẽ góp phần không nhỏ vào việc củng cố uy tín và vị trí của Việt Nam trên thế giới.

Do đó vấn đề cấp bách Việt Nam phải giải quyết là trang bị cho mình những phương tiện để hoàn thành trách nhiệm ấy: thành lập cơ chế hành chính và pháp lý, đào tạo đội ngũ chuyên môn, giáo dục công chúng, ngăn ngừa vi phạm và thi hành các biện pháp xử lý.

Tạo cơ chế cho những tổ chức chính thống và chuyên nghiệp làm nhiệm vụ môi giới và tư vấn cho các nhà xuất bản sách và nhạc, các dịch giả, trong việc giao dịch ký kết bản quyền với các đối tác nước ngoài.

Những bài học của các vụ kiện cá Basa, vụ chất độc Da Cam ở Hoa Kỳ, vụ hàng không Việt Nam ở Ý đã làm cho Việt Nam nhận thức rõ ràng hơn cái nhu cầu khẩn cấp và thiết yếu của một đội ngũ luật sư quốc tế chuyên nghiệp và bản lĩnh. Các cá nhân, công ty và cơ quan Việt Nam không thể ký hợp đồng một cách vô tội vạ, thiếu trách nhiệm với các đối tác nước ngoài. Và Việt Nam cũng không thể vì nóng lòng muốn hội nhập để vội vàng tham

gia vào các hiệp định hay là công ước quốc tế mà không hiểu rõ bản chất tác động lâu dài của sự cam kết cũng như chưa có khả năng chuẩn bị cho mình một khả năng tham dự có thực chất.

Đối với chính sách hội nhập thì:

Hướng dẫn một cách có hệ thống và kỹ thuật cho tất cả các doanh nghiệp cỡ vừa trở lên về luật pháp quốc tế. Khi Việt Nam đã vào WTO và Hiệp định thương mại Việt Mỹ đã có hiệu lực, thì các doanh nghiệp Việt Nam sẽ không tránh khỏi vòng ảnh hưởng của các hiệp định thương mại quốc tế và do đó luật pháp quốc tế sẽ chi phối một phần quan trọng trong lĩnh vực kinh doanh của họ. Nếu doanh nghiệp trong nước không hội nhập, thì không chỉ tụt hậu mà còn thua thiệt. Doanh nghiệp phải có một văn phòng luật sư tư vấn và chịu trách nhiệm pháp lý. Các chương trình quản trị kinh doanh đều phải bao gồm các khóa về luật kinh doanh quốc tế và hợp đồng thương mại quốc tế.

Đầu tư cho một thể hệ luật sư quốc tế mới. Song song với những cải tổ đang tiến hành về pháp chế trong nước, Việt Nam phải phấn đấu đào tạo một đội ngũ luật sư Việt Nam đáp ứng được yêu cầu của thời cuộc. Một mặt, các khoa luật quốc tế ở các trường luật cần cải tiến chương trình giảng dạy để đào tạo một thể hệ luật sư mới có trình độ chuyên môn và bản lĩnh ngang hàng với luật sư Âu Mỹ. Chương trình giảng dạy và điều kiện tốt nghiệp phải tiến dần ngang bằng với các chương trình luật học của Mỹ mà trong đó khả năng ngoại ngữ, kỹ năng tranh tụng, kỹ năng thu thập và phân tích chứng cứ cần được chú trọng đào tạo. Việc tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo cũng là một hướng đi tốt.

Quy định của xuất bản ở Việt Nam cũng cần phải được thay đổi: Giấy phép xuất bản cần phải được bỏ, đây là một loại giấy phép con gây cản trở tiến trình hội nhập. Thay đổi để cho các điều kiện pháp lý trong và ngoài nước, mà trước hết là theo công ước Berne được tương đối ngang bằng và cũng để giảm bớt tình trạng in và phát hành sách dịch lậu.

Nhà nước cũng nên mạnh dạn chuyển sang các hướng xác định mới có lợi cho tổng thể toàn xã hội dù việc đó có thể có những khó khăn bước đầu. Ở đây tác giả muốn đề cập tới việc tạo ra một định chế pháp lý cho việc chuyển toàn bộ nền công nghệ thông tin đất nước sang dùng hệ điều hành và phần mềm mã nguồn mở - một quyết định cần nhưng không dễ. Mới đây, chính quyền thành phố Múnich (CHLB Đức) mới quyết định chuyển toàn bộ máy vi tính trong hệ thống bộ máy chính quyền bang sang dùng hệ điều hành Linux. Ai lại có thể đi thu của một trường tiểu học nghèo đến 250 đô-la Mỹ cho một bộ cài đặt hệ điều hành cho một máy tính bao giờ (đó chính là **Microsoft**)? Chính vì lẽ đó mà hiện nay, nhiều Chính phủ trong đó có Chính phủ Việt Nam đã lựa chọn hệ điều hành **Linux Redhat** cho các dự án phổ cập tin học cho trẻ tác giả nông thôn.

Bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng của nước mình trong việc tạo điều kiện cho họ tiếp cận với các tác phẩm văn học nghệ thuật của nền văn minh thế giới cân bằng với việc tham gia hội nhập ngày càng sâu rộng vào tiến trình quốc tế.

KẾT LUẬN

Bảo hộ quyền tác giả trong pháp luật Việt Nam là một nội dung quan trọng trong tiến trình hội nhập, phát triển kinh tế xã hội và nâng cao đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân.

Để điều hoà được tất cả những khía cạnh đó của yêu cầu phát triển xã hội nói chung, đòi hỏi phải có một nỗ lực tương đối lớn của tất cả các cơ quan hữu quan và từng công dân trong xã hội.

Trong tổng thể đó, vai trò của các quy định pháp luật về bảo hộ quyền tác giả là khung pháp lý quan trọng để thực thi quyền tác giả, đồng thời là cơ sở pháp lý để công chúng được tiếp cận các sản phẩm sáng tạo trí tuệ, thoả mãn nhu cầu tinh thần của mình, đưa các sáng tạo trí tuệ tới công chúng, đảm bảo quyền được tự do sáng tạo và các quyền con người về mặt vật chất và tinh thần.

Đứng trước sự phát triển như vũ bão của công nghệ, nhất là trong kỷ nguyên kỹ thuật số, việc bảo vệ quyền tác giả càng trở nên khó khăn, nhiều thách thức nhưng đồng thời mở ra quá nhiều cơ hội. Việc Việt Nam gia nhập "Công ước Berne về bảo vệ quyền tác giả của tác phẩm văn học nghệ thuật" và mới nhất, sự kiện Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) lại càng làm cho cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trở nên rõ ràng hơn bao giờ hết.

Trong tiến trình hội nhập đó, chúng ta phải làm gì đây? Tiếp tục sử dụng tác phẩm không có bản quyền chẳng - để rồi phải chịu những biện pháp chế tài thương mại quốc tế? Hay không mua bản quyền gì cả để người dân trong nước "đói" văn hoá? Đây là những câu hỏi khó, mà bản thân bản luận văn này chưa thể giải đáp được.

Do đó, tác giả hy vọng trong tương lai sẽ có điều kiện tiếp tục nghiên cứu vấn đề này với một trình độ cao hơn, nhưng bước đầu tiên của sự nghiệp nghiên cứu khoa học chắc chắn phải là bản Luận văn Thạc sỹ này.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

*** Luật Việt Nam:**

1. *Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*
2. *Bộ Luật Dân sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*
3. *Luật sở hữu trí tuệ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*
4. *Luật Xuất bản của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

*** Luật nước ngoài:**

5. *Công ước Berne về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học nghệ thuật (cả các phiên bản sửa đổi).*
6. *Công ước thành lập WIPO năm 1967.*
7. *Công ước Rome 1961 về Bảo hộ người biểu diễn, người ghi âm, tổ chức phát sóng.*
8. *Công ước Washington năm 1989 về Sở hữu trí tuệ đối với mạch tích hợp.*
9. *Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ.*

*** Sách tham khảo, tạp chí và trang web:**

10. "International Copyright: Principles, Law, and Practice" của Paul Goldstein
11. ^ Borland, John. "Unreleased Madonna Single Slips On To Net", CNET News.com, June 1, 2000.
12. ^ Jupiter Media Metrix (July 20, 2001). Global Napster Usage Plummetts, But New Tập tin-Sharing Alternatives Gaining Ground. Press Release.
13. ^ Ghostác giảajumder, Shuman. Advanced Peer-Based Technology Business Models. P2P Industry Model from MIT, 2002.
14. ^ A & M Records, Inc. v. Napster, Inc., 114 F. Supp. 2d 896 (N.D. Cal. 2000), aff'd in part, rev'd in part, 239 F.3d 1004 (9th Cir. 2001)

15. ^ Menta, Richard. "RIAA Sues Music Startup Napster for \$20 Billion", MP3 Newswire, Dectác giãber 9, 1999.
16. ^ 2001 US Dist. LEXIS 2186 (N.D. Cal. Mar. 5, 2001), aff'd, 284 F. 3d 1091 (9th Cir. 2002).
17. ^ Evangelista, Benny. "Napster runs out of lives - judge rules against sale", San Francisco Chronicle, Septtác giãber 4, 2002.
18. ^ Menta, Richard. "Did Napster Take Radiohead's New Album to Number 1?", MP3 Newswire, October 28, 2000.
19. ^ <http://www.riaa.com/gp/database/default.asp>
20. ^ "Porn company offers to buy Napster", CNET News.com, Septtác giãber 12, 2002.
21. ^ Dube, Ric. (February 2002). MusicNet, PressPlay Fall Short. Ice Magazine, (179).
22. ^ Grimmelmann, James. "Blogster", The Laboratorium, July 18, 2003.
23. ^ Abrams, Jonathan. SXSW Interactive Keynote Speech. South by Southwest festival. Austin, TX. March 16, 2004.
24. Tạp chí Global Finance, tháng 11 năm 1999
25. www.filmsite.org
26. (<http://dictionary.bachkhoatoanthu.gov.vn/>)
27. Sách thống kê hàng năm: Điện ảnh, truyền hình, video và phương tiện mới ở châu Âu (Strasbourg: European Audiovisual Observatory, 1998), Lịch sử điện ảnh thế giới (www.filmsite.org).
28. Website chính thức của **Linus Torvalds**:
<http://www.cs.helsinki.fi/u/torvalds/>
29. Tạp chí **PC World USA**
30. ([http://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BB%B9 thu%E1%BA%ADt](http://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt))
31. (<http://www.handheldvn.com/story.php?id=395>)

32. (http://www.dangcongsan.vn/chuyende/vn_dn_cn/details.asp?topic=32&subtopic=226&leader_topic=525&id=BT2290566338)
33. (Theo Thê Thao&Văn Hóa 11/2006:
34. <http://thoibaoviet.com/live/FrontPage06/Trang-nhat/News-page?contentId=16592>
35. (Báo Nhân Dân điện tử, ngày 3.11.2004).
36. (<http://vietnamnet.vn/xahoi/phapluat/2006/04/557635/>)
37. VietNamNet 03/11/2006.

Thank you for evaluating AnyBizSoft PDF Merger! To remove this page, please register your program!

[Go to Purchase Now>>](#)



AnyBizSoft

PDF Merger

- ✓ Merge multiple PDF files into one
- ✓ Select page range of PDF to merge
- ✓ Select specific page(s) to merge
- ✓ Extract page(s) from different PDF files and merge into one